

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

PHẠM THỊ NGÂN

**QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CHÍ LINH**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hải Dương - Năm 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

PHẠM THỊ NGÂN

**QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CHÍ LINH**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. PHẠM QUANG THỊNH

Hải Dương - Năm 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của tôi. Những số liệu, kết quả trình bày trong đề án là hoàn toàn trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các kết quả nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn.

Hải Dương, ngày.....tháng..... năm 2025

Học viên thực hiện Đề án

Phạm Thị Ngân

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn trân thành đến Ban Giám hiệu, Thầy cô giáo và cán bộ nhân viên Phòng Sau đại học - Trường Đại học Hải Dương đã giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại trường, để tôi có được nền tảng kiến thức vững chắc phục vụ quá trình nghiên cứu đề án này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ rất tận tình, chu đáo và khoa học của TS. Phạm Quang Thịnh đã chỉ bảo, hướng dẫn cho tôi hoàn thành đề án này.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự tạo điều kiện giúp đỡ nhiệt tình của tập thể Ban lãnh đạo cùng các đồng nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh đã giúp tôi thu thập số liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu làm cơ sở cho việc phân tích, tổng hợp và hoàn thành đề án.

Trân trọng cảm ơn!

Hải Dương, ngày.....tháng..... năm 2025

Học viên thực hiện Đề án

Phạm Thị Ngân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG	vii
DANH MỤC CÁC HÌNH	viii
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề án:.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục tiêu của đề án	5
3.1. Mục tiêu chung	5
3.2. Mục tiêu cụ thể	5
4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của đề án:	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án.....	5
5.1. Phương pháp thu thập thông tin	5
5.2. Phương pháp dự kiến phân tích số liệu/ thông tin	7
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	8
7. Kết cấu của đề án	9
CHƯƠNG 1.....	10
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ.....	10
1.1. Tổng quan về nợ thuế và quản lý nợ thuế	10
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nợ thuế	10
1.1.2. Khái niệm, vai trò và nguyên tắc quản lý nợ thuế.....	15
1.2. Nội dung quản lý nợ thuế.....	18
1.2.1. Công tác lập kế hoạch giao chỉ tiêu thu tiền nợ thuế.....	18
1.2.2. Triển khai thu nợ thuế.....	19

1.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo kết quả thu nợ thuế.....	20
1.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả công tác quản lý nợ thuế..	21
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nợ thuế	23
1.3.1. Các nhân tố khách quan.....	23
1.3.2. Các nhân tố chủ quan.....	25
1.4. Kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nợ thuế tại một số Chi cục Thuế và bài học rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	26
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế tại một số Chi cục Thuế	26
1.4.2. Bài học rút ra về quản lý nợ thuế cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh...	32
1.5 Cơ sở pháp lý.....	33
Kết luận chương 1	35
CHƯƠNG 2.....	36
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ.....	36
THÀNH PHỐ CHÍ LINH.....	36
2.1. Giới thiệu chung về Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Chi cục Thuế thành phố Chí Linh .	36
2.1.2. Bộ máy tổ chức quản lý tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.....	37
2.1.3. Kết quả thu thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	38
2.2. Thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023.....	44
2.2.1. Tình hình nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	44
2.2.2. Thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	50
2.3. Đánh giá chung về quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023	75
2.3.1. Kết quả đạt được.....	75
2.3.2. Hạn chế tồn tại và nguyên nhân	76

2.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023	80
2.4.1. Nguyên nhân chủ quan	80
2.4.2. Nguyên nhân khách quan	80
Kết luận chương 2	82
CHƯƠNG 3.....	83
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CHÍ LINH	83
3.1. Quan điểm, định hướng hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	83
3.1.1. Quan điểm hoàn thiện quản lý nợ thuế	83
3.1.2. Định hướng quản lý nợ thuế	84
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh	86
3.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý nợ thuế	86
3.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế	89
3.2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý thuế	92
3.2.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong công tác quản lý nợ thuế	95
3.2.5. Hoàn thiện công tác đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.....	98
3.2.6. Hoàn thiện công tác kiểm tra giám sát, báo cáo kết quả thu nợ thuế	102
Kết luận chương 3	105
KẾT LUẬN	106
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	107

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
CBT	Cán bộ thuế
CCNT	Cưỡng chế nợ thuế
CCT	Chi cục thuế
CNTT	Công nghệ thông tin
CQT	Cơ quan thuế
DN	Doanh nghiệp
DT	Dự toán
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
HKD	Hộ kinh doanh
KBNN	Kho bạc Nhà nước
KTXH	Kinh tế xã hội
NN	Nhà nước
NNT	Người nộp thuế
NQD	Ngoài quốc doanh
NS	Ngân sách
NT	Nợ thuế
QL	Quản lý
QLN	Quản lý nợ
QLT	Quản lý thuế
STT	Số tiền thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNCN	Thu nhập cá nhân

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số bảng</i>	<i>Tên bảng</i>
2.1	Kết quả TH/DT thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.2	Tình hình thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.3	Số lượng đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.4	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.5	Kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.6	Đặc điểm CBT công tác QLNT của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.7	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo tính chất giai đoạn 2019-2023
2.8	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo đối tượng giai đoạn 2019-2023
2.9	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo sắc thuế giai đoạn 2019-2023
2.10	Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.11	Các biện pháp đôn đốc thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.12	Kết quả thu nợ bằng biện pháp đôn đốc, cưỡng chế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.13	Kết quả TH kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

DANH MỤC CÁC HÌNH

<i>Số hình</i>	<i>Tên hình</i>
2.1	Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý CCT thành phố Chí Linh
2.2	Kết quả thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.3	Số lượng đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.4	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.5	Kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.6	Tỷ lệ cán bộ QLNT/tổng số CBT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.7	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo tính chất giai đoạn 2019-2023
2.8	Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo đối tượng giai đoạn 2019-2023
2.9	Công tác hỗ trợ NNT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.10	Các biện pháp đôn đốc thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.11	Tỷ lệ NT thu hồi/Tổng NT của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023
2.12	Tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề án:

Quản lý nợ thuế (QLNT) là một khâu quan trọng trong hệ thống Quản lý thuế (QLT), là một trong những chức năng chính của mô hình Quản lý thuế theo chức năng, kể từ khi Luật Quản lý thuế có hiệu lực (01/7/2007) đã và đang phát huy tác dụng tích cực trong bối cảnh nền kinh tế thị trường của Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới. Nợ thuế (NT) là một thực trạng phổ biến thường gặp trong hoạt động và Quản lý thuế hiện nay. Tình trạng nợ thuế luôn diễn biến phức tạp với nhiều nguyên nhân, mức độ và tính chất khác nhau. Công tác Quản lý thuế và nhất là công tác quản lý nợ thuế rất cần thiết vì thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN và là công cụ quan trọng góp phần điều chỉnh, thực hiện các chính sách vĩ mô của Nhà nước. Do vậy, trong hệ thống Quản lý thuế, quản lý nợ thuế là một khâu quan trọng, là một chức năng chính của QLT. Công tác này có vai trò góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của đối tượng nộp thuế nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế cho NSNN nhằm chống thất thu thuế, đảm bảo công bằng giữa Người nộp thuế.

Trong bối cảnh chung của đất nước, Ngành Thuế tỉnh Hải Dương nói chung và Chi cục thuế (CCT) thành phố Chí Linh nói riêng đã và đang triển khai công tác Quản lý thuế, trong đó có công tác Quản lý nợ thuế. Thực tế thời gian qua cho thấy công tác QLNT tại CCT thành phố Chí Linh đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, mặc dù đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp quyết liệt, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và hết sức mềm dẻo linh hoạt, song công tác QLNT vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, cùng với việc tăng số thu thuế thì số NT cũng ngày một tăng cao. Đứng trước thực trạng đó, công tác QLNT tại Chi cục thuế thành phố Chí Linh nói riêng đang là vấn đề đòi hỏi sự cải tiến, hoàn thiện hơn nữa.

Thành phố Chí Linh là một thành phố trẻ, năng động của tỉnh Hải Dương và đang trong giai đoạn phát triển, với nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, xã hội, đang ngày càng thu hút nhiều dự án đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh là điều kiện thuận lợi để gia tăng tổng thu ngân sách nhà nước. Thời gian qua, Chi cục

Thuế thành phố Chí Linh đã đạt được nhiều kết quả nhất định trong công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế nợ thuế nói riêng: số thu thuế ngày càng tăng năm sau cao hơn năm trước, trong đó chỉ tiêu nợ thuế của các doanh nghiệp (DN), hộ kinh doanh/tổng số thu NSNN đạt tỷ lệ dưới 5%.

Qua quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Hải Dương và qua quá trình công tác tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, học viên lựa chọn đề tài ***“Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh”*** làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ của mình để nghiên cứu.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đề tài, tác giả đã có cơ hội tiếp cận, tham khảo một số công trình khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài như sau:

- Nguyễn Hữu An (năm 2019), Luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại Huế *“Hoàn thiện công tác quản lý thu nợ thuế tại Chi cục thuế huyện Đông Hà”*. Tác giả rút ra sáu bài học kinh nghiệm cho Chi cục thuế huyện Đông Hà trong công tác quản lý nợ thuế. Trên cơ sở tìm hiểu, đánh giá thực trạng thực hiện và bài học kinh nghiệm rút ra, tác giả đưa ra bốn nhóm giải pháp nhằm tăng cường thu nợ thuế đối với DN ngoài quốc doanh tại Chi cục thuế huyện Đông Hà.

- Trần Việt Tuấn (năm 2021), Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế Trường Học viện Tài chính *“Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay”*. Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác QLNT và CCNT ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2019; chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác QLNT và CCNT ở Việt Nam giai đoạn này. Luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác QLNT và CCNT và các giải pháp điều kiện đảm bảo nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLNT và CCNT ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn 2030.

- Luận văn Thạc sĩ: *“ Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp tại Chi cục Thuế TP. Nha Trang”* của tác giả Nguyễn Văn Hùng (2021). Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với Doanh nghiệp tại Chi cục Thuế TP. Nha Trang trong giai

đoạn 2017-2019, chỉ ra những kết quả đạt được và những tồn tại trong công tác quản lý thuế và có giải pháp để hoàn thiện cho phù hợp. Luận văn đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với các phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp đánh giá bình quân... nhằm đánh giá và rút ra được những vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu trong công tác quản lý thuế đối với DN trên địa bàn TP. Nha Trang. Trên cơ sở những đánh giá này, tác giả tìm nguyên nhân vì sao đưa đến những tồn tại của công tác quản lý của Chi cục Thuế trong những năm qua. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy rằng, thành công trong công tác quản lý thuế tại Chi cục Thuế TP Nha Trang như là thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về thuế; Rà soát, đối chiếu, phân loại, theo dõi số nợ thuế, Quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, tỷ trọng nợ chờ xử lý trên tổng nợ có xu hướng giảm dần; tỷ lệ đơn khiếu nại được giải quyết đúng hạn luôn chiếm trên 90% trong lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

- Nguyễn Thị Hồng Nhung (năm 2022), Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh “*Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại cục thuế tỉnh Vĩnh Long*”. Luận văn phân tích thực trạng nợ thuế trên cả nước nói chung và tại tỉnh Vĩnh Long nói riêng trong nhiều năm qua đã gây thất thu đến ngân sách nhà nước, nợ tiền thuế là một hình thức trốn thuế của người nộp thuế. Cơ quan thuế bằng nhiều biện pháp khác nhau đã vận dụng các quy trình, quy định, nghiệp vụ chuyên môn để siết chặt tình hình nợ thuế của người nộp thuế trên địa bàn. Tuy nhiên số lượng các doanh nghiệp nợ tiền thuế không có xu hướng giảm. Mục tiêu chính của luận văn là đánh giá thực trạng về quản lý nợ thuế cũng như tình hình nợ tiền thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2017-2021 để từ đó tìm ra nguyên nhân nhằm đưa ra các kiến nghị, giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Một số kết luận rút ra qua tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và khoảng trống nghiên cứu:

Một là, các công trình trên đã hệ thống hóa một cách tương đối đầy đủ

những lý luận cơ bản về công tác quản lý thu nợ thuế. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nợ thuế trong các đề tài được vận dụng để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện công tác thực hiện tại một số đơn vị. Trong đề tài luận văn này tác giả sẽ kế thừa và vận dụng cơ sở lý luận vào nghiên cứu công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp để viết chương 1 và học tập các kinh nghiệm về giải pháp để viết chương 3.

Hai là, trong các công trình đã tổng quan đã rút ra các kết luận về ưu điểm, hạn chế của công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp và đề xuất khá nhiều giải pháp, kiến nghị khả thi nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế. Trong đó có một số giải pháp, kiến nghị có thể vận dụng cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, tác giả sẽ nghiên cứu sử dụng các kết luận, đề xuất và kiến nghị phù hợp với thực trạng hoạt động của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Ba là, qua tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn này cho thấy chưa có công trình nào được nghiên cứu về quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng và kết quả điều tra, tác giả đề xuất những giải pháp mới có tính khả thi để hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Chí Linh quản lý trong bối cảnh mới của kinh tế.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở trên đã hệ thống một cách tương đối đầy đủ cơ sở lý luận cơ bản về nợ thuế và quản lý nợ thuế, đồng thời vận dụng để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại một số đơn vị. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay chưa có công trình nghiên cứu về: ***“Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh”*** và để rút ngắn thời gian quản lý, bộ máy nhân sự tinh giảm, hướng đến sự đồng hành, hướng dẫn, NNT là đối tượng phục vụ....và khi nền tảng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã không còn dừng lại ở nền tảng truyền thống, nền tảng vật chất, cơ học nữa, mà chuyển sang số hóa, bán hàng qua mạng, online... Chính vì thế việc nghiên cứu đề tài này là cấp thiết và có tính mới, không trùng với những nghiên cứu trước đó.

3. Mục tiêu của đề án

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề án là nghiên cứu thực trạng công tác QLNT tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường công tác QLNT tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh trong giai đoạn tới nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý nợ thuế.

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của đề án:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề liên quan đến công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

Về thời gian: từ năm 2019 đến năm 2023.

Về nội dung: Đề tài tập trung đi sâu vào các vấn đề lý luận và thực trạng, các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án

5.1. Phương pháp thu thập thông tin

*** Với các dữ liệu thứ cấp**

+ Thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ở sách, báo, tạp chí chuyên ngành, hội thảo, các báo cáo có liên quan, báo cáo khoa học đã được công bố, các trang web, các bài báo trên mạng internet,... có liên quan đến đề tài;

+ Thu thập các thông tin, số liệu về đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế -

xã hội của thành phố Chí Linh, tại Chi cục Thống kê, Văn phòng HĐND - UBND thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan;

+ Thu thập thông tin về các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý nợ thuế đối với Người nộp thuế do Chi cục Thuế thành phố Chí Linh quản lý.

+ Các bài báo, tạp chí khoa học chuyên ngành kinh tế, quản lý thuế;

+ Các công trình nghiên cứu, dự án thực hiện trên địa bàn.

Các dữ liệu thứ cấp nêu trên được thu thập nhằm phân tích một số kết quả hoạt động quản lý nợ thuế.

Ngoài ra, tác giả tham khảo các loại sách, báo, tài liệu chuyên ngành, các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến vấn đề và lĩnh vực nghiên cứu để qua đó hệ thống hóa nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho việc tiếp cận, phân tích và giải quyết vấn đề cụ thể đối với trường hợp nghiên cứu tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh được đặt ra ở mục tiêu nghiên cứu.

Sau khi tổng hợp các dữ liệu thứ cấp, luận văn sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung trong khoa học kinh tế như: Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh... từ đó đưa ra kết luận chung nhất

**** Với các dữ liệu sơ cấp***

- Thu thập dữ liệu sơ cấp:

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát trực tiếp theo bảng hỏi chuẩn bị trước.

+ Đối tượng khảo sát: Các cán bộ công chức thuế thuộc Chi cục Thuế thành phố Chí Linh và các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh do Chi cục Thuế thành phố Chí Linh quản lý.

+ Nội dung khảo sát: Trên cơ sở nội dung và nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp để xác lập các câu hỏi. Chủ yếu nhằm đánh giá của các đối tượng về sự phù hợp của quy trình quản lý nợ thuế; ý thức tuân thủ pháp luật thuế của NNT; chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ công chức thuế; mức độ phát hiện những bất hợp lý của pháp luật thuế... Tác giả sử dụng thang đo Likert 5 bậc để đo lường các mức độ đánh giá như sau:

1. Thấp
2. Tương đối thấp
3. Trung bình
4. Tương đối cao
5. Cao

Từ lý thuyết thống kê mô tả, ý nghĩa giá trị trung bình đối với mỗi mức độ của thang đo Likert 5 được đánh giá như sau:

Giá trị trung bình:	Ý nghĩa
1.00-1.80	Thấp/Phức tạp/ Chậm và không rõ ràng
1.81-2.60	Tương đối thấp/ Chưa thuận lợi/Tương đối chậm và không rõ ràng
2.61-3.40	Trung bình/Tương đối thuận lợi/Mức độ trung bình
3.41-4.20	Tương đối cao/Thuận lợi/Tương đối nhanh và rõ ràng
4.21-5.00	Cao/Rất thuận lợi/Nhanh và rõ ràng

+ Mục đích khảo sát: Phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nợ thuế của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

+ Phương pháp chọn mẫu: Tác giả thực hiện chọn mẫu ngẫu nhiên.

- Xử lý dữ liệu sơ cấp:

Đối với dữ liệu sơ cấp, sau khi thu thập các phiếu điều tra, tác giả sử dụng phần mềm excel để tổng hợp các kết quả. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, theo thang đo Likert 5 bậc, ứng với mỗi ý kiến phản hồi là một mức điểm, tác giả tính mức điểm trung bình để đưa ra mức đánh giá. Từ lý thuyết thống kê mô tả, điểm trung bình cho mức ý nghĩa trị trung bình để đưa ra nhận định.

5.2. Phương pháp dự kiến phân tích số liệu/ thông tin

Từ số liệu đã thu thập, tác giả sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp luận:

Việc nghiên cứu đề tài luận văn dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý ngân sách nhà nước và quản lý

kinh tế, xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay; Kế hoạch cải cách quản lý thuế giai đoạn 2020 - 2025; Kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của một số công trình nghiên cứu liên quan đã được công bố, đồng thời sử dụng tổng hợp các phương pháp thống kê để thu thập thông tin và các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa... nhằm khái quát lý luận, tổng kết, đánh giá thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

- Phương pháp thống kê mô tả số tuyệt đối, tương đối để xác định sự biến động của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong một thời gian và không gian nhất định. Sử dụng phương pháp này để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh về quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp.

- Phương pháp so sánh: đối chiếu các chỉ tiêu, hiện tượng đã được lượng hóa có cùng nội dung, tính chất tương tự để đánh giá. Trên cơ sở đó đánh giá mặt tích cực, hạn chế, hiệu quả hay không hiệu quả để tìm ra các giải pháp tối ưu trong từng trường hợp.

- Ngoài ra, trong quá trình hoàn thành đề án còn sử dụng các phương pháp khác như phương pháp đồ thị, biểu đồ, hình vẽ. Từ các bảng số liệu, lập ra biểu đồ để thông qua đó quan sát và rút ra những đánh giá tổng quát về quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh là so sánh lý thuyết và thực tế từ đó khái quát và đưa ra kết luận. Các dữ liệu được lập vào bảng tính Excel kết hợp áp dụng các công cụ phân tích, thống kê và các phương pháp kế toán: chứng từ kế toán, đối ứng tài khoản, và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán để có các thông tin phù hợp nội dung khảo sát nhằm rút ra kết luận về thực trạng quản lý nợ thuế tại đơn vị nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Về mặt lý luận: Đề án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Về mặt thực tiễn: Đề án đã đánh giá một cách toàn diện thực trạng quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, đồng thời đưa

ra những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quản lý nợ thuế đối của Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục liên quan đề án được trình bày trong 03 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế.

Chương 2: Thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ

1.1. Tổng quan về nợ thuế và quản lý nợ thuế

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nợ thuế

* Khái niệm thuế:

Theo Điều 3 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 “*Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế*”.

Xét về bản chất, thuế là một hình thức Nhà nước tái phân phối thu nhập do doanh nghiệp và dân chúng sáng tạo, hình thành nên thu NSNN. Xét về hiện tượng, thuế là quá trình chuyển dịch một chiều thu nhập từ khu vực tư nhân vào khu vực công, biến một phần chi tiêu riêng vì lợi ích chung.

* Khái niệm nợ thuế:

Nợ thuế là khoản tiền thuế theo quy định của pháp luật thuế nhưng người nộp thuế (NNT) không nộp đầy đủ, đúng hạn vào NSNN.

Một trong những đặc trưng quan trọng của thuế là mang tính pháp lý cao. Mỗi khoản thuế phát sinh được xác định trên cơ sở thu nhập của NNT và sẽ trở thành khoản nộp bắt buộc mà NNT phải có nghĩa vụ chuyển giao cho NN. Tuy nhiên, trong thực tiễn vì những lý do nào đó, NNT chưa nộp hoặc không nộp thuế cho NN theo thời hạn quy định sẽ hình thành nên một khoản NT.

Theo Điều 3, Luật QLT năm 2019: “*TTN là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan QLT QL thu mà NNT chưa nộp NSNN khi hết thời hạn nộp theo quy định*” [11].

“Nhu vậy, NT là các khoản tiền thuế, phí, lệ phí, phạt chậm nộp và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật về thuế mà NNT đã kê khai, CQT đã tính, các cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho CQT. CQT xác định đây là nghĩa vụ của NNT và đã thông báo cho NNT nhưng đã hết thời hạn

quy định mà chưa nộp vào NSNN. Như vậy để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN thì công tác QLNT là một trong những công tác quan trọng trong công tác QLT nói chung” [5]. Tại Điều 3, Luật QLT năm 2019 có đưa ra một số khái niệm khác liên quan đến NT:

- “Người NT: là các tổ chức, cá nhân thuộc ĐTNT còn nợ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

- Mức NT: là STT còn nợ của người nợ thuế tại một thời điểm, ở một ngưỡng nào đó khi phân loại NT.

- Tiền chậm nộp: là khoản tiền được tính trên STT nợ và số ngày NT của một khoản nợ, số ngày NT của một khoản nợ là khoảng thời gian liên tục tính theo ngày kể từ thời điểm bắt đầu tính nợ đến thời điểm số tiền nợ đó được nộp vào NSNN, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật lao động” [11].

* Đặc điểm nợ thuế:

- *NT là một hành vi tâm lý phổ biến*

“Thuế là một hình thức phân phối thu nhập có tính chất bắt buộc, mà người có nghĩa vụ phải nộp cho NN. Rõ ràng, nghĩa vụ nộp thuế luôn ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của NNT. Vì thế, ở Việt Nam cũng như ở các nước khác trên thế giới, NNT luôn có xu hướng trốn hoặc tránh thuế. Đặc biệt, trong điều kiện Việt Nam, khi mà nhận thức xã hội về thuế còn thấp, đại bộ phận người dân chưa hiểu rõ bản chất tốt đẹp và lợi ích của nghĩa vụ nộp thuế, chưa phê phán, lên án mạnh mẽ các hành vi gian lận tiền thuế, chưa hỗ trợ tích cực cho CQT để thu thuế. Tình trạng trốn thuế, gian lận về thuế, nợ đọng thuế còn khá phổ biến vừa làm thất thu cho NSNN, vừa không đảm bảo công bằng xã hội. Hay nói cách khác NNT tìm mọi cách để tối thiểu hoá số thuế mà họ phải nộp. Một trong những cách phổ biến mà NNT lựa chọn là tìm cách NT” [8].

- *NT khác với hành vi tránh thuế*

Tránh thuế là hành vi lợi dụng những sơ hở của pháp luật để giảm được một phần nghĩa vụ phải nộp. Ví dụ: Khi mua bán tài sản như quyền sử dụng đất, ô tô, bên mua và bên bán thỏa thuận với nhau mức giá ghi trong hợp đồng thấp hơn

nhiều so với giá mua bán thực tế để giảm số lệ phí trước bạ phải nộp khi làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu. Ngược lại, NT thì hoàn toàn khác về bản chất, đó là một nghĩa vụ đã được luật pháp xác định nhưng NNT cố tình dây dưa chậm nộp.

- NT là một hành vi vi phạm pháp luật

“Thuế luôn gắn liền với thu nhập. NN TH thu thuế thông qua quá trình phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, mà kết quả của nó là một phần thu nhập của NNT được chuyển giao bắt buộc cho NN mà không kèm theo bất kỳ một sự cấp phát hoặc quyền lợi nào khác cho NNT, cũng không cần biết NNT đã chuẩn bị được khoản thu nhập đó hay chưa. Cũng bởi vì việc nộp thuế ảnh hưởng trực tiếp lên tình hình kinh tế, tài chính của NNT nên việc NT, nộp thuế chậm đã thường xuyên xảy ra. Các quy phạm pháp luật về thuế cũng như các vấn đề pháp luật liên quan khác đến thuế ở tất cả các nước trên thế giới quy định rõ đây là hành vi vi phạm pháp luật” [5].

- NT chưa hẳn là hành vi trốn thuế

“Trốn thuế là hành vi cố ý vi phạm pháp luật của ĐTNT bằng mọi hình thức, thủ đoạn để làm giảm số thuế phải nộp vào NSNN. Còn NT mới chỉ là hành vi dây dưa, chậm nộp thuế khi quá thời hạn nộp theo quy định của pháp luật. NT có thể do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan.

+ Về chủ quan: Do NNT cố tình vi phạm nhằm chậm nộp tiền thuế vào NSNN để lợi dụng STT sử dụng cho mục đích khác.

+ Về khách quan: Do có khó khăn về SXKD hoặc thu nhập, chẳng hạn như khủng hoảng kinh tế, lạm phát mà NNT tạm thời thiếu tiền nộp thuế” [13].

* Phân loại nợ thuế:

1) Phân loại NT theo thời gian NT

Để nâng cao hiệu quả trong QLNT thì việc phân loại NT theo thời gian nợ là rất cần thiết. Căn cứ vào thời gian của từng khoản nợ để cán bộ làm công tác QLNT TH các biện pháp đôn đốc cho phù hợp.

“Theo cách phân loại này thì NT được phân thành các nhóm sau:

- TTN từ 01 đến 30 ngày: là STT đã quá thời hạn nộp từ 01 đến 30 ngày nhưng NNT chưa nộp vào NSNN.

- TTN từ 31 đến 60 ngày: là STT đã quá thời hạn nộp từ 31 đến 60 ngày nhưng NNT chưa nộp vào NSNN.

- TTN từ 61 đến 90 ngày: là STT đã quá thời hạn nộp từ 61 đến 90 ngày nhưng NNT chưa nộp vào NSNN.

- TTN từ 91 đến 120 ngày: là STT đã quá thời hạn nộp từ 91 đến 120 ngày nhưng NNT chưa nộp vào NSNN.

- TTN từ 121 ngày trở lên: là STT đã quá thời hạn nộp từ 121 ngày trở lên nhưng NNT chưa nộp vào NSNN” [14].

2) *Phân loại NT theo sắc thuế*

Theo cách phân loại NT theo sắc thuế thì NT được phân thành các nhóm sau:

- Tiền thuế, phí: bao gồm các sắc thuế như thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế TNCN, thuế tài nguyên, thuế môn bài, phí - lệ phí, thuế bảo vệ môi trường, thu khác (không bao gồm các mục thu khác về đất).

- Thu tiền sử dụng đất; thuế nhà đất; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu khác từ đất.

- Phạt tiền chậm nộp: bao gồm tiền phạt, tiền chậm nộp.

3) *Phân loại NT theo loại hình kinh tế*

Theo hình thức phân loại này, NT được phân thành các nhóm sau:

- NT của DNNN Trung ương;

- NT của DNNN Địa phương;

- NT của DN có vốn ĐTNN;

- NT của DN NQD;

- Nợ thuế của HKD.

4) *Phân loại theo khả năng thu hồi NT*

“Căn cứ vào khả năng thu hồi nợ dựa trên những thông tin về người NT theo mức nợ, tuổi nợ, tình trạng hoạt động kinh doanh của người NT thì NT được phân loại thành:

- Nợ có khả năng thu

Theo thống kê, khoản nợ thuộc nhóm này thường chủ yếu là các khoản nợ mới phát sinh sau thời hạn nộp thuế được quy định tại các văn bản pháp quy về thuế. Do vậy, nợ có khả năng thu được hiểu là số tiền NT của người NT được xác định phải nộp vào NSNN nhưng đã hết thời hạn nộp theo quy định của pháp luật mà chưa nộp, đồng thời không thuộc nhóm nợ khó thu và nhóm nợ không có khả năng thu” [15].

- Nợ khó thu

“Theo cách phân loại này, nợ khó thu bao gồm STT nợ của NNT đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự hoặc đang chờ bản án hoặc kết luận của cơ quan pháp luật nên chưa TH được nghĩa vụ nộp thuế hoặc nợ của người NT ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh; nợ đang chờ giải quyết theo Luật phá sản. Khi NNT rơi vào tình trạng này thì có thể có trường hợp cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản, sổ sách kế toán nên NNT không thể TH việc nộp thuế hoặc NNT đã nộp thuế nhưng phải nộp vào tài khoản của cơ quan điều tra nên trên sổ theo dõi thu nộp của CQT vẫn báo nợ. Khi NNT đang bị điều tra, khởi tố liên quan đến nghĩa vụ thuế hoặc không liên quan đến nghĩa vụ thuế thì CQT phải tạm thời phân loại các khoản nợ của NNT này vào nhóm nợ khó thu để chờ kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với NNT gặp khó khăn về tài chính, hoặc ngừng và tạm ngừng kinh doanh thì việc tiếp xúc với NNT để thu nợ là khó khăn nên phân loại vào nhóm này để có biện pháp QL theo dõi phù hợp. Tương tự, đối với trường hợp nợ đang chờ giải quyết theo Luật phá sản thì STT nợ của người NT đã có quyết định phá sản DN hoặc đang trong thời gian làm thủ tục phá sản DN nhưng chưa làm các thủ tục xử lý nợ theo quy định của pháp luật thì cũng cần được phân vào nhóm này để CQT có biện pháp QL thích hợp.

- Nợ không có khả năng thu

Việc phân loại nợ vào nhóm này chủ yếu căn cứ vào tình trạng tồn tại của NNT. NNT hầu hết đã ngừng hoạt động SXKD hoặc không còn tồn tại trong thực

tế, bao gồm các khoản nợ thuộc các trường hợp như: nợ của người NT lâm vào tình trạng giải thể, phá sản nhưng không làm các thủ tục, trình tự giải thể phá sản đúng pháp luật nên chưa có đủ căn cứ pháp lý để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, NT của một loại đối tượng khác cũng có thể coi là không có khả năng thu, đó là NT của các DN bỏ trốn. Hầu hết đây là các DN ma, chỉ thành lập để mua bán hóa đơn, không thực tế kinh doanh” [14].

5) Phân loại theo nguyên nhân NT

NT được chia thành 2 nhóm lớn là NT do nguyên nhân khách quan và NT do nguyên nhân chủ quan từ phía NNT. Cách phân loại này cũng làm rõ nguyên nhân cụ thể của NT như NT do hoạt động SXKD của NNT gặp khó khăn khách quan; NT do NNT kinh doanh thua lỗ; NT do NNT mất khả năng thanh toán; NT do NNT cố tình chiếm dụng tiền thuế; NT để nhằm mục đích trốn thuế; NT do NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự... Cách phân loại này giúp CQT có giải pháp đơn độc phù hợp. Chẳng hạn như, nếu NNT gặp khó khăn khách quan thuộc diện được gia hạn nộp thuế thì TH các thủ tục để NNT được gia hạn nộp thuế; nếu NNT gặp khó khăn khách quan thì tạo điều kiện để NNT cam kết được nộp dần TTN; nếu NNT NT nhằm mục đích trốn thuế thì phải cương quyết áp dụng các biện pháp CCNT.

1.1.2. Khái niệm, vai trò và nguyên tắc quản lý nợ thuế

** Khái niệm quản lý:*

Theo thuật ngữ tiếng Anh “Administration” là: đặc trưng cho quá trình điều khiển và dẫn hướng tất cả các bộ phận của một tổ chức, thường là tổ chức kinh tế, thông qua việc thành lập và thay đổi các nguồn tài nguyên. Nhà QL Mary Parker Follett (1868-1933) cho rằng, QL là “nghệ thuật khiến công việc được làm bởi người khác”.

Từ điển Tiếng Việt đã khái niệm: “QL là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định”.

Theo Giáo trình Khoa học QL của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh thì: “QL là các hoạt động do một số hoặc nhiều người điều phối hành động

của người khác nhằm thu được kết quả mong muốn” [9]... Như vậy, xuất phát từ những góc độ nghiên cứu khác nhau, rất nhiều học giả đã đưa ra giải thích không giống nhau về QL.

Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về QL. Đặc biệt là từ thế kỷ 21, các quan niệm về QL lại càng phong phú; như: QL là xây dựng và duy trì một môi trường tốt giúp con người hoàn thành một cách hiệu quả mục tiêu đã định; QL là một hoạt động mà mọi tổ chức đều có, nó gồm 5 nhân tố tạo thành là: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều chỉnh và kiểm soát. QL chính là TH kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh và kiểm soát.

Nhìn chung, dù các quan niệm trên có khác nhau, nhưng đều có điểm chung: QL là hoạt động của con người nhằm TH những mục tiêu đã định thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, phối hợp, kiểm tra và thúc đẩy hoạt động của những con người trong tổ chức đó.

** Khái niệm quản lý nợ thuế:*

Theo Luật QLT (2019) thì: “QLNT là hoạt động của CQT nhằm TH đơn đốc số thuế mà NNT đã kê khai, cơ quan thuế đã tính, các cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho CQT, CQT xác định đây là nghĩa vụ của NNT và đã thông báo cho NNT nhưng đã hết thời hạn quy định mà chưa nộp vào NSNN” [11].

Các góc độ chủ yếu phản ánh bản chất của QLNT là:

- QLNT là một chức năng hoạt động của CQT
- QLNT có mục tiêu là thu số thuế đã phát sinh theo Luật nhưng chưa được thu nộp vào NSNN

- Cách thức cụ thể để thu nợ thuế là theo dõi nợ và đơn đốc thu nợ;

- Nội dung của QLNT là nắm bắt tình trạng NT và đơn đốc thu nộp thuế.

** Vai trò của quản lý nợ thuế:*

- Chống thất thoát NSNN

QLNT đảm bảo các chính sách thuế được TH đúng và triệt để thông qua việc CQT có các tác động, can thiệp kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm thời hạn nộp thuế nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của NNT.

- Đảm bảo công bằng xã hội

QLNT góp phần đảm bảo công bằng xã hội vì đảm bảo NNT nộp các khoản thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN; đảm bảo công bằng xã hội khi các cơ sở kinh doanh cùng phát sinh nghĩa vụ thuế thì phải nộp vào NSNN đúng hạn.

- Nâng cao ý thức tuân thủ của NNT

Thông qua QLNT, CQT nắm bắt được chính xác tình hình TH nghĩa vụ của NNT; thúc đẩy NNT nộp các khoản thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN. Thông qua đó, QLNT góp phần nâng cao ý thức tuân thủ của NNT.

- Nâng cao hiệu quả các chức năng khác của công tác QLT

QLNT tốt sẽ nâng cao hiệu quả của công tác QL thu thuế, góp phần nâng cao hiệu quả của các chức năng khác như: QL kê khai thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, vì thông qua QL kê khai thuế và thanh tra, kiểm tra thuế giúp xác định được nghĩa vụ thuế nhưng điều quan trọng là nghĩa vụ thuế được xác định đó phải được TH, thuế phải được thu đủ, kịp thời vào NSNN, điều này được TH thông qua công tác đơn đốc thu nộp thuế - một nội dung quan trọng của công tác QLNT.

- Cơ sở để xử lý các khoản NT

QLNT tốt sẽ tạo ra kênh thông tin đúng đắn để xử lý các khoản NT thông qua việc nắm bắt được nguyên nhân NT, tình trạng SXKD của NNT, khả năng thu hồi nợ... từ đó có biện pháp xử lý NT phù hợp (miễn, giảm, xóa NT...), tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của NNT.

** Nguyên tắc quản lý nợ thuế:*

- Phân công nhiệm vụ quản lý nợ rõ ràng:

Việc QLNT được phân công cho công chức thuộc bộ phận quản lý nợ hoặc các bộ phận tham gia quy trình quản lý nợ đảm bảo rõ ràng, hợp lý, phân công người có kinh nghiệm tại một số vị trí đòi hỏi nghiệp vụ cao.

- Đảm bảo phân loại kịp thời, chính xác các khoản nợ mới phát sinh:

Cơ quan thuế luôn phải theo dõi và cập nhật kịp thời tình hình phát sinh nợ, đồng thời xác định chính xác tính chất từng khoản nợ, thông qua kết quả phân loại để làm cơ sở lập kế hoạch phân công nhiệm vụ tới từng bộ phận tham gia quy trình

quản lý nợ. Việc phân loại phải căn cứ vào hồ sơ theo quy định của pháp luật, không được tùy tiện phân loại khoản tiền thuế nợ có khả năng thu vào các nhóm nợ khó thu, nợ đang xử lý dẫn đến tình trạng không kịp thời triển khai biện pháp đôn đốc ngay số tiền thuế đã phát sinh vào NSNN.

- Đôn đốc thu nợ đúng hạn:

Các bộ phận có trách nhiệm ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế phải đôn đốc thu nợ thuế và các khoản thu khác vào NSNN trong thời gian quy định. Đồng thời, ngay khi ban hành quyết định, cần thông báo cho bộ phận quản lý nợ để thực hiện biện pháp cưỡng chế trong trường hợp NNT không thực hiện nghĩa vụ thuế đúng hạn. Bên cạnh đó, cơ quan thuế bảo đảm thực hiện ban hành 100% thông báo tiền thuế nợ và gửi đến từng NNT, làm cơ sở để đôn đốc NNT, yêu cầu nộp thi thuế nợ vào NSNN.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận:

Các bộ phận tham gia vào quy trình quản lý nợ phải phối hợp chặt chẽ trong việc đôn đốc, thu hồi nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế theo quy định đồng thời đảm bảo tính chính xác của các khoản tiền thuế nợ áp dụng biện pháp cưỡng chế.

- Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền trong xử lý nợ thuế:

Đối với hồ sơ đề nghị xử lý khoản tiền thuế nợ, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, tiền chậm nộp như gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, miễn tiền chậm nộp, không tính tiền chậm nộp, bộ phận được phân công xử lý tuân thủ quy trình, thủ tục và chịu trách nhiệm của cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

1.2. Nội dung quản lý nợ thuế

1.2.1. Công tác lập kế hoạch giao chỉ tiêu thu tiền nợ thuế

Căn cứ vào STT nợ năm TH đã được xác định, chỉ tiêu thu TTN CQT cấp trên hướng dẫn hàng năm để tiến hành phân tích, dự báo tình hình, đề xuất chỉ tiêu thu TTN cho năm kế hoạch và các biện pháp để TH. Xây dựng kế hoạch QLNT phải bám sát chính sách phát triển KTXH quốc gia; xác định nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp tiến hành để xây dựng cho từng thời gian nhất định theo niên hạn, được

cấp có thẩm quyền phê duyệt và là cơ sở để các CQT TH và hoàn thành đúng thời hạn. Đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, đúng định hướng, mục tiêu và đồng bộ, đúng thẩm quyền, có tính khả thi, phù hợp với khả năng và thời gian TH; thống nhất với kế hoạch của cơ quan cấp trên, khớp giữa kế hoạch năm, 6 tháng với kế hoạch tháng, tuần của đơn vị mình.

Việc giao chỉ tiêu thu NT đến từng đơn vị, tổ chức, CBT ngay từ đầu năm phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể này. Khi giao chỉ tiêu cần phân tích khả năng của từng chủ thể về thời gian, nhân lực, năng lực, phương tiện và các nhân tố khách quan khác về điều kiện, môi trường, đối tượng. Căn cứ mục tiêu, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao hoặc yêu cầu của cơ quan QL cấp trên và tình hình thực tiễn các đơn vị, tổ chức, bộ phận và cá nhân cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của mình để TH thu NT đã được giao. Khi xây dựng phải tính toán, dự phòng thật sát thực tế, tránh tối đa sự thay đổi, điều chỉnh.

1.2.2. Triển khai thu nợ thuế

- Phân công QLNT:

Lãnh đạo CQT hoặc lãnh đạo bộ phận QLNT phân công trách nhiệm cho các đơn vị, bộ phận và CBT phụ trách QLNT theo dõi, đối chiếu TTN; tham gia TH quy trình. Lãnh đạo các đơn vị, bộ phận có trách nhiệm đôn đốc CBT QLNT TH quy trình, TH phân công lại việc QL NNT khi có phát sinh.

- Phân loại tiền NT:

Là việc phân chia NT thành những nhóm khác nhau theo những tiêu thức nhất định. Có khá nhiều cách phân loại NT và hình thức phân loại NT tùy thuộc và mục đích QLT. Phân loại NT giúp CQT nắm bắt được đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các khoản thuế nợ; qua đó có biện pháp quản lý, đôn đốc thu hồi nợ có hiệu quả.

- TH đôn đốc thu nộp:

Hàng tháng sau khi khóa sổ thuế, chốt kết quả phân loại TTN, căn cứ thời gian NT của NNT thì CBT phụ trách QLNT phải TH các công việc cụ thể sau để đôn đốc thu nộp:

+ Đôn đốc bằng điện thoại, nhắn tin, gửi thư điện tử cho chủ DN hoặc đại diện theo pháp luật của NNT thông báo STT nợ

+ Lập thông báo TTN, tiền phạt và tiền chậm nộp trình lãnh đạo CQT phê duyệt ra thông báo; hàng tháng, lập danh sách tổng hợp thông báo đã ban hành, nếu NNT phản ánh về số liệu TTN tại thông báo không chính xác thì phối hợp với NNT để đối chiếu số liệu

+ Nếu quá thời hạn NT tiến hành xác minh thông tin để TH CCNT theo quy định của pháp luật; căn cứ kết quả xác minh trình thủ trưởng CQT ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp cưỡng chế phù hợp

+ Công khai thông tin NNT theo quy định; lập báo cáo tình hình công khai thông tin NNT.

Xử lý các văn bản, hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, gia hạn nộp thuế, nộp dần TTN, miễn tiền chậm nộp, hoàn thuế kiêm bù trừ:

+ CBT thuộc bộ phận QLNT phối hợp với các bộ phận liên quan rà soát, lập đầy đủ hồ sơ đối với từng nghiệp vụ (nêu trên).

+ Lấy ý kiến các bộ phận có liên quan, bộ phận nghiệp vụ pháp chế thẩm định và bộ phận QLNT rà soát, tổng hợp, trình lãnh đạo CQT xem xét, quyết định.

Xử lý tiền thuế đang chờ điều chỉnh, TTN khó thu (trừ trường hợp đã được xóa nợ và một số nguyên nhân gây chênh lệch TTN) với các công việc chủ yếu sau:

+ Hướng dẫn, đôn đốc NNT TH việc kê khai, nộp thuế đúng quy định, bổ sung kịp thời các thông tin liên quan đến đăng ký thuế, khai thuế khi có sự thay đổi; Thường xuyên đối chiếu, xác định NT đối với từng NNT.

+ Điều chỉnh NT, cập nhật hạn nộp thuế theo quyết định xóa NT, gia hạn nộp thuế của thủ trưởng CQT và cơ quan có thẩm quyền.

+ Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong CQT; giữa CQT với KBNN và các cơ quan liên quan TH điều chỉnh kịp thời các khoản NT theo quy định.

1.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo kết quả thu nợ thuế

- Thanh tra, kiểm tra: Phối hợp trong việc gửi danh sách các trường hợp cần

xác minh lại địa chỉ trong trường hợp gửi thông báo NT mà không thấy người NT. Đặc biệt là các ĐTNT có rủi ro cao, nhiều năm chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra; DN hoàn thuế lớn hoặc các DN liên kết có rủi ro cao về giá chuyển nhượng...

- Lập và gửi báo cáo

Định kỳ hàng tháng, CQT cấp dưới lập và gửi báo cáo lên CQT cấp trên các loại báo cáo như sau:

- + Báo cáo tổng hợp phân loại NT theo sắc thuế và loại hình kinh tế.
- + Báo cáo tổng hợp phân loại TTN theo ngành nghề kinh doanh.
- + Báo cáo công tác QLN và CCNT.
- + Báo cáo kết quả thu TTN.
- + Báo cáo tình hình ban hành Quyết định gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế, miễn tiền chậm nộp và xóa nợ.
- + Sổ theo dõi tình hình NT theo tổng STT nợ của NNT.
- + Báo cáo tiền thuế đang chờ điều chỉnh.
- + Báo cáo tình hình công khai thông tin người NT.
- Thời hạn gửi báo cáo hàng tháng

Ngay sau ngày khóa sổ thuế một ngày làm việc, CQT cấp dưới gửi báo cáo NT lên CQT cấp trên. Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo.

- Hình thức gửi báo cáo

- + Gửi qua thư điện tử (Email).
- + Truyền qua hệ thống ứng dụng QLT.
- + Gửi bằng văn bản.

Riêng đối với báo cáo tháng 12 hàng năm: CQT cấp dưới gửi lên CQT cấp trên bằng ba hình thức: thư điện tử (Email), truyền qua hệ thống ứng dụng QLT và bằng văn bản (có ký tên, đóng dấu của thủ trưởng CQT).

1.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả công tác quản lý nợ thuế

- Cơ cấu NT theo loại nợ

Phân loại NT theo loại nợ gồm: nợ từ 01-30 ngày, nợ từ 31-60 ngày, nợ từ 61-90 ngày, nợ từ 91-120 ngày, nợ trên 120 ngày và nợ khó thu.

Cơ cấu NT theo loại nợ cho biết tỷ trọng của từng loại NT, từ đó có biện pháp để đơn đốc nợ cho phù hợp.

Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Cơ cấu NT theo loại nợ} = \frac{\text{Số tiền NT theo khoản nợ}}{\text{Tổng số tiền NT}} \times 100$$

- Cơ cấu NT phân theo sắc thuế

Phân loại NT theo sắc thuế gồm thuế, phí; đất; phạt, tiền chậm nộp; các khoản khác (gồm các khoản thu nợ không được phản ánh ở các tiểu mục thu nợ).

Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Cơ cấu NT theo sắc thuế} = \frac{\text{Số tiền NT theo sắc thuế}}{\text{Tổng số tiền NT}} \times 100$$

- Cơ cấu NT phân theo khu vực kinh tế

NT phân theo khu vực kinh tế bao gồm: DNNN, DN có vốn ĐTNN, DN NQD và HKD, cá nhân.

Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Cơ cấu NT theo khu vực kinh tế} = \frac{\text{Số tiền NT theo khu vực kinh tế}}{\text{Tổng số tiền NT}} \times 100$$

- Tỷ lệ tăng trưởng NT

Chỉ tiêu này cho biết tốc độ tăng NT của các ĐTNT qua từng năm. Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng NT} = \frac{\text{Tổng NT năm } t+1}{\text{Tổng NT năm } t} \times 100$$

Chỉ tiêu này càng giảm phần nào chứng tỏ công tác QLNT của CQT ngày một tốt hơn.

- Tỷ lệ tiền NT/tổng tiền thu thuế

Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ % số thuế còn nợ tại thời điểm 31/12 hàng năm so với tổng số thuế ghi thu trên địa bàn của năm đó. Từ đó đánh giá chỉ tiêu thu nợ của CQT theo yêu cầu của Tổng cục Thuế.

$$\frac{\text{Tỷ lệ tiền NT/tổng tiền thu thuế}}{\text{thu thuế}} = \frac{\text{Tổng tiền NT năm } t}{\text{Tổng tiền thu thuế năm } t} \times 100$$

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu tiền NT

Chỉ tiêu này cho biết TH thu tiền NT trong năm có đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra hay không.

$$\frac{\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu tiền NT}}{\text{hoạch thu tiền NT}} = \frac{\text{Số TH thu tiền NT}}{\text{Kế hoạch thu tiền NT}} \times 100$$

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nợ thuế

1.3.1. Các nhân tố khách quan

** Tình hình KTXH*

Trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, suy thoái, DN gặp nhiều khó khăn trong SXKD, từ việc khó khăn trong vay vốn đến đầu ra không tiêu thụ được dẫn đến việc không có nguồn tài chính để TH nghĩa vụ đối với NSNN. Ngược lại, khi nền kinh tế tăng trưởng cao, nhu cầu xã hội ngày càng mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DN. Sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được, doanh số cao, lợi nhuận cao, DN có nguồn lực tài chính vững mạnh, đủ để thực thi nghĩa vụ với NSNN đúng thời hạn.

** Chính sách pháp luật của NN*

Luật QLT quy định rõ những trường hợp nào bị coi là chậm nộp tiền thuế, các trường hợp được gia hạn, các trường hợp được miễn, giảm, xóa NT. Đây là các căn cứ quan trọng để xác định đối tượng NT cũng như mức độ tạo điều kiện của NN đối với khó khăn của DN. Trong trường hợp các điều kiện về gia hạn nộp thuế, về miễn, giảm, xóa NT được quy định một cách hợp lý thì đây sẽ là một cách tháo gỡ khó khăn cho NNT, giúp họ có điều kiện để TH nghĩa vụ đối với NSNN đúng thời hạn; ngoài ra cũng là căn cứ để CBT xác định phạm vi công việc.

Ngoài ra, NN cũng ban hành các luật, thông tư cụ thể về QLNT. Với một quy trình tối ưu, các biện pháp hợp lý thì CQT không chỉ TH dễ dàng, hiệu quả với nhiệm vụ đôn đốc, thu nợ và CCNT, mà còn giúp tiết kiệm chi phí, thời gian. Ngược lại nếu quy trình QL rườm rà, biện pháp bất hợp lý sẽ gây ra khó khăn, tổn

kém cho CBT, kém hiệu quả trong công tác thu hồi NT.

Nói một cách rộng hơn, các chính sách pháp luật của NN nói chung có tác động trực tiếp đến công tác QLT. Một hệ thống pháp luật chặt chẽ, nghiêm minh với các quy định được hướng dẫn rõ ràng và chế tài xử phạt đủ mạnh sẽ là công cụ QL hữu hiệu cho các cơ quan hữu quan, cũng như thúc đẩy ý thức tự giác chấp hành pháp luật của NNT.

Tuy nhiên ở nước ta, một hệ thống pháp luật chặt chẽ, nghiêm minh như vậy vẫn còn đang trong quá trình xây dựng. Vẫn còn đâu đó những điểm bất hợp lý, những quy định thiếu tính thống nhất, thiếu đồng bộ, việc sửa đổi, bổ sung diễn ra liên tục gây ra nhiều khó khăn cho chính CBT, tạo ra những kẽ hở, động cơ cho những đối tượng chây ỳ, cố tình chậm nộp tiền thuế và sau đó là trốn thuế.

** Sự phối kết hợp trong QL giữa các tổ chức, cơ quan hữu quan*

Trong QLT nói chung cũng như trong công tác QLNT, việc phối kết hợp QL giữa CQT và các cơ quan chức năng là điều rất cần thiết. Điều này giúp cho CBT nắm bắt được chính xác tình trạng của NNT, về hiệu quả SXKD hay những khó khăn của DN, tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, trong quá trình TH quy trình QLNT có rất nhiều khâu, nhiều biện pháp mà muốn áp dụng được, muốn đạt hiệu quả cao thì phải có sự hợp tác giữa CQT và các tổ chức, cơ quan khác, như cơ quan Hải quan, KBNN, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tổ chức thẩm định giá tài sản... Chẳng hạn khi áp dụng biện pháp CCNT trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị CCNT, CBT cần sự hợp tác của các Ngân hàng - nơi đối tượng bị CCNT mở tài khoản, để nắm bắt được tình hình tài chính của đối tượng, ngăn chặn việc đối tượng có thể rút tiền khỏi tài khoản trước khi CQT đến, và trích đủ STT nợ từ tài khoản của đối tượng chuyển sang KBNN.

Như vậy là có sự phối hợp của 3 chủ thể là cơ quan thuế, KBNN và các ngân hàng. Hoặc khi áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan, CQT và cơ quan hải quan phải có sự liên kết về mặt thông tin, cần phải có sự hợp tác từ phía Hải quan để có thể TH biện pháp cưỡng chế đó.

** Trình độ khoa học kỹ thuật và CNTT*

Trong điều kiện số lượng DN, số lượng NNT ngày một gia tăng, công tác QLT đòi hỏi một phương thức QL khoa học, hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật và CNTT vào QLT giờ đây đã trở thành đòi hỏi bức thiết. Việc ứng dụng các phần mềm QL sẽ giúp CBT nắm bắt đầy đủ về thông tin của NNT, tình trạng chấp hành pháp luật và bất kỳ thông tin nào có liên quan. Ở phía bên kia (phía NNT), việc khai nộp thuế qua mạng ngày càng phổ biến, các phần mềm kê khai thuế được áp dụng phổ biến và có khi là bắt buộc.

Nếu các phần mềm QL, phần mềm kê khai được xây dựng một cách hoàn thiện, chính xác sẽ giúp ích không nhỏ cho cả CBT cũng như NNT. Ngược lại, nếu không áp dụng khoa học vào thực tiễn QL, hay sử dụng những phần mềm sai sót, thường xuyên phải thay đổi, nâng cấp, công tác QLT sẽ gặp khó khăn rất lớn, hiệu quả thấp, tốn kém chi phí.

1.3.2. Các nhân tố chủ quan

1.3.2.1. Trình độ quản lý và phẩm chất của cán bộ thuế

Trình độ chuyên môn của CBT cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả công tác QLNT. Mảng công tác QLNT rất cần những yếu tố của CBT như sự linh hoạt, mềm dẻo, khôn khéo nhưng cũng cần phải kiên quyết, mạnh tay khi cần thiết. Nếu CBT có trình độ chuyên môn tốt, dày dặn kinh nghiệm, am hiểu về các quy định của pháp luật, am hiểu hoàn cảnh, tâm lý của NNT sẽ có thể áp dụng một cách khoa học và đạt hiệu quả cao trong thực tế. Ngược lại, nếu CBT có trình độ chuyên môn không tốt sẽ dẫn tới hiểu sai và áp dụng không đúng các quy định của pháp luật.

Mặt khác, không chỉ trình độ chuyên môn mà phẩm chất đạo đức của CBT cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác QLNT. Nếu CBT không có phẩm chất đạo đức tốt, không trung thực, dễ bị cám dỗ bởi những khoản lợi ích vật chất sẽ dẫn tới câu kết với ĐTNT hay cố tình gây khó dễ cho NNT.

1.3.2.2. Quy trình QLNT của CQT

Quy trình QLNT hợp lý hay không hợp lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác QLNT vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến thao tác nghiệp vụ của CBT.

Một CQT xây dựng và thiết lập được quy trình QLNT tốt, phù hợp sẽ góp phần đem lại hiệu quả cao cho công tác QLNT. Bởi vì quy trình QLNT hiệu quả sẽ góp phần tạo nên nền tảng tốt cho các bộ phận kết hợp ăn ý với nhau và các khâu QL được TH một cách hợp lý, tránh tình trạng chồng chéo trong quá trình TH.

1.3.2.3. Trình độ và ý thức chấp hành pháp luật của NNT

Hiện nay, với cơ chế tự kê khai, tự tính nộp, NNT hoàn toàn chủ động trong việc TH nghĩa vụ với NSNN. Để có thể chấp hành pháp luật thuế, trước hết NNT phải có sự am hiểu nhất định đối với nghĩa vụ của mình, để có thể hiểu được ý nghĩa cao đẹp, quyền lợi của mình khi thực thi nghĩa vụ đó, cũng như biết cách để hoàn thành nghĩa vụ của mình sao cho đúng quy định. Bên cạnh trình độ, ý thức chấp hành pháp luật của NNT còn đóng vai trò quan trọng hơn nữa. NNT có ý thức tuân thủ pháp luật tốt sẽ nộp thuế đủ, đúng hạn, trừ khi họ đang lâm vào tình trạng khó khăn.

Theo đó, CBT sẽ dễ dàng trong khâu thu thuế, khối lượng công việc của công tác QLNT cũng sẽ được giảm đi. Trái lại, nếu ĐTNT thiếu hiểu biết về pháp luật thuế, hay có ý thức chấp hành pháp luật thuế kém, hay thậm chí là cả hai, thì sẽ là điều khó khăn không nhỏ đối với CBT.

1.4. Kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nợ thuế tại một số Chi cục Thuế và bài học rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế tại một số Chi cục Thuế

1.4.1.1. Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Hải Phòng

Trong những năm qua Chi cục Thuế thành phố Hải Phòng đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, vượt qua khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong công tác QLNT tại thành phố, cụ thể:

Thứ nhất, Chi cục thường xuyên tiến hành tuyên truyền để NNT nắm bắt kịp thời các chính sách thuế. Định kỳ, các buổi tập huấn được tổ chức cho doanh nghiệp và các nhân khi có thay đổi về quy định thuế. Đồng thời, Chi cục cũng phối hợp với Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh, thành phố để

lồng ghép việc tuyên truyền chính sách pháp luật thuế đến từng tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Thứ hai, Chi cục tổ chức phong trào thi đua hiệu quả thông qua các đợt thi đua hàng tháng, quý và đánh giá, phân loại công chức có thành tích xuất sắc đề từ đó đề xuất khen thưởng kịp thời.

Thứ ba, Chi cục tích cực triển khai các sáng kiến và cải tiến phù hợp, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của hoạt động quản lý thuế và QLNT và góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế nói chung và QLNT nói riêng.

1.4.1.2. Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế khu vực I (Chi Lăng - Hữu Lũng), tỉnh Lạng Sơn

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn thách thức, thương mại biên giới bị ảnh hưởng nhiều do chính sách biên mậu của Trung Quốc. Tình hình KTXH tỉnh Lạng Sơn tiếp tục phát triển, nhưng xu hướng chưa rõ nét, tốc độ phát triển chưa cao; số DN mới thành lập nhiều nhưng chủ yếu là DN nhỏ, siêu nhỏ; số DN đóng cửa, giải thể, nghỉ kinh doanh cũng không ít. Điều này gây nhiều khó khăn trong công tác thu thuế nói chung và QLNT nói riêng. Để công tác QLNT có hiệu quả, thời gian qua CCT khu vực I, tỉnh Lạng Sơn đã tập trung vào một số biện pháp sau:

- Thông qua việc thường xuyên nắm bắt tình hình SXKD của các DN, các đội trong CCT chủ động theo dõi, vừa đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT, vừa đôn đốc nộp thuế để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về thuế của NNT, động viên và tạo điều kiện về mặt thời gian để DN từng bước khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và tự nguyện hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế.

- Đội Kiểm tra thuế QL nợ và CCNT phối hợp chặt chẽ với bộ phận kê khai kế toán thuế rà soát, đối chiếu và điều chỉnh NT, xử lý các khoản nợ ảo, đảm bảo số người nợ và các khoản nợ luôn thống nhất. Trên cơ sở theo dõi, phân tích, đối chiếu, phân loại các khoản NT của các đơn vị, DN và NNT, bộ phận kiểm tra thuế

và kê khai thuế của CCT đơn đốc các tổ chức, DN, cá nhân nhanh chóng thanh toán các khoản NT tồn đọng, ngăn chặn các khoản NT mới phát sinh.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp QLT như: phân loại nợ, xử lý nợ sai, nợ ảo; đơn đốc nợ thuế bằng điện thoại, Email, ban hành thông báo TTN, tiền phạt, tiền chậm nộp đến các trường hợp NT. Bên cạnh đó, công tác CCNT tiếp tục được tập trung triển khai TH.

- Tiếp tục TH thu TTN bù trừ qua hoàn thuế; phối hợp chặt chẽ với KBNN, ngân hàng, Sở Kế hoạch và Đầu tư... để đơn đốc hoặc TH cưỡng chế thu hồi NT. Tăng cường tham mưu cho UBND huyện, tỉnh, Ban chỉ đạo chống thất thu và đơn đốc thu, nộp NSNN, chỉ đạo kịp thời các ngành chức năng có liên quan trên địa bàn, phối hợp với CQT để thu hồi NT, đặc biệt triển khai các biện pháp CCNT.

- Để nâng cao hiệu quả công tác đơn đốc, thu nợ và CCNT, CCT khu vực I tập trung triển khai thêm nhiều biện pháp. CQT tiếp tục TH tốt các chính sách ưu đãi, miễn, giảm, giãn, hoàn, gia hạn nợ và xóa NT; xử lý dứt điểm các khoản nợ chờ xử lý, chờ điều chỉnh; hàng tháng ban hành thông báo TTN đối với 100% DN còn nợ tiền thuế; TH công khai thông tin NNT có số NT trên 90 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo tình hình NT của NNT đến các ban quản lý dự án, chủ đầu tư để phối hợp thu NT.

Với những biện pháp đồng bộ đã và đang được triển khai TH, công tác QLNT trên địa bàn 2 huyện Chi Lăng và Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, qua đó góp phần hoàn thành DT thu NS nói chung cũng như chỉ tiêu thu nợ của ngành thuế nói riêng.

1.4.1.3. Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế huyện Đô Lương, Nghệ An

Chi cục Thuế huyện Đô Lương là một chi cục có số thu tương đối lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhưng số nợ thuế rất ít, 6 tháng đầu năm 2023, số thu Chi cục Thuế huyện Đô Lương đạt 54,579 tỷ đồng/ 73,6 tỷ đồng kế hoạch, bằng 74,2% dự toán pháp lệnh. Đó là một kết quả rất đáng mừng trong bối cảnh khó khăn hiện nay. Nợ đọng thuế trên địa bàn chỉ còn 7,8 tỷ đồng, số nợ này “khiêm tốn” nếu so

sánh với nợ đọng ở một số Chi cục khác như Hưng Nguyên 16,5 tỷ đồng, thị xã Hoàng Mai 26,1 tỷ đồng, Diễn Châu 17,3 tỷ đồng...

Được biết “bí quyết” ở Đô Lương đó chính là huy động sức mạnh tổng hợp từ chính quyền địa phương, các ngành trên địa bàn, từ đó tạo ra “quyền lực” trong thu thuế và thu nợ thuế. Nhưng để làm được điều đó, chính ngành thuế phải chứng tỏ vai trò đầu tàu, tiên phong của mình, phải phát huy trí tuệ của mình vào công tác quản lý thuế trên địa bàn để đạt được kết quả tốt nhất. Chi cục Thuế huyện Đô Lương đã tham mưu cho huyện ban hành Đề án “Chống thất thu và phát triển nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện Đô Lương, giai đoạn 2021-2025”. Và rất nhiều giải pháp được Chi cục Thuế huyện Đô Lương đưa ra, cùng với phát triển nguồn thu là chống thất thu. Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác công khai thuế, tích cực tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế, đồng thời lập hồ sơ vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, cương quyết xử lý các đối tượng kinh doanh không kê khai, nộp thuế. Công tác phối hợp giữa Chi cục đối với các đơn vị, phòng, ban cũng mang lại hiệu quả cao. Đó là: phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch thống kê hóa đơn bán hàng các cơ sở sản xuất, kinh doanh viết cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách, qua đó đối chiếu với kê khai của các cơ sở kinh doanh, phát hiện những trường hợp vi phạm trong việc sử dụng hóa đơn bán hàng; phối hợp với chủ đầu tư và Ban Quản lý các dự án (kể cả huyện và xã) kiểm tra, đối chiếu việc đăng ký, kê khai thuế của các nhà thầu đối với các công trình đã và đang thi công trên địa bàn huyện; phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thủ tục pháp lý cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác đất, đá, cát, sạn và tham mưu cho UBND huyện có văn bản chỉ đạo về việc khai thác khoáng sản. Đồng thời, phối hợp với Công an huyện điều tra, xác minh và xử lý các tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thương mại trên các lĩnh vực: xây dựng cơ bản; kinh doanh vận tải; chế biến lâm sản; khai thác cát, sạn...

Để “siết chặt” các nguồn tiền luân chuyển, Chi cục đã phối hợp với các Ngân hàng trên địa bàn để nắm lượng tiền chuyển khoản của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực, qua đó phát hiện các trường hợp kinh doanh không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, kịp thời theo quy định... Phí là khoản thu quan trọng của ngân sách, để tăng nguồn thu này. Chi cục Thuế tiến hành kiểm tra thực tế tại các xã, thị trấn có hoạt động thu phí (phí đò, phí chợ, phí bến bãi...) đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm tra quyết toán phí, lệ phí.

Công tác thu ngân sách muốn đạt kết quả cao một mình ngành thuế không làm được mà phải có sự vào cuộc của các ngành chức năng cùng với Chi cục Thuế một cách chặt chẽ. Chính sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ với các ngành trên địa bàn cùng với sự tích cực, tinh thần trách nhiệm cao, sự tận tụy của người đứng đầu và từng cán bộ thuế nên Đô Lương vừa thực hiện tốt nhiệm vụ thu, đồng thời kiểm soát tốt nợ thuế.

1.4.1.4. Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định

TH sự chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh về việc đẩy mạnh phát triển KTXH trên địa bàn thành phố Nam Định - Mỹ Lộc, các cơ quan ban ngành phải phát huy hết tiềm lực khả năng của mình cùng với đó là việc hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị nhất là các đơn vị có thu. Do vậy, CCT khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc đã yêu cầu bộ phận thu nợ phải sát sao trong công tác thu nợ như đôn đốc ngay những đơn vị có số thuế phát sinh; lập kế hoạch, lên chương trình QLN và thu nợ; tổ chức họp định kỳ hai tuần một lần nhằm đánh giá kết quả theo dõi tình hình thu NT, rút kinh nghiệm và TH các biện pháp cần thiết để nâng cao nhận thức của NNT về trách nhiệm nộp thuế. Cụ thể:

- Triển khai các biện pháp đôn đốc thu TTN như: phân loại TTN đúng quy định làm cơ sở đôn đốc thu TTN; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận QLN và bộ phận thanh tra, kiểm tra, đôn đốc đối với các khoản tiền thuế; đôn đốc thu TTN.

- Phối hợp TH công khai thông tin NNT NT lớn, chây ỳ. Tham mưu UBND cùng cấp chỉ đạo các ngành trên cùng địa bàn như KBNN, ngân hàng, tổ chức tín dụng, cơ quan kế hoạch đầu tư... phối hợp với CQT TH nhiệm vụ thu hồi TTN vào NSNN.

- TH rà soát, phân loại nợ theo đúng quy định tại quy trình QLN và CCNT. Xác định đúng số nợ, nguyên nhân nợ của từng ĐTNT, trên cơ sở đó có biện pháp xử lý thu nợ cụ thể và giao chỉ tiêu thu nợ đến từng đội thuế gắn việc TH kết quả thu nợ với xét thi đua khen thưởng trong năm.

- Tích cực tuyên truyền, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho NNT, tiếp tục cập nhật, niêm yết công khai thông tin về bộ thủ tục hành chính, công khai doanh thu, mức thuế của hộ cá nhân; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin, truyền thông trong tuyên truyền chính sách, pháp luật về thuế. Tất cả các chính sách thuế mới đều được CCT thông tin, giải đáp kịp thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với NNT không còn khả năng nộp NSNN.

CCT khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc đã triển khai rà soát thủ tục, hồ sơ và đối tượng NT để thực hiện việc xử lý khoanh nợ tiền thuế gốc và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo đúng quy định, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

CCT khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc đã triển khai thực hiện đầy đủ các biện pháp QLN và CCNT; giám sát chặt chẽ sự biến động của các khoản nợ để đôn đốc thu nợ kịp thời; phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng trên địa bàn để thu hồi nợ đọng thuế, chống thất thu NSNN, góp phần hoàn thành DT thu được giao.

1.4.1.5. Quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế khu vực Phú Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

CCT khu vực Phú Yên là một trong những CCT có thành tích thu thuế khá tốt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Chi cục trưởng

CCT khu vực Phúc Yên, CCT xác định QLNT là khâu quan trọng trong công tác QLT nói chung. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác QLN, CCT khu vực Phúc Yên đã tập trung chỉ đạo các bộ phận tham gia QLN TH nhiều biện pháp, nhiều cách làm mới. Một trong những nguyên nhân quan trọng giúp cho công tác QLNT của CCT khu vực Phúc Yên đạt được kết quả tốt trong thời gian qua, đó là việc bố trí bộ máy tổ chức, nhất là bộ phận QL thu NT một cách hợp lý trên cơ sở số lượng CBT hiện có. Đây là tư duy đúng vì nếu không bố trí CBT hợp lý sẽ dẫn đến những mâu thuẫn không đáng có giữa DN và NNT. Tại đội QLN đã lựa chọn những CBT có đủ năng lực trình độ và kiện toàn bộ máy lãnh đạo đội QLN để kịp thời tham mưu với lãnh đạo CCT chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ QLN trên địa bàn.

Mặt khác để công tác QLN phát huy hiệu quả cao hơn nữa, CCT khu vực Phúc Yên đã động viên CBT trong toàn CCT tham gia nghiên cứu, đề xuất các đề tài sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLT nói chung cũng như công tác QLN nói riêng. Như vậy bằng việc kết hợp nhiều biện pháp, cách làm mới CCT khu vực Phúc Yên đã đạt được những kết quả cao trong công tác QLNT

1.4.2. Bài học rút ra về quản lý nợ thuế cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

Qua nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nợ thuế tại các CCT trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị áp dụng đối với Chi cục Thuế thành phố Chí Linh như sau:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ công tác QLN CCNT, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm đối với các trường hợp chậm nộp, chây ỳ NT.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, chính quyền cùng cấp trên địa bàn như KBNN, ngân hàng, tổ chức tín dụng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan công an... để đôn đốc và tổ chức cưỡng chế để thu hồi TTN đọng.

- Phối hợp với KBNN, hệ thống ngân hàng trong địa bàn để khai thác thông tin của NNT, đặc biệt là thông tin về số tài khoản, số dư tài khoản, để có thể phối hợp TH CCNT khi có phát sinh.

- TH nêu gương NNT có thành tích tốt trong việc chấp hành pháp luật thuế. Hàng năm, tổ chức hội nghị tổng kết công tác thu thuế và tiến hành tuyên dương,

trao giấy khen cho NNT có thành tích tốt, kết hợp với viết bài đưa tin, qua đó nhân rộng những gương điển hình trong cộng đồng NNT.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với những NNT có dấu hiệu nợ đọng chây ỳ, qua công tác thanh kiểm tra để nắm tình hình hoạt động của NNT, đôn đốc NNT tích cực chấp hành pháp luật thuế. Nếu NNT có những khó khăn thực sự thì chủ động đưa ra những biện pháp cùng với NNT tháo gỡ khó khăn.

- TH rà soát các trường hợp nợ lớn, nợ chây ỳ... để công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. TH CCNT bằng phương pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng... Bằng việc TH các biện pháp này đã làm chuyển biến ý thức của NNT trong việc chấp hành nộp thuế.

- Giao bộ phận kiểm tra thuế kết hợp với bộ phận kê khai thuế quyết liệt đôn đốc, yêu cầu NNT nộp ngay số thuế mới phát sinh, nhằm hạn chế nợ mới đồng thời giảm tải công việc cho đội QLN. Từ đó đội QLN có thời gian để tập trung đôn đốc thu nợ cũ. Cách làm này nhằm tạo ra nề nếp, thói quen cho NNT là phát sinh thuế phải nộp luôn và không để chuyển sang nợ cũ.

- Bố trí lại đội ngũ CBT một cách hợp lý và đề xuất CBT tham gia nghiên cứu đề xuất sáng kiến để có nhiều cách làm hiệu quả hơn nữa.

1.5 Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện tham mưu xây dựng Luật Quản lý thuế đã tạo ra nền tảng pháp lý thống nhất cho hoạt động QLNT ở Việt Nam kể từ khi Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/7/2007). Tiếp sau đó Luật Quản lý thuế đã sửa đổi ba lần, lần đầu ngày 20/11/2012 (Luật số 21/2013/QH13); lần hai ngày 26/11/2014 (Luật số 71/2014/QH13) và lần ba ngày 06/4/2016 (Luật số 106/2016/QH12). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng ban hành các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Qua đó tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động QLNT ngày càng bám sát hơn với tình hình thực tế và góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động QLNT. Hoạt động quản lý thuế theo cơ chế NNT tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ thuế. Cơ quan Thuế thực hiện

quản lý theo chức năng, đồng thời kết hợp với quản lý theo đối tượng và hướng tới quản lý rủi ro theo kinh nghiệm quốc tế.

Tuy nhiên hoạt động quản lý thuế nói chung và QLNT nói riêng vẫn còn tồn tại những hạn chế bất cập nhất định như chưa bao quát hết những trường hợp khó khăn khác của NNT dẫn đến việc tính tiền chậm nộp tăng cao một cách bất thường, gây ra số nợ ảo không có khả năng thu. Bên cạnh đó, còn nhiều vướng mắc khi thực hiện các quy định về khoản nợ, xóa nợ, cụ thể là đối tượng và thời hạn xử lý các khoản nợ quá hạn.

Xuất phát từ những vướng mắc nêu trên, ngày 13/6/2019. Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về việc khoanh nợ thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp. Ngày 19/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Đến ngày 29/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC nhằm hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, do đó, các khoản nợ trước thời điểm này sẽ được xử lý theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

Trên cơ sở của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Thông tư 80/2021/TT-BTC và các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý nợ ngày 20/7/2022 (Thay thế Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế).

Kết luận chương 1

Chương 1 đã phân tích và làm rõ cơ sở lý luận cơ bản về thuế, nợ thuế, quản lý nợ thuế và kinh nghiệm của một số huyện trong công tác quản lý nợ thuế như sau:

1. Tổng quan về thuế, nợ thuế và quản lý nợ thuế
2. Nội dung quản lý nợ thuế
3. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế ở một số Chi cục thuế và bài học kinh nghiệm cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Chương 1 đã đề cập đến các khái niệm, thuật ngữ về nợ thuế, quản lý nợ thuế; đồng thời nêu các nội dung chính của quản lý nợ thuế đó là: lập kế hoạch thu nợ thuế, quản lý nợ và xử lý thu nợ thuế và báo cáo kết quả thực hiện công tác thu nợ.

Qua việc nghiên cứu kỹ nội dung của quản lý nợ thuế, đề án đã nêu đến các nhân tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến quản lý nợ thuế, bên cạnh đó nêu mô hình quản lý nợ thuế tại các Chi cục Thuế và đưa ra kinh nghiệm cho Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Đây cũng là cơ sở để nghiên cứu và đánh giá thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh trong chương 2 của đề án.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CHÍ LINH

2.1. Giới thiệu chung về Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

Chi cục thuế thành phố Chí Linh được thành lập từ ngày 01/10/1990, hiện tại có 50 cán bộ công chức và người lao động. Năm 2019 Chi cục thuế thành phố Chí Linh được đổi tên từ CCT thị xã Chí Linh theo Quyết định số 1867/QĐ-BTC ngày 12/10/2018 của Bộ Tài chính, có trụ sở chính đặt tại Số 182 Trần Nguyên Đán, phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương. CCT TP Chí Linh có nhiệm vụ quản lý thu NSNN trên địa bàn TP Chí Linh. Quản lý thu thuế đối với hơn 1000 doanh nghiệp dân doanh và 30.000 hộ kinh doanh cá thể.

- Chức năng của CCT thành phố Chí Linh

- + Tổ chức thực hiện công tác QLT, phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan QL thu trên địa bàn thành phố Chí Linh theo quy định của Pháp luật.

- + CCT có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại KBNN theo quy định của Pháp luật.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của CCT thành phố Chí Linh

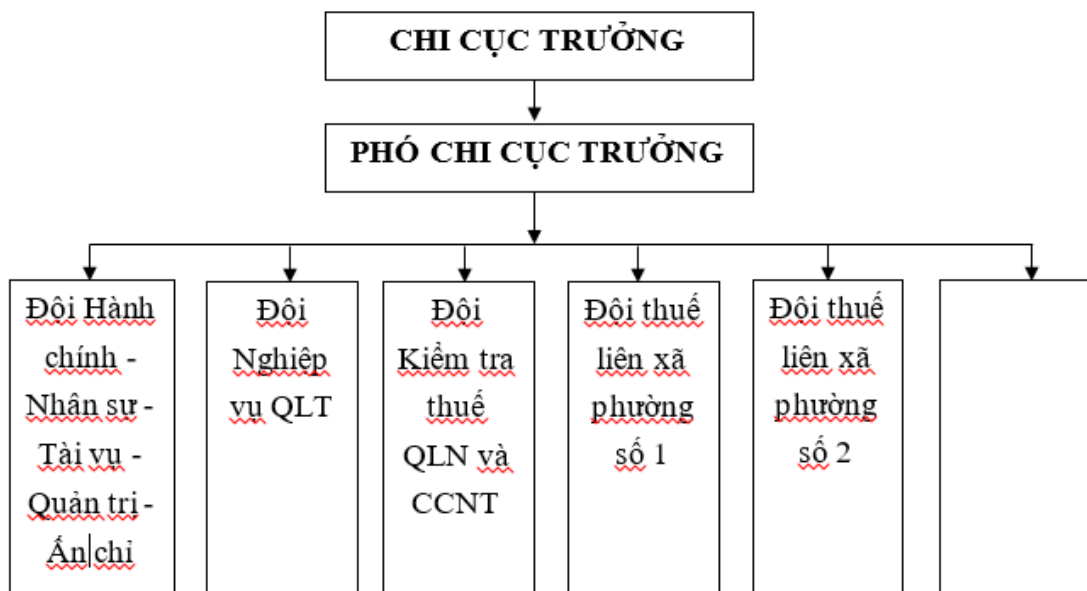
CCT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật QLT, các luật thuế, các quy định pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quản lý NNT, TH các quy trình QLT, đảm bảo số thu cho NSNN.

CCT thành phố Chí Linh có địa điểm của trụ sở làm việc rộng rãi, nằm ngay trên đường quốc lộ 37 thuộc phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, Hải Dương, giao thông thuận tiện, tạo thuận lợi cho người dân và cán bộ đến làm việc tại CCT.

CCT thành phố Chí Linh luôn được sự ủng hộ, quan tâm của Đảng bộ, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, hội đồng tư vấn thuế trong việc QL, thu thuế và chống thất thu NS. Phần lớn đội ngũ CBT tại CCCT thành phố Chí Linh đã được đào tạo cơ bản về kỹ năng QLT; đào tạo kỹ năng ứng dụng tin học thuộc hệ thống ứng dụng của ngành; có tâm huyết nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác QL.

Việc TH sắp xếp, hợp nhất các CCT thành CCT khu vực nhằm mục đích tinh gọn, giảm đầu mối, và nâng cao hiệu quả trong công tác QLT của tỉnh Hải Dương theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Việc hợp nhất các CCT trong địa bàn tỉnh Hải Dương, CCT TP Chí Linh không phải sát nhập, vẫn giữ nguyên mô hình hoạt động, do vậy không có sự xáo đổi với đội ngũ CBT CCT, CCT TP Chí Linh luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, CBT CCT TP Chí Linh đã phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo quyết tâm vượt qua những khó khăn ban đầu để TH tốt nhiệm vụ QL thu NSNN trên địa bàn TP Chí Linh.

2.1.2. Bộ máy tổ chức quản lý tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý CCT thành phố Chí Linh

Hiện nay, CCT thành phố Chí Linh được tổ chức quản lý gồm Ban lãnh đạo và 5 đội thuế.

- *Ban Lãnh đạo*: Ban Lãnh đạo gồm có 1 Chi cục trưởng và 03 phó Chi cục trưởng. Chi cục Trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của CCT trên địa bàn. Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật, điều động lãnh đạo Chi cục Thuế TH theo quy định của pháp luật và quy định về phân cấp QL cán bộ của Bộ Tài chính.

- *Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ*: TH công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác QL nhân sự; QL tài chính, quản trị; QL ấn chỉ trong nội bộ CCT QL...

- *Đội Nghiệp vụ QLT*: TH công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế; hỗ trợ NNT trong phạm vi CCT QL; hướng dẫn về nghiệp vụ QL thuế, chính sách, pháp luật thuế cho CBT trong CCT; xây dựng và tổ chức TH DT thu NSNN được giao của CCT; TH công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế theo phân cấp QL; QL và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; triển khai, cài đặt, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác QLT; QL thu lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, tiền cấp quyền sử dụng đất, các khoản đầu giá về đất, tài sản, tiền thuê đất... và các khoản thu khác...

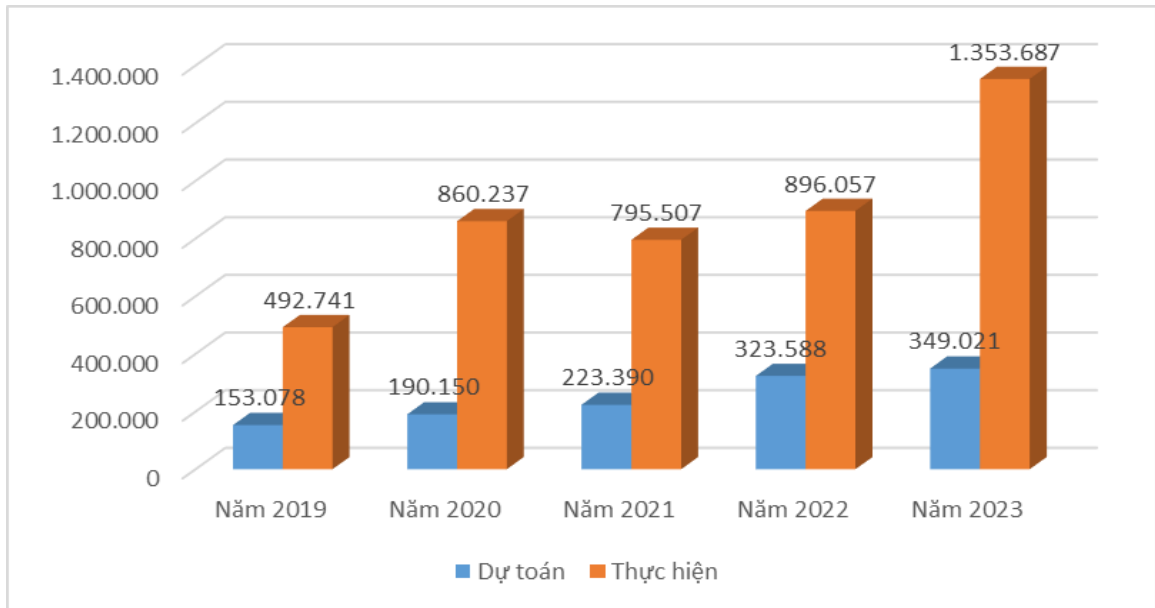
- *Đội Kiểm tra thuế QLN và CCNT*: TH công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến NNT; chịu trách nhiệm TH DT thu thuộc phạm vi QL của CCT; TH công tác QLNT, cưỡng chế thu TTN, tiền phạt đối với NNT thuộc phạm vi QL của CCT...

- *Đội thuế liên phòng (Đội thuế số 1, Đội thuế số 2)*: TH QL thu thuế các tổ chức, cá nhân nộp thuế trên địa bàn xã, thị trấn được phân công bao gồm các HKD, hộ nộp thuế TNCN, thuế nhà đất, thuế tài nguyên...

2.1.3. Kết quả thu thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

Giai đoạn 2019-2023 tình hình KTXH trong nước nói chung cũng như trên địa bàn thành phố Chí Linh có nhiều biến động, đặc biệt là ảnh hưởng bởi dịch

bệnh Covid-19. Trên địa bàn thành phố Chí Linh, mặc dù kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, song với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, tập thể CBT Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, sự đồng thuận của NNT, sự đồng hành của các DN, HKD, cá nhân trên địa bàn thành phố đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu NSNN.



Hình 2.2: Kết quả thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

Qua bảng 2.1 và 2.2 cho thấy, 5 năm qua CCT thành phố Chí Linh luôn hoàn thành xuất sắc DT thu thuế của mình, kết quả thu thuế có xu hướng năm sau tăng lên so với năm trước; trong đó thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là thuế NQD, lệ phí trước bạ, thu khác NS, thuế TNCN, tiền thu đất... Cụ thể: Năm 2019, DT thu thuế của CCT thành phố Chí Linh là 153.078 triệu đồng, nhưng thực tế CCT thu được 492.741 triệu đồng, TH/DT đạt mức 321,89%. Trong đó, tiền sử dụng đất là 349.382 triệu đồng, thuế NQD là 51.056 triệu đồng, lệ phí trước bạ 37.128 triệu đồng... Thuế sử dụng đất nông nghiệp thấp nhất là 5 triệu đồng, tiếp đến là thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 3.502 triệu đồng.

Bảng 2.1: Kết quả TH/DT thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
	DT	TH	TH/DT (%)	DT	TH	TH/DT (%)	DT	TH	TH/DT (%)	DT	TH	TH/DT (%)	DT	TH	TH/DT (%)
Thuế NQD	45.500	51.056	112,21	45.200	60.775	134,46	46.500	65.423	140,69	49.550	59.145	119,36	55.250	75.956	137,48
Thuế sử dụng đất nông nghiệp		5													
Thuế TNCN	8.136	14.467	177,82	11.500	12.025	104,57	10.500	14.429	137,42	12.350	20.595	166,76	13.550	26.467	195,33
Tiền sử dụng đất	54.600	349.382	639,89	75.000	696.878	929,17	100.000	620.297	620,30	190.000	721.510	379,74	200.000	1.110.494	555,25
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.638	3.502	213,78	2.100	2.304	109,71	2.150	2.252	104,74	2.269	2.347	103,44	2.320	2.502	107,84
Tiền thuê đất	2.730	10.991	402,60	3.100	4.278	138,00	3.010	3.630	120,60	2.994	6.502	217,17	3.200	23.283	727,59
Lệ phí trước bạ	32.760	37.128	113,33	38.000	52.598	138,42	43.000	64.195	149,29	45.850	59.212	129,14	47.000	68.922	146,64
Thu phí - Lệ phí	3.094	6.709	216,82	5.000	4.519	90,38	4.980	4.645	93,27	4.175	4.276	102,42	4.201	5.137	122,28
Thu khác NS	4.220	11.086	262,69	5.700	16.458	288,74	9.600	14.707	153,20	12.300	17.198	139,82	20.000	34.537	172,69
Thu tại xã - hoa lợi công sản	400	8.416	2.103,92	4.550	10.402	228,62	3.650	5.929	162,44	4.100	5.272	128,59	3.500	6.389	182,54
Tổng cộng	153.078	492.741	321,89	190.150	860.237	452,40	223.390	795.507	356,11	323.588	896.057	276,91	349.021	1.353.687	387,85

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Bảng 2.2: Tình hình thu thuế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2020		2023/2021	
						+/ -	%	+/ -	%	+/ -	%	+/ -	%
Thuế NQD	51.056	60.775	65.423	59.145	75.956	9.719	19,03	4.648	7,65	(6.278)	(9,60)	16.811	28,42
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	5					(5)	(100,00)						
Thuế TNCN	14.467	12.025	14.429	20.595	26.467	(2.442)	(16,88)	2.404	19,99	6.166	42,73	5.872	28,51
Tiền sử dụng đất	349.382	696.878	620.297	721.510	1.110.494	347.496	99,46	(76.581)	(10,99)	101.213	16,32	388.984	53,91
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.502	2.304	2.252	2.347	2.502	(1.198)	(34,20)	(52)	(2,26)	95	4,22	155	6,60
Tiền thuê đất	10.991	4.278	3.630	6.502	23.283	(6.713)	(61,08)	(648)	(15,15)	2.872	79,12	16.781	258,09
Lệ phí trước bạ	37.128	52.598	64.195	59.212	68.922	15.470	41,67	11.597	22,05	(4.983)	(7,76)	9.710	16,40
Thu phí - Lệ phí	6.709	4.519	4.645	4.276	5.137	(2.190)	(32,64)	126	2,79	(369)	(7,94)	861	20,14
Thu khác NS	11.086	16.458	14.707	17.198	34.537	5.372	48,46	(1.751)	(10,64)	2.491	16,94	17.339	100,82
Thu tại xã - hoa lợi công sản	8.416	10.402	5.929	5.272	6.389	1.986	23,60	(4.473)	(43,00)	(657)	(11,08)	1.117	21,19
Tổng cộng	492.741	860.237	795.507	896.057	1.353.687	367.496	74,58	(64.730)	(7,52)	100.550	12,64	457.630	51,07

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Năm 2020, DT thu thuế của CCT thành phố Chí Linh là 190.150 triệu đồng, thực tế CCT thu được 860.237 triệu đồng, TH/DT đạt mức 451,40%, tăng thêm 367.496 triệu đồng so với năm 2019, tỷ lệ tăng là 74,58%. Trong đó tăng mạnh nhất chính là tiền sử dụng đất, tăng thêm 347.496 triệu đồng so với năm trước, tỷ lệ tăng là 99,46%. Tiếp đến là lệ phí trước bạ tăng thêm so với năm 2019 là 15.470 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 41,67%... Ngoài ra cũng có một số khoản thu thuế giảm so với năm 2019 đó là tiền thuê đất giảm đi 6.713 triệu đồng, tỷ lệ giảm tương ứng là 61,08%; thuế TNCN giảm đi 2.442 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 16,88%; thu phí, lệ phí giảm đi 2.190 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 32,64%...

Năm 2021, DT thu thuế của CCT thành phố Chí Linh là 223.390 triệu đồng, thực tế CCT thu được 795.507 triệu đồng, TH/DT là 356,11%; tuy nhiên so với năm 2020 thì tổng thu thuế của CCT lại giảm đi 64.730 triệu đồng, tỷ lệ giảm tương ứng là 7,52%. Trong đó giảm mạnh nhất là tiền sử dụng đất, giảm đi 76.581 triệu đồng so với năm 2020, tỷ lệ giảm là 10,99%, tiếp đến là thu tại xã, hoa lợi công sản giảm đi 4.473 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 43,00%, thu khác NS giảm đi 1.751 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 10,64%, giảm ít nhất là khoản thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, giảm đi 52 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 2,26%. Bên cạnh những khoản thu thuế giảm trong năm 2021 thì cũng có một số khoản thu tăng lên như thu lệ phí trước bạ tăng thêm so với năm 2020 là 11.597 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 22,05%; thuế NQD tăng thêm 4.648 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 7,65%; thuế TNCN tăng thêm 2.404 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 19,99%, tăng ít nhất là thu phí, lệ phí với mức tăng thêm so với năm trước là 126 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 2,79%.

Năm 2022, CCT thành phố Chí Linh tiếp tục hoàn thành vượt mức DT đặt ra với mức độ TH/DT là 276,91%, trong đó DT là 323.588 triệu đồng, thực tế thu được 896.057 triệu đồng. Mặc dù là năm đầu tiên gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng CCT thành phố Chí Linh đã tăng thu so với năm 2021 là 100.550 triệu đồng, tỷ lệ tăng tương ứng là 12,64%. Tăng thu mạnh nhất trong năm 2022 chính là chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất với mức tăng thêm so với năm 2021 là 101.213 triệu đồng, tỷ lệ tăng tương ứng là 16,73%; thuế TNCN tăng thêm

6.166 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 42,73%; tiền thuê đất tăng thêm 2.872 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 79,12%, thu khác NS tăng thêm 2.491 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 16,94%, tăng thấp nhất trong năm 2022 là thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với mức tăng thêm là 95 triệu đồng, 4,22%. Bên cạnh những khoản thu biến động tăng thì năm 2022 CCT thành phố Chí Linh cũng có một số khoản thu giảm đi so với năm 2021, trong đó giảm nhiều nhất là thuế NQD giảm đi 6.278 triệu đồng (9,60%), lệ phí trước bạ giảm 4.983 triệu đồng (7,76%), thu tại xã - hoa lợi công sản giảm 657 triệu đồng (11,08%) và thu phí, lệ phí giảm 369 triệu đồng (7,94%).

Năm 2023, để hoàn thành mục tiêu kép “vừa quyết liệt phòng chống dịch, vừa tập trung phục hồi, phát triển KTXH và bảo đảm đời sống nhân dân”, do có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chính quyền địa phương, việc kiểm soát tốt dịch bệnh cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho DN và người dân phát huy tác dụng nên kinh tế trong nước từ tháng 10 đã phục hồi trở lại, nhiều đơn vị đã phục hồi SXKD và đóng góp lớn cho NS. Cùng với đó, CQT các cấp triển khai đồng bộ, có hiệu quả các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Tài chính sớm đưa chính sách miễn, giảm, gia hạn vào cuộc sống... Tổng thu thuế của CCT thành phố Chí Linh năm 2023 TH/DT đạt mức 387,85%, tăng thêm so với năm 2022 là 457.630 triệu đồng, tỷ lệ tăng lên tới 51,07%. Tất cả các khoản thu của CCT trong năm 2023 đều biến động tăng lên, trong đó tăng nhiều nhất là tiền sử dụng đất với mức tăng thêm so với năm 2022 là 388.984 triệu đồng (53,91%), thu khác NS tăng thêm 17.339 triệu đồng (100,82%), thuế NQD tăng thêm 16.811 triệu đồng (28,42%)... tăng ít nhất là khoản thu phí, lệ phí với mức tăng thêm là 861 triệu đồng (20,14%).

Để đạt được những thành tích trên là do CCT thành phố Chí Linh đã có được những thuận lợi cơ bản như sau:

Một là, công tác QLT trên địa bàn luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Cục Thuế tỉnh Hải Dương, của Huyện ủy-HĐND-UBND thành phố Chí Linh, sự phối hợp của các ngành, các cấp, các cơ quan đơn vị, tổ chức cá nhân NNT.

Hai là, trong thời gian vừa qua Chính Phủ đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tháo gỡ khó khăn, thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp SXKD phát triển. Bộ Tài Chính, Tổng cục Thuế đã có kế hoạch triển khai, ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giao dịch của NNT với CQT.

Ba là, tập thể CBT CCT thành phố Chí Linh luôn đoàn kết, thống nhất chấp hành kỷ cương, kỷ luật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ và tích cực trong công tác QLT. CBT tại CCT thành phố Chí Linh luôn nỗ lực cố gắng trong việc đôn đốc, thu nộp các sắc thuế. CCT đã tham mưu kịp thời cho Huyện uỷ, HĐND, UBND TP về công tác thu nộp NSNN và QL thu, triển khai các biện pháp nghiệp vụ thu có hiệu quả, các biện pháp chống thất thu NS. Xây dựng và giao DT thu cho các Đội Thuế, đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đồng thời phát động nhiều đợt thi đua nâng cao hiệu quả thu NS. Tăng cường đối thoại trực tiếp với NNT. Mở các hội nghị tập huấn để phổ biến kịp thời chính sách thuế mới cho các tổ chức và HKD, cá nhân nâng cao công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT. Đặc biệt, CCT đã chỉ đạo Đội nghiệp vụ tăng cường công tác kiểm tra, hoàn thuế và xác minh hóa đơn để kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi gian lận, trốn thuế.

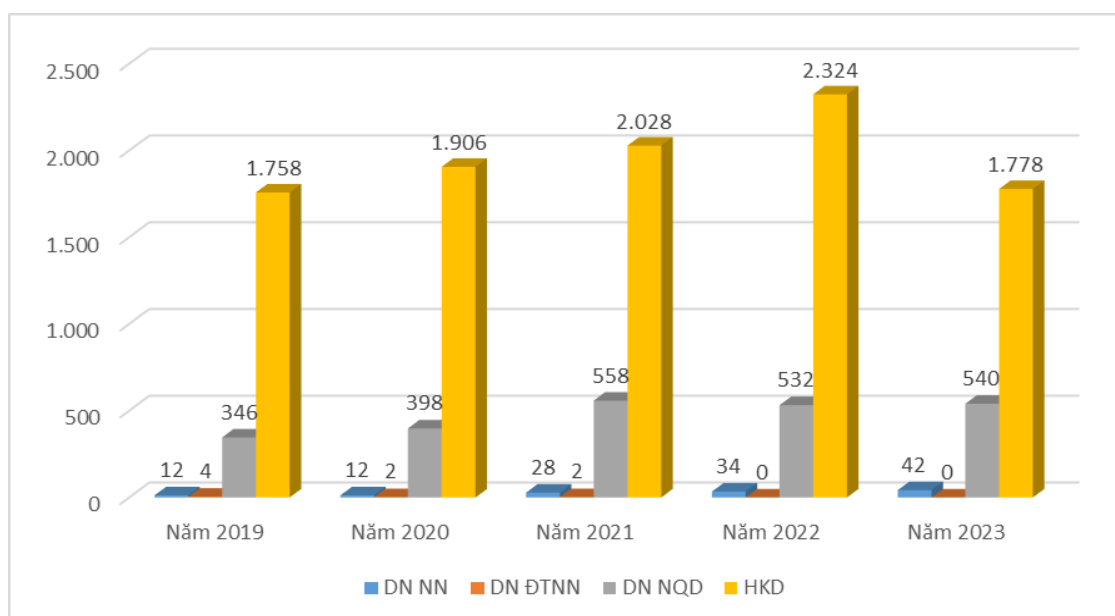
2.2. Thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023

2.2.1. Tình hình nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

Bên cạnh những kết quả đạt được nói trên thì tình trạng NT trên thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương vẫn diễn ra, gây khó khăn cho công tác thu thuế của CCT thành phố Chí Linh. Nguyên nhân một phần là do tình hình SXKD của NNT gặp khó khăn, nhiều đơn vị chưa thể phục hồi được việc sản xuất, nhiều khách hàng không thanh toán dẫn đến không có nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ thuế.

Mặt khác các đơn vị xây dựng cơ bản gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán đối với các công trình thực hiện bằng nguồn vốn NSNN. Nhiều khoản nợ khó thu chờ xử lý chưa có cơ chế xử lý như các khoản thu từ tiền thuế, tiền phạt còn tồn đọng từ các năm trước, khoản nợ của các DN giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động SCKD, DN bỏ trốn... dẫn đến nợ khó thu còn cao.

Công tác CCNT còn gặp nhiều khó khăn vì các DN có số NT lớn, tình trạng dây dưa nợ kéo dài cần phải cưỡng chế lại là nhưng DN làm ăn thua lỗ, đang trên bờ vực giải thể, phá sản hoặc bỏ trốn... Tài khoản tiền gửi ngân hàng của NNT có số dư tối thiểu không đủ điều kiện để CCNT.



Hình 2.3: Số lượng đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh 2019-2023

Qua bảng 2.3 cho thấy, số đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh tăng nhanh trong 4 năm đầu của giai đoạn nghiên cứu và giảm ở năm cuối. Cụ thể, năm 2019 CCT có 2.120 đối tượng NT, trong đó có 12 DN NN, 4 DN ĐTN, 346 DN NQD và 1.758 HKD.

Năm 2020, tổng số đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh tăng thêm 198 đối tượng, tỷ lệ tăng tương ứng là 9,34%; trong đó DN NN vẫn giữ nguyên con số 12 đối tượng NT, DN ĐTN giảm đi 2 đối tượng NT, DN NQD tăng thêm so với năm trước 52 đối tượng NT (15,03%) và nhiều nhất là các HKD NT tăng thêm 148 đối tượng (8,42%).

Bảng 2.3: Số lượng đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Đối tượng*

Đối tượng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
DN NN	12	12	28	34	42	0	0,00	16	133,33	6	21,43	8	23,53
DN ĐTN	4	2	2	0	0	(2)	(50,00)	0	0,00	(2)	(100,00)	0	-
DN NQD	346	398	558	532	540	52	15,03	160	40,20	(26)	(4,66)	8	1,50
HKD	1.758	1.906	2.028	2.324	1.778	148	8,42	122	6,40	296	14,60	(546)	(23,49)
Tổng số đối tượng NT	2.120	2.318	2.616	2.890	2.360	198	9,34	298	12,86	274	10,47	(530)	(18,34)

*(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)***Bảng 2.4: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023***ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Tổng số thuế ghi thu	492.741	860.237	795.507	896.057	1.353.687	367.496	74,58	(64.730)	(7,52)	100.550	12,64	457.630	51,07
Tổng nợ thuế	45.430	52.078	63.382	45.532	64.444	6.648	14,63	11.304	21,71	(17.850)	(28,16)	18.912	41,54
Tỷ lệ nợ thuế/số thuế ghi thu (%)	9,22	6,05	7,97	5,08	4,76	(3,17)	(34,34)	1,91	31,61	(2,89)	(36,22)	(0,32)	(6,31)
Nợ có khả năng thu	15.132	17.008	24.612	26.048	49.750	1.876	12,40	7.604	44,71	1.436	5,83	23.702	90,99
Nợ có khả năng thu/Tổng thu (%)	3,07	1,98	3,09	2,91	3,68	(1,09)	(35,62)	1,12	56,48	(0,19)	(6,04)	0,77	26,43

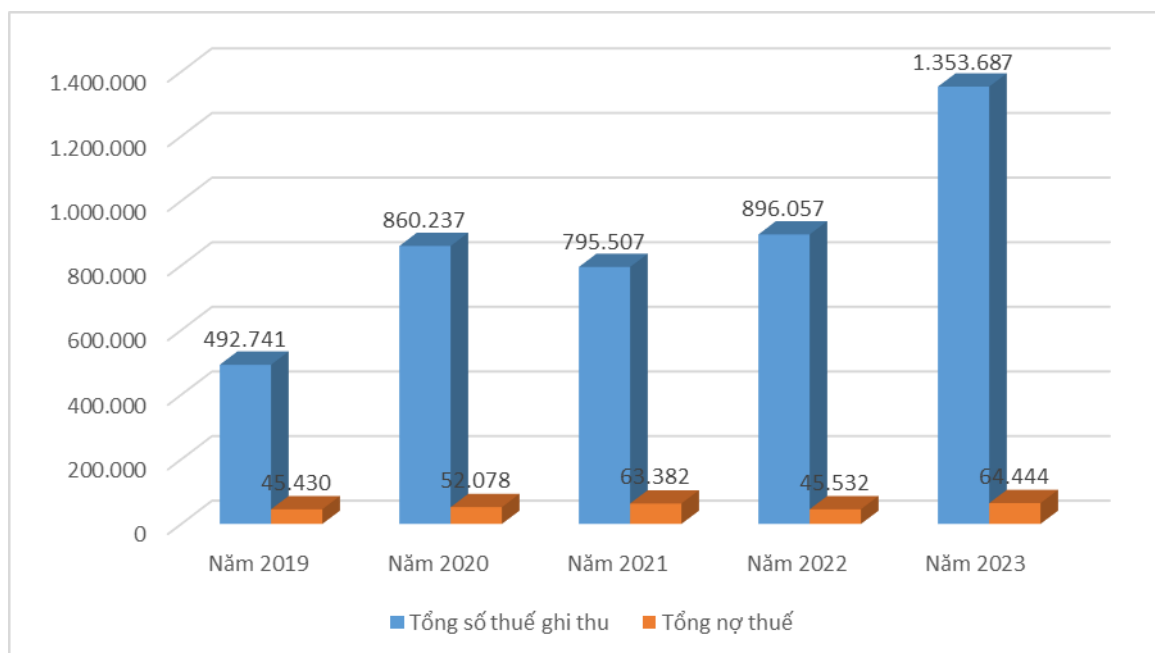
(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Năm 2021, tổng số đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh tăng từ 2.318 đối tượng lên mức 2.616 đối tượng, tỷ lệ tăng là 12,86% nguyên nhân là do DNNN tăng thêm 16 DN NT (133,33%), DN ĐTNNT có 2 đối tượng NT, DN NQD tăng thêm 160 DN NT (40,20%) và HKD tăng thêm 122 hộ NT (6,40%).

Năm 2022, tổng số đối tượng NT tại CCT thành phố Chí Linh tiếp tục tăng thêm 274 đối tượng NT so với năm 2021 (10,47%), trong đó có các HKD NT tăng thêm 296 hộ (14,60%), DNNN có 34 DN NT, tăng thêm 6 DN so với năm 2019 (21,43%), DN NQD giảm được 26 DN NT so với năm trước (4,66%), không có DN ĐTNNT NT.

Năm 2023, trong bối cảnh tình hình SXKD bị đình trệ, nhiều hoạt động KTXH bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch bệnh Covid-19; DN làm ăn thua lỗ, giải thể, phá sản, ngừng SXKD, ảnh hưởng đến việc thực hiện thu hồi NT, số NT có xu hướng tăng lên. Trước tình hình đó, ngành Thuế đã đặt nhiệm vụ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ NNT duy trì SXKD, tạo thuận lợi cho NNT được gia hạn NT, nộp dần tiền thuế, miễn tiền chậm nộp, xóa NT, theo quy định của Luật QLT, các nghị quyết của Quốc hội và nghị định của Chính phủ là công tác trọng tâm. Do đó, CCT thành phố Chí Linh đã tích cực triển khai TH Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với NNT không còn khả năng nộp NSNN. Chi cục đã triển khai rà soát thủ tục, hồ sơ và đối tượng NT để thực hiện việc xử lý khoan nợ tiền thuế gốc và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo đúng quy định, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu đề ra. CCT đã triển khai thực hiện đầy đủ các biện pháp QLNT và CCNT; giám sát chặt chẽ sự biến động của các khoản nợ để đôn đốc thu nợ kịp thời; phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng trên địa bàn để thu hồi nợ đọng thuế, chống thất thu NSNN, góp phần hoàn thành DT thu được giao. CCT đã triển khai thực hiện rà soát toàn bộ NNT thuộc đối tượng nợ khó thu từ thời điểm trước ngày 1/7/2020 để lập hồ sơ khoan, xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14. Từ việc triển khai quyết liệt các biện pháp, số đối tượng NT của CCT năm 2023 giảm đi 530 đối tượng so với năm

2022, tỷ lệ giảm tương ứng là 18,34%. Trong đó, HKD NT giảm từ 2.324 hộ xuống còn 1.778 hộ, giảm được 546 hộ so với năm 2022, tỷ lệ giảm là 23,49%; DN NQD NT tăng thêm 8 DN (1,50%) và DNNN NT tăng thêm 8 DN (23,53%), không có DN ĐTNN NT trên địa bàn quản lý của CCT.



Hình 2.4: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

Hàng năm, ngành Thuế yêu cầu phải thực hiện tỷ lệ nợ là 5% trên tổng số thu, gắn trách nhiệm cả người đứng đầu với kết quả TH chỉ tiêu thu nợ, lấy đó làm một trong những tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm. Tuy nhiên, số NT tại CCT thành phố Chí Linh trong giai đoạn 2021-2023 vẫn tăng qua các năm, tỷ lệ nợ đọng thuế cao hơn so với mức mục tiêu dưới 5% của Cục thuế giao, chỉ duy nhất năm 2023 vừa qua là tỷ lệ NT/số thuế ghi thu dưới 5%. Cụ thể tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh trong giai đoạn 2019-2023 như sau:

Năm 2019, tổng số thuế ghi thu của CCT là 492.741 triệu đồng, tổng NT là 45.430 triệu đồng, điều này dẫn tới tỷ lệ NT/số thuế ghi thu lên tới con số 9,22%; tỷ lệ nợ có khả năng thu/tổng thu là 3,07%.

Năm 2020, bên cạnh chỉ tiêu tổng số thuế ghi thu tăng lên thì tổng NT cũng tăng thêm so với năm 2019 là 6.648 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 14,63%. Tuy nhiên, mức tăng của số thuế ghi thu lớn hơn nên tỷ lệ NT/số thuế ghi thu năm 2020 giảm

xuống còn 6,05%, giảm được 3,17% so với năm 2019. Tỷ lệ nợ có khả năng thu/tổng thu cũng giảm được so với năm trước là 1,09%, tỷ lệ giảm tương ứng là 35,62%.

Năm 2021, số thuế ghi thu giảm đi 64.730 triệu đồng so với năm 2020, trong khi đó tổng nợ thuế của CCT lại tăng thêm 11.304 triệu đồng. Điều này dẫn tới tỷ lệ NT/số thuế ghi thu năm 2021 tăng lên con số 7,97%, tăng thêm 1,19% so với năm 2020, tỷ lệ tăng tương ứng là 31,61%. Tỷ lệ nợ có khả năng thu/tổng thu cũng tăng thêm so với năm trước 1,12%.

Năm 2022, CCT tiến hành TH rà soát, thu thập, bổ sung hoàn thiện hồ sơ và thực hiện xử lý nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội, hướng dẫn tại Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với NNT không còn khả năng nộp NSNN, đảm bảo xử lý đúng đối tượng, đúng thẩm quyền; hồ sơ, trình tự, thủ tục chặt chẽ và xử lý được tối đa STT, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp không còn khả năng nộp NSNN. Nhờ vậy, tổng NT của CCT thành phố Chí Linh năm 2022 giảm đi 17.850 triệu đồng so với năm 2021, tỷ lệ giảm là 28,16%. Cùng với đó, tổng số thuế ghi tăng thêm 100.550 triệu đồng. Nhờ vậy, tỷ lệ NT/số thuế ghi thu giảm được 2,89% so với năm trước, tỷ lệ giảm lên tới 36,22%. Nợ có khả năng thu tăng lên so với năm 2021, tỷ lệ nợ có khả năng thu/tổng thu giảm còn 2,91%, giảm đi 0,19% so với năm trước.

Năm 2023, lãnh đạo CCT thành phố Chí Linh - Đội kiểm tra thuế rà soát và lập danh sách các đơn vị NT, giao chỉ tiêu đôn đốc nợ và CCNT đến từng CBT; chỉ đạo và triển khai quyết liệt các biện pháp QLNT; tăng cường đôn đốc và áp dụng các biện pháp CCNT theo quy định nhằm đảm bảo hoàn thành DT thu NSNN và giảm nợ đọng thuế năm 2023. Nhờ vậy, tỷ lệ NT/số thuế ghi thu của CCT thành phố Chí Linh năm 2023 giảm xuống còn 4,76%, là năm duy nhất trong giai đoạn nghiên cứu có tỷ lệ NT/số thuế ghi thu nhỏ hơn 5% theo yêu cầu. Nợ có khả năng thu/tổng tăng thêm so với năm 2022 là 0,77%, tỷ lệ tăng là

26,43%. Bằng những chính sách kịp thời hỗ trợ người dân, DN, cũng như các biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả, nền kinh tế đã phục hồi nhanh chóng, góp phần giúp ngành Thuế nói chung và CCT thành phố Chí Linh nói riêng hoàn thành tốt nhiệm vụ thu NS, giảm tỷ lệ NT/số thuế ghi thu.

2.2.2. Thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

2.2.2.1. Công tác lập kế hoạch giao chỉ tiêu thu TTN:

Hàng năm, CCT thành phố Chí Linh TH rà soát hiện trạng NT của các DNNN, DN có vốn ĐTNN, DN NQD, HKD trên địa bàn thành phố Chí Linh; đồng thời dự kiến các khoản nợ phát sinh và tập trung phân tích tình hình NT của các đơn vị có số tiền NT lớn; căn cứ tiền NT năm trước và tiền NT tại thời điểm lập chỉ tiêu thu tiền thuế ngày 31/12 hàng năm.

Căn cứ vào kết quả báo cáo của CCT thành phố Chí Linh hàng năm, Cục thuế tỉnh Hải Dương sẽ ban hành văn bản giao chỉ tiêu thu tiền NT cho CCT thành phố Chí Linh. Theo các công văn về việc giao chỉ tiêu thu tiền NT, Cục thuế tỉnh Hải Dương yêu cầu CCT thành phố Chí Linh thực hiện một số nhiệm vụ sau:

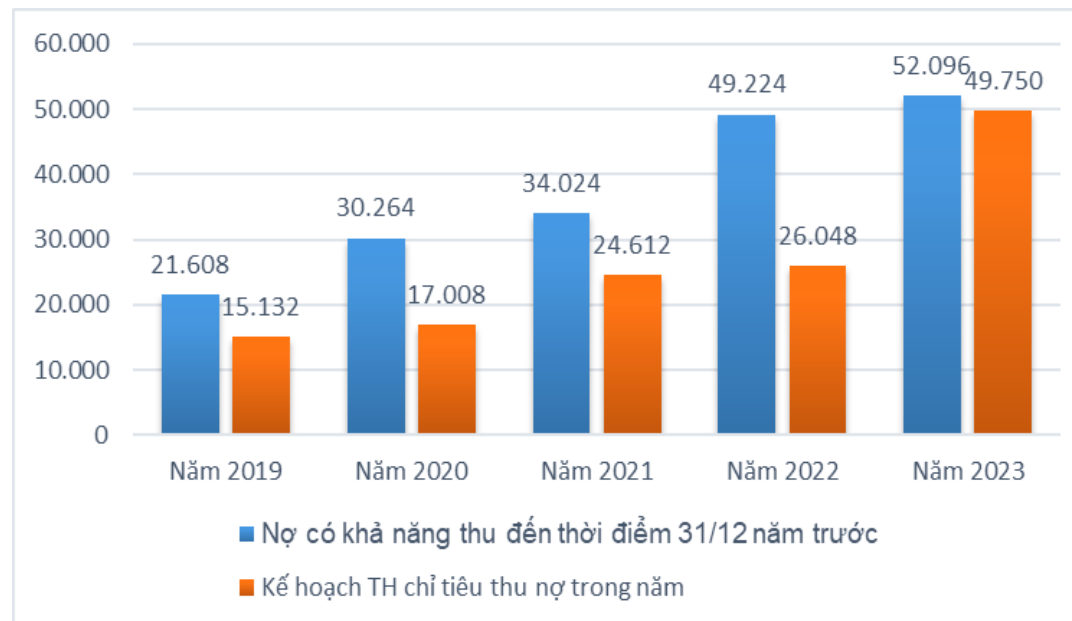
- Chỉ đạo các bộ phận được giao QLN TH rà soát, phân loại các khoản NT đầy đủ và theo đúng hướng dẫn tại Quy trình QLT.
- Giao chỉ tiêu thu tiền NT cho các đội được giao QLN thuộc CCT.
- Triển khai thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thu hồi NT theo đúng quy định của Luật QLT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thông qua việc TH rà soát hiện trạng NT trên địa bàn thành phố Chí Linh cùng với kết quả giao chỉ tiêu thu tiền NT của Cục thuế tỉnh Hải Dương, CCT thành phố Chí Linh đã xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện thu tiền NT trên địa bàn QL. Chi Cục trưởng CCT cùng các trưởng bộ phận trên địa bàn QL có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo các bộ phận được giao QLNT thực hiện rà soát, phân loại đầy đủ và theo đúng hướng dẫn tại Quy trình QLT.

Bảng 2.5: Kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12 năm trước	21.608	30.264	34.024	49.224	52.096	8.656	40,06	3.760	12,42	15.200	44,67	2.872	5,83
Kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm	15.132	17.008	24.612	26.048	49.750	1.876	12,40	7.604	44,71	1.436	5,83	23.702	90,99

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)**Hình 2.5: Kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023**

- Triển khai thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thu hồi NT theo đúng quy định của Luật QLT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu tiền NT là một trong các nội dung để đánh giá và đề xuất thi đua khen thưởng đối với các cá nhân, đơn vị trong toàn ngành Thuế.

Qua bảng 2.5 cho thấy, năm 2019 nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12/2018 chuyển sang là 21.608 triệu đồng, CCT thành phố Chí Linh lập kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm 2019 là 15.132 triệu đồng. Năm 2020, nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12 năm trước là 30.264 triệu đồng, tăng so với năm 2019 là 8.656 triệu đồng (40,06%), CCT đặt kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm là 17.008 triệu đồng, tăng so với năm trước 1.876 triệu đồng (12,40%). Năm 2021, nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12/2018 là 34.024 triệu đồng, tăng thêm 3.760 triệu đồng so với năm 2020, tỷ lệ tăng là 12,42%, kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm là 24.612 triệu đồng, tăng thêm 7.604 triệu đồng so với năm 2020, tỷ lệ tăng là 44,71%. Năm 2022, nợ có khả năng thu cuối năm trước chuyển sang là 49.224 triệu đồng, kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm là 26.048 triệu đồng. Năm 2023, nợ có khả năng thu thời điểm 31/12/2020 là 52.096 triệu đồng, kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm là 49.750 triệu đồng, tăng thêm 23.702 triệu đồng so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 90,99%.

Ngoài chỉ tiêu kế hoạch TH thu nợ trong năm bằng số tiền cụ thể, CCT thành phố Chí Linh còn đưa thêm chỉ tiêu: tổng số tiền NT tại thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 5% tổng số thu NSNN trong năm. Tổng số tiền NT để tính chỉ tiêu này không bao gồm: (i) TTN chờ xử lý (trường hợp đang thẩm định chờ xử lý như miễn, giảm; gia hạn nộp thuế; xóa nợ; bù trừ hoàn; nộp dần TTN); (ii) TTN khó thu (nợ của NNT: đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, bỏ địa chỉ kinh doanh, chờ giải thể, mất khả năng thanh toán, TTN đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế không thu hồi được).

Nhìn chung công tác lập kế hoạch thu TTN tại CCT thành phố Chí Linh trong giai đoạn 2019-2023 được tiến hành hàng năm và được TH khá tốt. Hiện tại

CCT quy định mục tiêu giảm nợ so với tổng thu NS hàng năm chung cho tất cả các ngành nghề, lĩnh vực dẫn đến việc xây dựng chỉ tiêu thu tiền NT gặp nhiều khó khăn chưa sát với thực tế; tỷ lệ kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm so với nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12 năm trước biến động mạnh giữa các năm, điển hình như năm 2022 tỷ lệ này chỉ có 52,92%, năm 2023 tỷ lệ này tăng thành 95,50%. Việc xây dựng kế hoạch thu tiền NT sát với thực tế sẽ giúp cho CCT có những chương trình, mục tiêu, nội dung triển khai hiệu quả hơn.

2.2.2.2. Triển khai thu nợ thuế

* Phân công QLNT

Phân công QLNT là việc phân công đối tượng NT cho từng CBT QLN cụ thể để đôn đốc, theo dõi tình hình NT của đơn vị. Có thể nói, phân công QLNT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác QLNT. Phân công hợp lý là nhân tố quan trọng để nâng cao hiệu quả QL. Việc phân công bất hợp lý không chỉ gây tốn kém thời gian, công sức, chi phí QL mà còn dẫn đến hiệu quả phối hợp trong công tác QL không cao. Công tác QLNT không chỉ là công việc của Đội Kiểm tra thuế QLN và CCNT mà còn liên quan đến nhiều đơn vị chức năng khác. Do đó, việc phân công QLNT hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc phối hợp quản lý, đôn đốc, điều chỉnh và thực hiện CCNT.

Trong giai đoạn 2019-2023, công tác phân công QLNT tại CCT thành phố Chí Linh được thực hiện theo hướng trực tiếp QL số lượng tổ chức, cá nhân nợ thuế cụ thể chứ không phân công QL theo loại hình kinh tế hoặc theo ngành nghề kinh doanh. Trên cơ sở biên chế hiện có của Đội thì mỗi CBT được giao nhiệm vụ trực tiếp QL theo dõi bình quân trên 60 DN thực tế phát sinh kê khai hàng tháng trên 100 DN hiện đang được giao QL, không kể các HKD. Việc phân công QLNT theo từng đơn vị cũng đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác QLNT.

Bảng 2.6: Đặc điểm CBT công tác QLNT của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Người*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2018		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
I. Theo giới tính	7	7	13	14	14	0	0,00	6	85,71	1	7,69	0	0,00
Nam	4	4	6	6	6	0	0,00	2	50,00	0	0,00	0	0,00
Nữ	3	3	7	8	8	0	0,00	4	133,33	1	14,29	0	0,00
II. Theo độ tuổi	7	7	13	14	14	0	0,00	6	85,71	1	7,69	0	0,00
Dưới 35 tuổi	1	1	2	2	2	0	0,00	1	100,00	0	0,00	0	0,00
Từ 35 đến 45 tuổi	2	2	8	9	9	0	0,00	6	300,00	1	12,50	0	0,00
Trên 45 tuổi	4	4	3	3	3	0	0,00	(1)	(25,00)	0	0,00	0	0,00
III. Theo trình độ chuyên môn	7	7	13	14	14	0	0,00	6	85,71	1	7,69	0	0,00
Trên đại học	0	0	1	3	3	0	-	1	-	2	200,00	0	0,00
Đại học	3	3	11	10	10	0	0,00	8	266,67	(1)	(9,09)	0	0,00
Cao đẳng, khác	4	4	1	1	1	0	0,00	(3)	(75,00)	0	0,00	0	0,00
IV. Tổng số CBT CCT khu vực Chí Linh	70	65	63	58	59	(5)	(7,14)	(2)	(3,08)	(5)	(7,94)	1	1,72
V. Tỷ lệ cán bộ QLNT/tổng số CBT (%)	10,00	10,77	20,63	24,14	23,73	0,77	7,69	9,87	91,61	3,50	16,98	(0,41)	(1,69)

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Năm 2019, trong tổng số 70 CBT làm việc tại CCT thành phố Chí Linh chỉ có 7 CBT phụ trách về QLNT, chiếm tỷ trọng 10,00% trong tổng số CBT của CCT. Trong đó, có 4 CBT là nam giới phụ trách QLNT và 3 CBT là nữ giới phụ trách QLNT. Đội ngũ CBT làm công tác QLNT có 1 người dưới 35 tuổi, 2 người từ 35 tuổi đến 45 tuổi và có 4 người trên 45 tuổi. Trong 7 CBT này, chưa có ai có trình độ trên đại học, chỉ có 3 người là trình độ đại học và 4 người trình độ cao đẳng, khác.

Năm 2020, tổng số CBT tại CCT thành phố Chí Linh giảm còn 65 người, số CBT phụ trách QLNT vẫn là 7 nên tỷ lệ CBT QLNT/tổng số CBT của CCT tăng lên thành 10,77%, không có sự thay đổi về nhân sự so với năm 2019.

Năm 2021, tổng số CBT tại CCT thành phố Chí Linh giảm còn 63 người nhưng số CBT phụ trách QLNT lại tăng lên con số 13 người nên tỷ lệ CBT QLNT/tổng số CBT của CCT tăng lên thành 20,63%. Trong đó, số lượng CBT phụ trách QLNT là nam giới có 6 người và nữ giới có 7 người; 2 người dưới 35 tuổi, 8 người từ 35 đến 45 tuổi và 3 người trên 45 tuổi. Trong tổng số 13 CBT này có 1 người trình độ trên đại học, 11 người trình độ đại học và chỉ có 1 người trình độ cao đẳng, khác.

Năm 2022, tổng số CBT của CCT thành phố Chí Linh giảm còn 58 người, trong khi đó số CBT phụ trách QLNT tăng lên con số 14 người nên tỷ lệ CBT QLNT/tổng số CBT tăng thành 24,14%. CCT có thêm 1 CBT là nữ giới phụ trách QLNT, có độ tuổi từ 35 đến 45 tuổi. Lúc này trình độ trên đại học có 3 người, đại học có 10 người và cao đẳng, khác vẫn là 1 người.

Năm 2023, không có sự biến động về CBT phụ trách QLNT, tuy nhiên tổng số CBT của CCT thành phố Chí Linh tăng thêm 1 người nên tỷ lệ CBT QLNT/tổng số CBT của CCT giảm còn 23,73%.

Nhìn chung, trình độ chuyên môn nghiệp vụ như hiện nay của các CBCC QLN và CCNT tại CCT thành phố Chí Linh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc. Tuy nhiên số lượng CBT QLN như vậy vẫn còn mỏng, thậm chí còn kiêm thêm việc của đội khác. Mỗi CBT tiếp quản nhiều DN, HKD, hàng tháng

hàng quý làm báo cáo, phục vụ kiểm toán NN, thanh tra Chính phủ, báo cáo gấp của Cục thuế... Điều này ảnh hưởng tới việc đi sâu đi sát QLNT đối với từng DN, HKD mà mỗi CBT được phân công theo dõi, QL.

** Phân loại tiền NT*

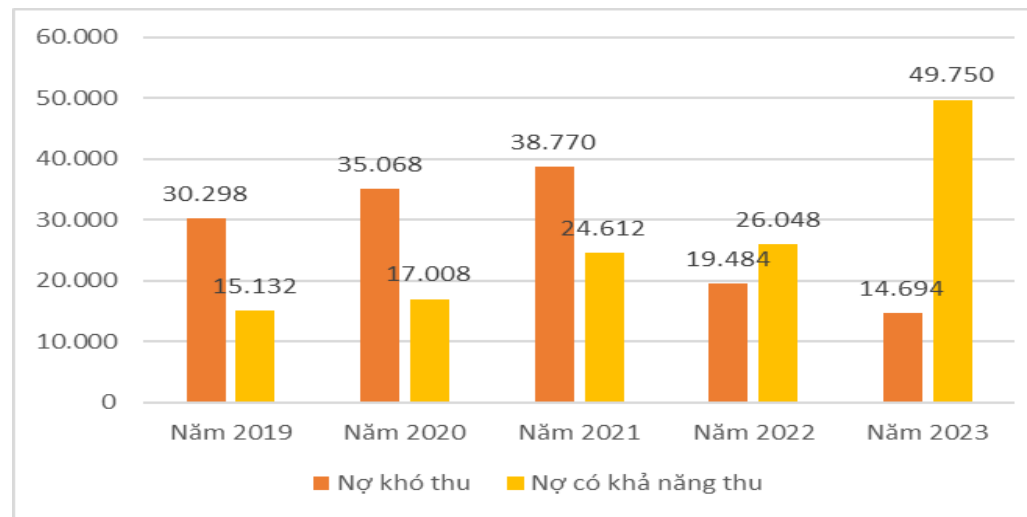
Hàng tháng, căn cứ vào dữ liệu NT trên phần mềm ứng dụng thuế, CBT của Đội Kiểm tra QLN và CCNT được phân công theo dõi sẽ tiến hành phân loại NT theo tính chất nợ dựa trên các dữ liệu có liên quan như nguồn gốc phát sinh khoản nợ, tình trạng ĐTNT, các quyết định, thông báo của các bộ phận gửi đến, phiếu xác minh... để đưa các khoản nợ vào đúng từng nhóm nợ và TH các biện pháp đông đốc cho phù hợp.

- Theo tính chất nợ

CCT thành phố Chí Linh chi các khoản NT thành 4 nhóm gồm nợ khó thu, nợ chờ xử lý, nợ chờ điều chỉnh và nợ có khả năng thu. Trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, tại CCT thành phố Chí Linh NT chỉ phát sinh ở 2 nhóm là nợ khó thu và nợ có khả năng thu.

Bảng 2.7: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo tính chất giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Nợ khó thu	30.298	66,69	35.068	67,34	38.770	61,17	19.484	42,79	14.694	22,80	4.770	15,74	3.702	10,56	(19.286)	(49,74)	(4.790)	(24,58)
Nợ chờ xử lý																		
Nợ chờ điều chỉnh																		
Nợ có khả năng thu	15.132	33,31	17.008	32,66	24.612	38,83	26.048	57,21	49.750	77,20	1.876	12,40	7.604	44,71	1.436	5,83	23.702	90,99
Tổng nợ	45.430	100,00	52.076	100,00	63.382	100,00	45.532	100,00	64.444	100,00	6.646	14,63	11.306	21,71	(17.850)	(28,16)	18.912	41,54

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)**Hình 2.7: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo tính chất giai đoạn 2019-2023**

Cụ thể, năm 2019 tổng số NT của CCT là 45.430 triệu đồng, trong đó nợ khó thu chiếm tỷ trọng lên tới 66,69%, tương ứng số tiền là 30.298 triệu đồng; nợ có khả năng thu chỉ chiếm tỷ trọng 33,31%, ứng với số tiền là 15.132 triệu đồng. Năm 2020, tổng NT của CCT tăng thêm so với năm trước là 6.646 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 14,63%; nợ khó thu vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng NT năm 2020 với con số 67,34%, tương đương 35.068 triệu đồng; nợ có khả năng thu là 17.008 triệu đồng (32,66%). Năm 2021, tổng NT của CCT thành phố Chí Linh tăng thêm 11.306 triệu đồng so với năm 2020, tỷ lệ tăng tương ứng là 21,71%; trong đó tỷ trọng nợ khó thu giảm so với 2 năm trước, chỉ còn mức 61,17%, ứng với STT nợ là 38.770 triệu đồng; nợ có khả năng thu tỷ trọng tăng lên thành 38,83%, ứng với STT nợ là 24.612 triệu đồng. Năm 2022 là năm duy nhất trong 5 năm nghiên cứu có STT nợ giảm đi so với năm trước, tổng NT giảm được 17.850 triệu đồng, tỷ lệ giảm là 28,16%. Năm này tỷ trọng nợ khó thu nhỏ hơn nợ có khả năng thu. Cụ thể trong 45.532 triệu đồng tiền NT thì CCT có 19.484 triệu đồng nợ khó thu, tỷ trọng là 42,79%; nợ có khả năng thu là 26.048 triệu đồng, tỷ trọng là 57,21%.

Đặc biệt năm 2023 vừa qua, mặc dù tổng NT tăng thêm 18.912 triệu đồng so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 41,54% nhưng tình hình có nhiều khả quan hơn khi nợ khó thu chỉ chiếm tỷ trọng 22,80%, ứng với STT nợ là 14.694 triệu đồng còn nợ có khả năng thu chiếm tỷ trọng là 77,20%, ứng với STT nợ là 49.750 triệu đồng.

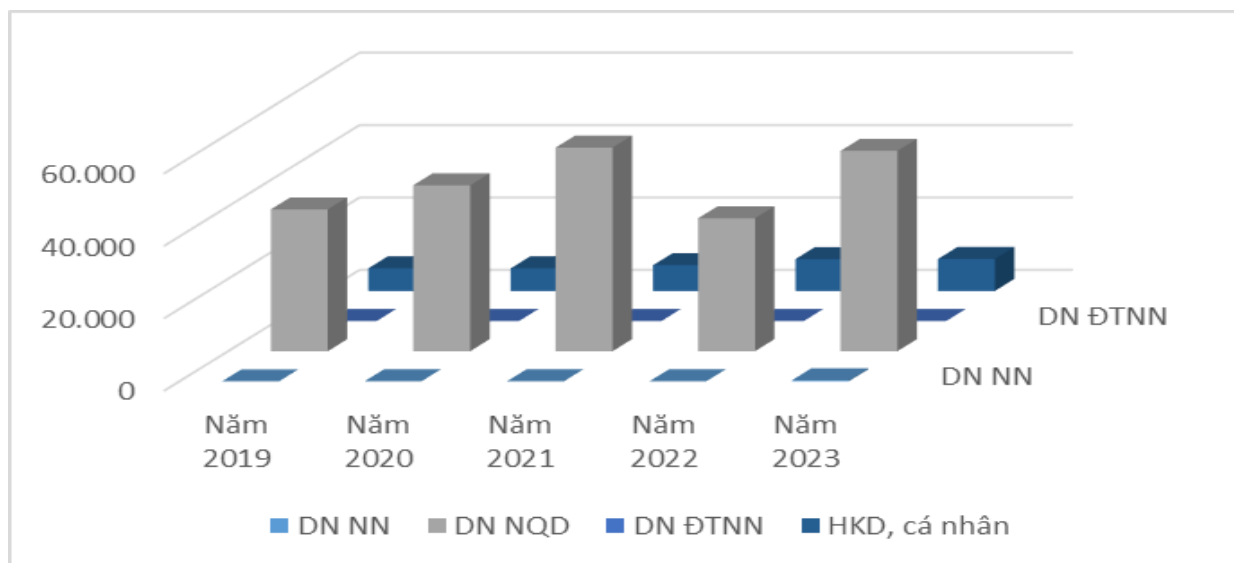
Qua phân loại nợ theo tính chất có thể thấy, tỷ trọng nợ khó thu tại CCT thành phố Chí Linh ngày một giảm, tỷ trọng nợ có khả năng thu ngày một tăng. Kết quả này phần nào khẳng định công tác QLNT tại CCT thành phố Chí Linh trong giai đoạn vừa qua đã dần tốt lên và các biện pháp QLNT có hiệu quả cao.

- Theo đối tượng NT

Qua bảng 2.8 có thể thấy, tại CCT thành phố Chí Linh STT nợ của đối tượng NT là các DN NQD chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là STT nợ của các HKD, cá nhân...

Bảng 2.8: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo đối tượng giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
DN NN	2	0,004	8	0,02	6	0,01	12	0,03	258	0,40	6	300,00	(2)	(25,00)	6	100,00	246	2.050,00
DN NQD	39.160	86,20	45.816	87,98	56.242	88,73	36.722	80,65	55.340	85,87	6.656	17,00	10.426	22,76	(19.520)	(34,71)	18.618	50,70
DN ĐTNN	16	0,04	6	0,01	20	0,03	0	0,00	0	0,00	(10)	(62,50)	14	233,33	(20)	(100,00)	0	-
HKD, cá nhân	6.252	13,76	6.246	11,99	7.114	11,22	8.798	19,32	8.846	13,73	(6)	(0,10)	868	13,90	1.684	23,67	48	0,55
Tổng nợ	45.430	100,00	52.076	100,00	63.382	100,00	45.532	100,00	64.444	100,00	6.646	14,63	11.306	21,71	(17.850)	(28,16)	18.912	41,54

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)**Hình 2.8: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo đối tượng giai đoạn 2019-2023**

Năm 2019, trong tổng số 45.430 triệu đồng TTN, CCT thành phố Chí Linh có DN NQD nợ tới 39.160 triệu đồng, chiếm tỷ trọng lên tới 86,20%; HKD, cá nhân nợ 6.252 triệu đồng, tỷ trọng là 13,76%; các DN ĐTNN nợ 16 triệu đồng, tỷ trọng là 0,04%, ít nhất là các DNNN nợ 2 triệu đồng, tỷ trọng rất nhỏ, chỉ có 0,004%.

Năm 2020, tổng NT của CCT thành phố Chí Linh tăng lên, nguyên nhân tăng là do NT của các DNNN tăng thêm 6 triệu đồng so với năm 2019, tỷ trọng NT của nhóm đối tượng này là 0,02%; DN NQD có số NT lên tới 45.816 triệu đồng, tỷ trọng là 87,98%, tăng thêm so với năm trước 6.656 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 17,00%. NT của DN ĐTNN năm 2020 giảm đi 10 triệu đồng so với năm 2019, tỷ lệ giảm là 62,50% và nợ thuế của HKD, cá nhân giảm đi 6 triệu đồng, tỷ lệ giảm tương ứng là 0,10%.

Năm 2021, tỷ trọng NT cả DN NQD tiếp tục tăng lên con số 88,73% với mức tiền NT tương ứng là 56.242 triệu đồng; tỷ trọng lớn thứ hai là NT của các HKD, cá nhân với số tiền NT là 7.114 triệu đồng, tỷ trọng là 11,22% trong tổng NT của CCT. NT của các DN ĐTNN tăng thêm 14 triệu đồng so với năm 2020, tỷ trọng là 0,03%, chỉ duy nhất NT của DNNN giảm so với năm trước 2 triệu đồng, tỷ trọng là 0,01%.

Năm 2022, NT của các DN NQD giảm đi 19.520 triệu đồng so với năm 2021 nên tỷ trọng NT của nhóm đối tượng này tại CCT thành phố Chí Linh giảm còn 80,65%, đây là tỷ trọng thấp nhất trong 5 năm của giai đoạn nghiên cứu. DN ĐTNN trên địa bàn QL không phát sinh NT. DNNN tại CCT NT số tiền 12 triệu đồng, tỷ trọng chiếm 0,03% trong tổng NT toàn CCT. Đặc biệt năm 2022, NT của các HKD, cá nhân tăng mạnh thêm so với năm trước 1.684 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 23,67%, điều này dẫn tới tỷ trọng NT của HDK, cá nhân tăng lên mức 19,32%.

Năm 2023 vừa qua, tổng NT cả CCT thành phố Chí Linh là 64.444 triệu đồng, trong đó DN ĐTNN không NT, DNNN NT tăng thêm 246 triệu đồng so với năm 2022, tỷ trọng chiếm 0,40% trong tổng NT của CCT; nhiều nhất vẫn là NT của các DN NQD với tỷ trọng 85,87%; các HKD, cá nhân có STT nợ là 8.846 triệu đồng, tỷ trọng chiếm 13,73% trong tổng NT của CCT.

Có thể thấy, liên tiếp trong 5 năm qua, NT của các DN NQD luôn chiếm tỷ trọng trên 80% trong tổng NT của toàn CCT thành phố Chí Linh, NT của các HKD, cá nhân luôn chiếm hơn 11% trong tổng NT của CCT. Theo cách phân loại này sẽ giúp cho CBT nắm được tình hình NT của các đối tượng, lên kế hoạch tuyên truyền hỗ trợ NNT nhằm nâng cao ý thức tự giác kê khai, nộp thuế của DN NQD, HKD, cá nhân ngày càng được nâng cao; nắm bắt tình hình SXKD của các DN NQD, HKD gặp khó khăn, quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khách quan cho DN, HKD; giúp DN, HKD từng bước ổn định sản xuất và hoàn thành tốt nghĩa vụ với NSNN.

- Theo sắc thuế

Phân loại NT theo sắc thuế giúp cho CBT nắm được trong các khoản thuế phải thu nộp NSNN thì khoản thuế nào có tỷ trọng nợ đọng thuế nhiều nhất, khoản thuế nào có tỷ trọng nợ đọng ít hơn; từ đó có biện pháp QLT nói chung và QLNT nói riêng với từng sắc thuế cho phù hợp. Trong các khoản NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023 vừa qua, khoản thu khác có tỷ trọng nợ rất nhỏ, chưa tới 0,1%. Thuế tiêu thụ đặc biệt có tỷ trọng nợ cũng rất nhỏ trong tổng NT của CCT.

Qua bảng 2.9 cho thấy NT GTGT chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số NT của CCT. Thuế GTGT là sắc thuế gián thu, là thuế tính trên giá trị tăng thêm của dịch vụ, hàng hóa phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông tiêu dùng; dịch vụ, hàng hóa sử dụng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT; NNT GTGT là các tổ chức, cá nhân SXKD dịch vụ, hàng hóa chịu thuế GTGT. Nghĩa là tiền thuế GTGT được tính vào giá bán dịch vụ, hàng hóa mà người mua phải trả khi mua hàng; các tổ chức, cá nhân SXKD hàng hóa, dịch vụ chỉ đứng ra nộp thay cho người tiêu dùng sử dụng dịch vụ, hàng hóa. Tuy nhiên, các DN, cá nhân cung cấp dịch vụ, HH lại cố tình dây dụa, chây ỳ không nộp ngay số thuế GTGT vào NSNN mà chiếm dụng làm vốn KD hoặc sử dụng vào mục đích khác.

Bảng 2.9: Tình hình NT tại CCT thành phố Chí Linh theo sắc thuế giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	ST	TT%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Thuế GTGT	17.632	38,81	21.562	41,40	26.118	41,21	20.788	45,66	41.674	64,67	3.930	22,29	4.556	21,13	(5.330)	(20,41)	20.886	100,47
Thuế TNDN	1.766	3,89	2.342	4,50	3.726	5,88	1.750	3,84	2.738	4,25	576	32,62	1.384	59,09	(1.976)	(53,03)	988	56,46
Thuế TNCN	898	1,98	1.226	2,35	1.544	2,44	2.004	4,40	1.842	2,86	328	36,53	318	25,94	460	29,79	(162)	(8,08)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	112	0,25	14	0,03	62	0,10	50	0,11	12	0,02	(98)	(87,50)	48	342,86	(12)	(19,35)	(38)	(76,00)
Thuế tài nguyên	188	0,41	164	0,31	164	0,26	122	0,27	88	0,14	(24)	(12,77)	0	0,00	(42)	(25,61)	(34)	(27,87)
Thuế Môn bài	58	0,13	130	0,25	214	0,34	304	0,67	374	0,58	72	124,14	84	64,62	90	42,06	70	23,03
Phí, lệ phí	236	0,52	200	0,38	206	0,33	14	0,03	338	0,52	(36)	(15,25)	6	3,00	(192)	(93,20)	324	2.314,29
Tiền thuê mặt đất, nước biển	7.302	16,07	8.262	15,87	9.830	15,51	8.480	18,62	5.124	7,95	960	13,15	1.568	18,98	(1.350)	(13,73)	(3.356)	(39,58)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.942	6,48	1.364	2,62	422	0,67	70	0,15	150	0,23	(1.578)	(53,64)	(942)	(69,06)	(352)	(83,41)	80	114,29
Tiền phạt	680	1,50	804	1,54	1.236	1,95	760	1,67	1.868	2,90	124	18,24	432	53,73	(476)	(38,51)	1.108	145,79
Tiền chậm nộp	13.616	29,97	15.978	30,68	19.830	31,29	11.174	24,54	10.214	15,85	2.362	17,35	3.852	24,11	(8.656)	(43,65)	(960)	(8,59)
Thu khác	0	0,00	30	0,06	30	0,05	16	0,04	22	0,03	30	-	0	0,00	(14)	(46,67)	6	37,50
Tổng nợ	45.430	100,00	52.076	100,00	63.382	100,00	45.532	100,00	64.444	100,00	6.646	14,63	11.306	21,71	(17.850)	(28,16)	18.912	41,54

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Chính vì nguyên nhân này dẫn tới tỷ trọng NT thuế GTGT tại CCT thành phố Chí Linh không ngừng tăng lên. Năm 2019, NT thuế GTGT có tỷ trọng 38,81%; năm 2018 con số này tăng lên thành 41,40%; năm 2020 là 45,66% và năm 2023 tỷ trọng cao nhất đạt 64,67%.

Ngoài các khoản nợ thuế như thuế TNCN, thuế TNDN, thuế môn bài, thuế tài nguyên... thì tiền phạt, tiền chậm nộp cũng có tỷ lệ nợ tương đối cao. Nợ tiền chậm nộp năm 2019 có tỷ trọng lên tới 29,97% trong tổng số NT của toàn CCT thành phố Chí Linh. Năm 2020 tỷ trọng nợ đọng của tiền chậm nộp lên tới 30,68% và cao nhất là 31,29% trong năm 2021. Năm 2022 và 2023, tỷ trọng nợ của tiền chậm nộp giảm xuống còn 24,54% và 15,85%. Nguyên nhân là do các DN, HKD chây ỳ, dậm dề trong việc nộp tiền NT vào NSNN nên đi kèm với việc nợ đọng tiền NT gốc thì sẽ phát sinh tiền NT chậm nộp theo thời gian. Với suy nghĩ tiền nợ gốc mới phát sinh tiền chậm nộp, tiền nợ chậm nộp sẽ không bị tính chậm nộp một lần nữa nên hầu hết các DN, HKD chỉ tập trung nộp các khoản NT gốc mà xem nhẹ việc nộp NT chậm nộp.

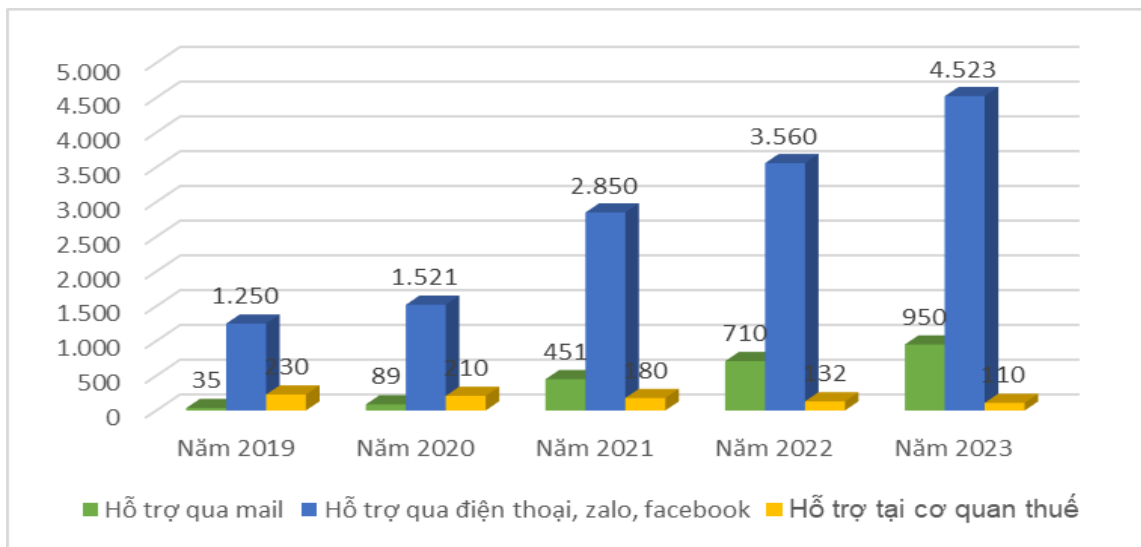
Nhìn chung, trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, các CBT QLNT tại CCT thành phố Chí Linh đã tiến hành phân loại chính xác các khoản NT từ đó đề ra những biện pháp áp dụng đòn đốc NT có hiệu quả. Rà soát, xác định chính xác số thuế nợ đọng của từng đối tượng NT, phân loại theo tình trạng NT và nguyên nhân nợ đọng từ đó áp dụng các biện pháp đòn đốc nợ. Chính từ việc thống kê, phân loại nợ, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến NT một cách cụ thể, hàng năm ngành thuế tỉnh Hải Dương nói chung và CCT thành phố Chí Linh nói riêng đã tìm ra các biện pháp phù hợp để hoàn thiện công tác QLNT trên địa bàn QL.

** TH đòn đốc thu nộp*

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT:

Xác định công tác thu nộp thuế nếu thực hiện tốt sẽ giảm được NT nên trong giai đoạn 2019-2023, CCT thành phố Chí Linh đã rất chú trọng đến công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT. CCT thành phố Chí Linh đã thực hiện các kế hoạch tuyên truyền tới các ĐTNT trên địa bàn QL như: Phổ biến luật và văn bản luật

thuế mới, hỗ trợ tại CQT, hỗ trợ qua điện thoại và đăng các bài trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Cùng với công tác tuyên truyền, hỗ trợ, CCT thành phố Chí Linh đã tích cực cải cách thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, giúp NNT tự giác thực hiện chính sách thuế. CCT cũng đã hỗ trợ DN sử dụng dịch vụ khi triển khai dịch vụ thuế điện tử eTax thay thế cho hệ thống khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử trước đây.



**Hình 2.9: Công tác hỗ trợ NNT tại CCT thành phố Chí Linh
giai đoạn 2019-2023**

+ Đăng bài trên phương tiện thông tin đại chúng: đây là hình thức tuyên truyền phổ biến bởi phạm vi phủ sóng của các phương tiện thông tin đại chúng rộng. Để tuyên truyền các văn bản pháp luật về thuế và liên quan đến thuế đến NNT, CCT đã phối hợp với Báo Hải Dương, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hải Dương thực hiện các nội dung tuyên truyền về thuế. CCT còn kết hợp tuyên truyền hỗ trợ NNT thông qua hệ thống phát thanh tại các thôn, xã trên địa bàn quản lý. Năm 2019, CCT đã có 12 tin bài về tuyên truyền thuế trên thông tin đại chúng. Năm 2020 con số này tăng lên thành 35 bài, năm 2021 tiếp tục tăng thêm 15 bài so với năm 2020, tỷ lệ tăng là 42,86%. Năm 2022, số lượng tin bài trên báo, truyền thanh, truyền hình của CCT thành phố Chí Linh là 75 bài và năm 2023 vừa qua là 96 bài, tăng 21 bài so với năm 2022, tỷ lệ tăng đạt 28,00%.

Bảng 2.10: Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
							+/ -	%	+/ -	%	+/ -	%	+/ -	%
Tin, bài trên báo, truyền thanh, truyền hình	Bài	12	35	50	75	96	23	191,67	15	42,86	25	50,00	21	28,00
Tin bài trên Website Thuế	Bài	5	8	12	11	12	3	60,00	4	50,00	(1)	(8,33)	1	9,09
Tờ rơi, tờ gấp	Tờ	1.800	1.140	850	500	350	(660)	(36,67)	(290)	(25,44)	(350)	(41,18)	(150)	(30,00)
Băng rôn, áp phích, pano	Biển	40	35	12	8	0	(5)	(12,50)	(23)	(65,71)	(4)	(33,33)	(8)	(100,00)
Hỗ trợ qua email	Lượt	35	89	451	710	950	54	154,29	362	406,74	259	57,43	240	33,80
Hỗ trợ qua điện thoại, Zalo, Facebook	Lượt	1.250	1.521	2.850	3.560	4.523	271	21,68	1.329	87,38	710	24,91	963	27,05
Hỗ trợ tại cơ quan thuế	Lượt	230	210	180	132	110	(20)	(8,70)	(30)	(14,29)	(48)	(26,67)	(22)	(16,67)

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

+ Đăng tin, bài trên website của Cục Thuế tỉnh: đây là trang thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh Hải Dương, là nơi đăng tải các thông tin của Cục, đồng thời cũng là một địa chỉ tin cậy với ĐTNNT trong việc tiếp cận với các thông tin chính thống liên qua đến lĩnh vực thuế. Trong giai đoạn 2019-2023, CCT thành phố Chí Linh đăng tin bài trên website của Cục thuế tỉnh liên tục tăng lên. Năm 2019, CCT có đăng 5 bài trên website của Cục thuế tỉnh Hải Dương, năm 2020 là 8 bài, năm 2021 là 12 bài, năm 2022 giảm còn 11 bài và năm 2023 là 12 bài.

+ Tuyên truyền qua phát hành tờ rơi, tờ gấp: đây là các ấn phẩm tuyên truyền, hướng dẫn về thuế cho NNT thông qua việc in ấn, phát hành các tờ rơi, tờ gấp. Nội dung trên các tờ rơi, tờ gấp được thiết kế ngắn gọn, dễ hiểu, sinh động. Trong giai đoạn 2019-2023, CCT thành phố Chí Linh đã phát hành 4.640 tờ rơi, tờ gấp. Trong đó, năm 2019 phát hành 1.800 tờ; năm 2020 phát hành 1.140. Số lượng tờ rơi, tờ gấp giảm dần và năm 2023 vừa qua chỉ còn 350 tờ. Nguyên nhân số tờ rơi, tờ gấp về tuyên truyền thuế giảm vì trong thời đại công nghệ 4.0, NNT thường tiếp xúc với các tin tức qua website, facebook, zalo..., giảm lượng tờ rơi, tờ gấp nhằm tiết kiệm chi phí bởi ít NNT quan tâm.

+ Tuyên truyền qua băng rôn, áp phích, pano: Trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế cho NNT, việc tuyên truyền chính sách thuế mới qua băng rôn, áp phích, pano giúp NNT nắm bắt được kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới, sửa đổi, bổ sung, từ đó giúp cho NNT kê khai thuế được chính xác, đúng biểu mẫu theo quy định. Tuy nhiên hiện nay với CNTT hiện đại, dịch vụ internet nhanh chóng nên hình thức tuyên truyền bằng băng rôn, áp phích, pano ngày một ít đi. Năm 2019, CCT thành phố Chí Linh có 40 biển tuyên truyền, năm 2020 là 35 biển, năm 2021 là 12 biển, năm 2022 là 8 biển và năm 2023 vừa qua CCT đã không còn dùng tới hình thức tuyên truyền bằng băng rôn, áp phích, pano nữa.

+ Hỗ trợ qua email: Hiện nay hầu hết 100% NNT đều được CQT hỗ trợ qua mail, đặc biệt là đối với các DN. Hình thức này nhanh chóng, tiện lợi, không tốn kém chi phí. Do đó mà số lượt hỗ trợ qua mail tại CCT thành phố Chí Linh đối với NNT ngày một tăng lên. Nếu như năm 2019, hỗ trợ qua email mới chỉ có 35 lượt

thì tới năm 2023 con số này đã lên tới 950 lượt, tăng 240 lượt so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 33,80%.

+ Hỗ trợ qua điện thoại, zalo, facebook: ngoài việc hỗ trợ qua email, CCT thành phố Chí Linh còn tiếp nhận các tư vấn hỗ trợ NNT qua điện thoại, zalo, facebook. CCT thành phố Chí Linh đã công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận và trả lời những vướng mắc liên quan đến việc thực hiện các chính sách thuế. Năm 2019, hỗ trợ qua điện thoại, zalo, facabook là 1.250 lượt, chỉ tiêu tăng dần qua các năm, tới năm 2023 vừa qua, số lượng hỗ trợ hình thức này là 4.523 lượt, tăng 963 lượt so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 27,05%.

+ Hỗ trợ tại CQT: đối tượng tới trực tiếp tại CQT ngày càng giảm vì CQT đã thực hiện rất tốt công tác phổ biến các luật và văn bản mới tới từng tổ chức nên các ĐTNNT đều nhận thấy tầm quan trọng của nộp thuế. Những trường hợp hỗ trợ tại CQT chủ yếu là các giám đốc và kế toán DN, các cá nhân tự quyết toán thuế TNCN. Mặt khác, các hình thức hỗ trợ qua điện thoại, zalo, facebook, email ngày một thông dụng, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí nên hình thức hỗ trợ tại CQT ngày một ít đi. Năm 2019, hỗ trợ tại CQT của CCT thành phố Chí Linh có 230 lượt, năm 2020 là 210 lượt, năm 2021 giảm còn 180 lượt, năm 2022 giảm tiếp thêm 48 lượt so với năm 2021, tỷ lệ giảm là 26,67% và năm 2023 chỉ còn 110 lượt hỗ trợ tại CQT, giảm 22 lượt so với năm trước, tỷ lệ giảm là 16,67%.

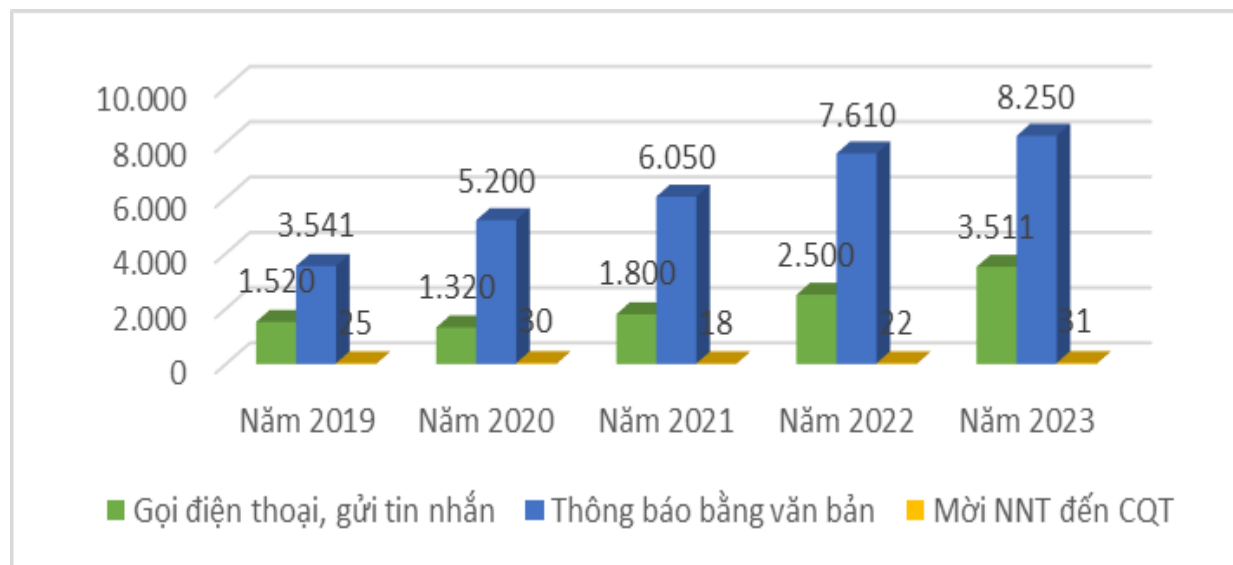
Bên cạnh các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ trên, CCT thành phố Chí Linh còn phối hợp với UBND các huyện, các tổ chức đoàn thể tại địa phương để tổ chức tuyên truyền tới từng cá nhân, HKD về những nội dung có liên quan đến chính sách thuế, QLT đối với các cá nhân, HKD.

- Công tác đơn đốc người NT

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT là biện pháp đầu tiên được thực hiện để nâng cao nhận thức của NNT về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với NN. Công tác đơn đốc người NT được thực hiện sau khi NNT không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với NN.

Bảng 2.11: Các biện pháp đơn đốc thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Lần*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Gọi điện thoại, gửi tin nhắn	1.520	1.320	1.800	2.500	3.511	(200)	(13,16)	480	36,36	700	38,89	1.011	40,44
Thông báo bằng văn bản	3.541	5.200	6.050	7.610	8.250	1.659	46,85	850	16,35	1.560	25,79	640	8,41
Mời người NT đến CQT	25	30	18	22	31	5	20,00	(12)	(40,00)	4	22,22	9	40,91

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)**Hình 2.10: Các biện pháp đơn đốc thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023**

Công tác đôn đốc người NT gồm: gọi điện thoại, gửi tin nhắn thông báo tiền NT và chậm nộp; ban hành các văn bản yêu cầu cung cấp thông tin QLN; mời người NT đến cơ quan thuế, đặc biệt còn tiến hành công khai DN chây ỳ, có số nợ tiền thuế lớn.

+ Gọi điện thoại, gửi tin nhắn: Để đôn đốc tình hình nộp thuế, hàng tháng CCT gọi điện thoại, gửi tin nhắn tới NNT thông báo số tiền NT và chậm nộp, đặc biệt đối với các DN cố tình chây ỳ, có số tiền NT lớn. Năm 2019, hình thức đôn đốc này được CCT thành phố Chí Linh TH 1.520 lần, năm 2020 CCT TH 1.320 lần, năm 2021 là 1.800 lần, năm 2022 là 2.500 lần và năm 2023 vừa qua là 3.511 lần.

+ Ban hành văn bản yêu cầu cung cấp thông tin QLN: khi cần thiết, CCT thành phố Chí Linh sẽ ban hành văn bản yêu cầu các chủ thể NT cung cấp các thông tin liên quan đến DN, HKD để CQT có các biện pháp QLN tốt hơn. Số lượng thông báo bằng văn bản tăng lên liên tục qua từng năm. Nếu như năm 2019 số lượng thông báo bằng văn bản chỉ có 3.541 lần thì năm 2023 con số này lên tới 8.250 lần, tăng thêm 640 lần so với năm 2022, tỷ lệ tăng tương ứng là 8,41%.

+ Mời người NT đến CQT: Những trường hợp được thông báo bằng văn bản, gọi điện thoại, gửi tin nhắn nhưng vẫn không nộp TTN sẽ được CCT mời tới CQT để giải quyết. Số lần mời tới CQT tùy thuộc vào số lượng DN, HKD chây ỳ, nợ đọng thuế. Vì vậy là số lần mời người NT tới CQT của CCT thành phố Chí Linh biến động tăng giảm không ổn định qua các năm. Năm 2021 là năm ít nhất với 18 lần, năm 2023 số lượng nhiều nhất trong giai đoạn nghiên cứu là 31 lần, tăng 9 lần so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 40,91%.

Mặc dù CCT thành phố Chí Linh đã thường xuyên áp dụng các biện pháp đôn đốc, nhắc nhở việc nợ đọng thuế của các DN, HKD trên địa bàn QL nhưng vẫn còn nhiều DN, HKD chây ỳ không nộp tiền NT theo thông báo hoặc nộp không đủ tiền NT, tiền phạt và tiền chậm nộp. Với các trường hợp cố tình chây ỳ, có số nợ lớn, CCT thành phố Chí Linh sẽ công khai các đối tượng NT này lên website của CQT và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Luật QLT.

Sau khi thực hiện các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, đôn đốc người NT mà người NT vẫn không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN thì CCT thành phố Chí Linh sẽ thực hiện các biện pháp CCNT theo quy trình, quy định. CCT thường xuyên đối chiếu, xác minh thông tin tài chính của NNT, xác minh tài khoản ngân hàng, đẩy mạnh công tác CCNT. Kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi NT đối với các đơn vị cố tình dây dưa, chây ỳ NT, nợ tiền thuế, tiền phạt sau thanh tra, kiểm tra. Biện pháp cưỡng chế thuế được áp dụng bao gồm: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng và Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, cưỡng chế qua bên thứ ba. Trong đó biện pháp được áp dụng chủ yếu vẫn là Trích tiền từ tài khoản của đối tượng nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

2.2.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo kết quả thu nợ thuế

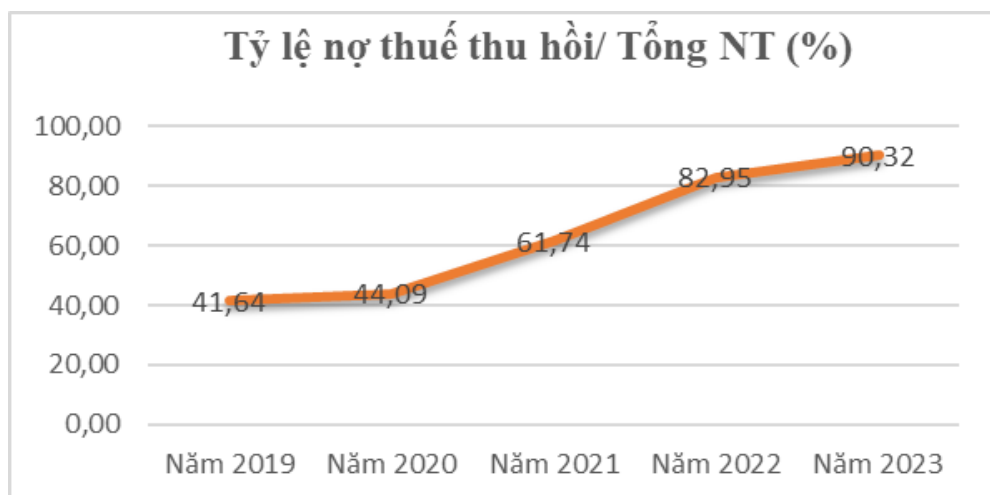
Trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, CCT thành phố Chí Linh đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc kê khai thuế, phát hiện kịp thời những trường hợp kê khai không trung thực, không sát với hoạt động SXKD. Đặc biệt, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu gian lận trong việc kê khai, khấu trừ thuế, hoàn thuế; các đơn vị kinh doanh lớn có dấu hiệu trốn thuế... CCT thành phố Chí Linh tăng cường công tác giám sát việc kê khai thuế của NNT để thu kịp thời các khoản thuế phát sinh, phòng tránh việc kê khai thấp, không sát với thực tế hoặc chuyển sang kỳ kê khai tiếp theo làm ảnh hưởng đến số thu nộp NSNN.

CCT thành phố Chí Linh chỉ đạo các bộ phận trong CQT phối hợp chặt chẽ với bộ phận QLN để giải quyết kịp thời các khoản nợ chờ xử lý, nợ đang khiếu nại, khiếu kiện nhằm giảm số tiền NT. Điều chỉnh kịp thời theo đúng quy trình QLN đối với các khoản nợ ảo để chuẩn hóa dữ liệu NT, xác định chính xác số liệu NT để có căn cứ thực hiện đôn đốc, công bố thông tin về tổ chức, đơn vị đang NT. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thu NT, CCT thành phố Chí Linh luôn bám sát tình hình thực tế của địa phương và đề ra các biện pháp kiểm tra giám sát tình

hình nộp thuế trên địa bàn, hạn chế việc kê khai sai, thiếu sót, giảm các đơn vị kinh doanh trốn thuế.

CCT thành phố Chí Linh TH nghiêm túc quy trình QLN và sự chỉ đạo của Tổng cục Thuế, Cục thuế tỉnh, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên sự biến động của các khoản NT, phân loại các đối tượng nợ, các khoản nợ theo tình trạng nợ để trên cơ sở đó có biện pháp quản lý phù hợp, đơn đốc thường xuyên bằng điện thoại đối với các đơn vị có các khoản NT có tuổi nợ dưới 30 ngày, gửi thông báo nợ cho các trường hợp có tuổi nợ trên 30 ngày, kèm theo thông báo tiền phạt nộp chậm tiền thuế theo đúng quy trình thu nợ và Luật QLN.

Hàng tháng dựa vào kết quả thu nợ được và kế hoạch đã lên từ tháng trước, Đội Kiểm tra thuế QLN và CCNT tổng hợp và báo cáo cho lãnh đạo CCT và gửi về Cục Thuế tỉnh. CCT tính tỷ lệ % thực hiện, từ đó đề ra kế hoạch thu nợ cho tháng sau. Tuy nhiên, trong công tác đánh giá kết quả TH thu nợ có gặp khó khăn do có nhiều DN, HKD vừa có nợ cũ lại vừa có phát sinh thuế trong tháng nên khi DN, HKD này nộp tiền thì việc phân vào là số thu nợ hay số thu phát sinh có những lúc bị lẫn lộn, một phần do trình độ CBT còn hạn chế trong việc phân tích số liệu dẫn đến chất lượng của báo cáo, đánh giá kết quả thấp.



**Hình 2.11: Tỷ lệ NT thu hồi/Tổng NT của CCT thành phố Chí Linh
giai đoạn 2019-2023**

Bảng 2.12: Kết quả thu nợ bằng biện pháp đôn đốc, cưỡng chế của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
1. Tổng thu NT áp dụng đôn đốc	15.700	19.057	33.263	33.237	51.804	3.357	21,38	14.206	74,54	(26)	(0,08)	18.567	55,86
Đôn đốc bằng điện thoại, email	10.873	13.125	23.272	23.257	36.168	2.252	20,71	10.147	77,31	(15)	(0,06)	12.911	55,51
Gửi thông báo thuế và tiền chậm nộp	4.827	5.932	9.991	9.980	15.636	1.105	22,89	4.059	68,43	(11)	(0,11)	5.656	56,67
2. Tổng tiền thu nợ áp dụng biện pháp cưỡng chế	3.216	3.904	5.870	4.533	6.403	688	21,39	1.966	50,36	(1.337)	(22,78)	1.870	41,25
Trích tiền từ tài khoản	2.630	3.181	4.802	3.705	5.237	551	20,95	1.621	50,96	(1.097)	(22,84)	1.532	41,35
Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng	586	723	1.068	828	1.166	137	23,38	345	47,72	(240)	(22,47)	338	40,82
3. Tổng số tiền NT thu được (1)+(2)	18.916	22.961	39.133	37.770	58.207	4.045	21,38	16.172	70,43	(1.363)	(3,48)	20.437	54,11
4. Tổng NT	45.430	52.078	63.382	45.532	64.444	6.648	14,63	11.304	21,71	(17.850)	(28,16)	18.912	41,54
5. Tỷ lệ NT thu hồi/Tổng NT (3)/(4) (%)	41,64	44,09	61,74	82,95	90,32	2,45	5,89	17,65	40,04	21,21	34,35	7,37	8,88

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)

Trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, theo báo cáo thống kê của CCT thành phố Chí Linh cho thấy tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT ngày một tăng lên. Năm 2019, tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT của CCT thành phố Chí Linh là 41,64%. Nguyên nhân kết quả thấp như này là do tổng NT là 45.430 triệu đồng nhưng NT thu hồi được chỉ có 18.916 triệu đồng, trong đó theo biện pháp đôn đốc thu hồi được 15.700 triệu đồng, còn theo biện pháp cưỡng chế thu hồi được 3.216 triệu đồng.

Năm 2020, tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT của CCT mặc dù có tăng lên nhưng con số vẫn ở mức rất thấp, chỉ đạt 44,09%; trong đó tổng thu NT áp dụng biện pháp đôn đốc là 19.057 triệu đồng, tăng thêm 3.357 triệu đồng so với năm 2019 (21,38%); tổng tiền thu nợ áp dụng biện pháp cưỡng chế là 3.904 triệu đồng, tăng 688 triệu đồng so với năm trước (21,39%).

Năm 2021, tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT tăng mạnh so với năm 2020, đạt mức 61,74%. Nguyên nhân tăng là do tốc độ tăng của NT nhỏ hơn tốc độ tăng của tổng tiền NT thu hồi được. Cụ thể là tổng NT năm 2021 tăng thêm 11.304 triệu đồng so với năm 2020, tỷ lệ tăng là 21,71%; trong khi đó tổng tiền NT thu được tăng thêm 16.172 triệu đồng, tỷ lệ tăng đạt mức 70,43%. Kết quả này cho thấy CCT trong năm 2021 đã thực hiện tốt các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế NT.

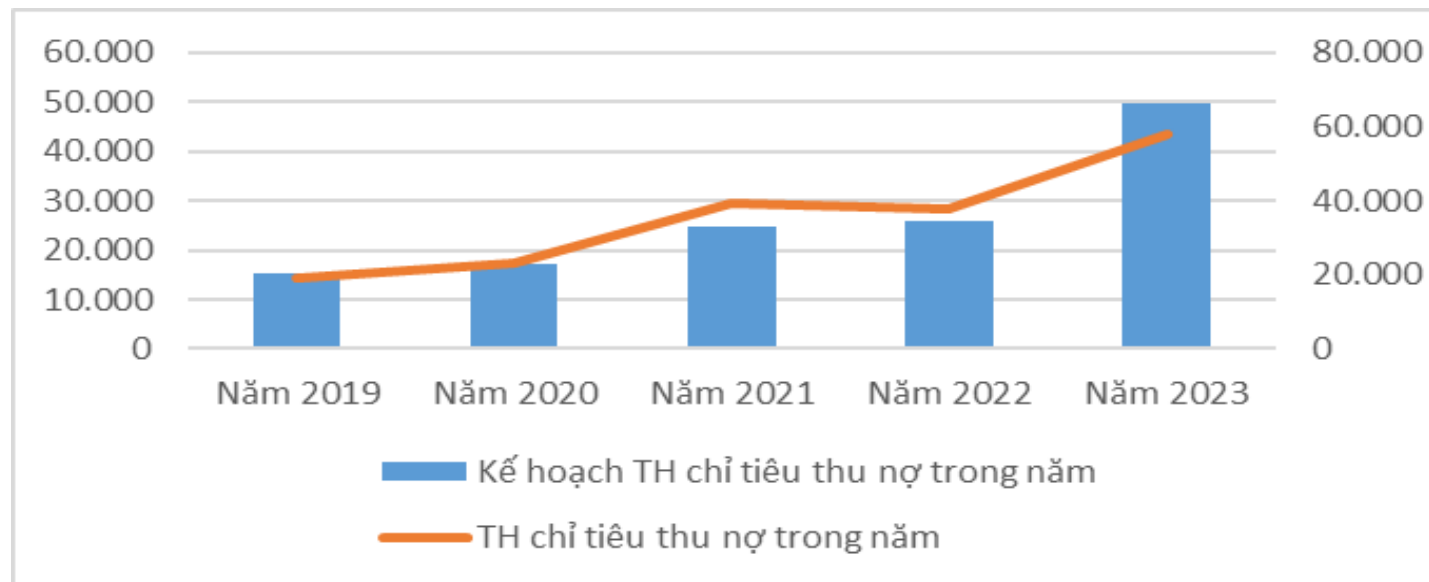
Năm 2022, tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT của CCT thành phố Chí Linh tiếp tục tăng lên con số 82,95%, tăng so với năm 2021 là 21,21%. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm 2022 tổng NT giảm mạnh, tốc độ giảm của NT lớn hơn nhiều lần so với tốc độ giảm của số tiền NT thu được.

Năm 2023 là năm tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT đạt mức rất cao 90,32%. Trong đó NT thu hồi được nhờ áp dụng các biện pháp đôn đốc lên tới 51.804 triệu đồng, tăng 18.567 triệu đồng so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 55,86%; NT thu hồi nhờ áp dụng biện pháp cưỡng chế là 6.403 triệu đồng, tăng thêm 1.870 triệu đồng so với năm 2022, tỷ lệ tăng là 41,25%.

Kết quả trên cho thấy trong giai đoạn 2019-2023, CCT thành phố Chí Linh ngày một làm tốt hơn công tác QLNN, thu hồi NT, tích cực trong công tác đôn đốc thu nợ và thực hiện các biện pháp CCNT.

Bảng 2.13: Kết quả TH kế hoạch thu NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2020/2019		2021/2020		2022/2021		2023/2022	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm	15.132	17.008	24.612	26.048	49.750	1.876	12,40	7.604	44,71	1.436	5,83	23.702	90,99
TH chỉ tiêu thu nợ trong năm	18.916	22.961	39.133	37.770	58.207	4.045	21,38	16.172	70,43	(1.363)	(3,48)	20.437	54,11
Tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT (%)	125,01	135,00	159,00	145,00	117,00	9,99	8,00	24,00	17,78	(14,00)	(8,80)	(28,00)	(19,31)

(Nguồn: CCT thành phố Chí Linh)**Hình 2.12: Tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT của CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023**

Kết quả TH kế hoạch thu tiền NT cho biết số tiền TH thu tiền NT so với kế hoạch thu tiền NT đã đề ra. Kết quả TH kế hoạch thu tiền NT tại CCT thành phố Chí Linh giai đoạn 2019-2023 được thể hiện ở bảng số liệu 2.13 cho thấy 5 năm qua CCT luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch thu NT đề ra. Cụ thể, năm 2019, kế hoạch TH chỉ tiêu thu nợ trong năm là 15.132 triệu đồng, thực tế CCT thu nợ được 18.916 triệu đồng, do đó tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT của CCT đạt mức 125,01%. Năm 2020, tỷ lệ TN/kế hoạch thu NT của CCT thành phố Chí Linh đạt mức 135,00%, nguyên nhân có được kết quả này là do kế hoạch đặt ra thu NT trong năm là 17.008 triệu đồng, thực tế thu nợ trong năm lên tới 22.961 triệu đồng. Năm 2021 là năm tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT của CCT thành phố Chí Linh cao nhất trong 5 năm nghiên cứu. Kế hoạch đặt ra cho năm 2021 là thu NT số tiền 24.612 triệu đồng, trong thực tế CCT thu được số tiền NT lên tới 39.133 triệu đồng. Năm 2022, tỷ lệ TH/kế hoạch thu NT giảm còn 145,00% và năm 2023 tỷ lệ này còn 117,00%. Kết quả này kết hợp cùng với kết quả trong bảng 2.12 cho thấy CCT ngày càng đặt ra kế hoạch sát thực tế hơn, tỷ lệ thu NT ngày một tăng cao, CCT thực hiện QLN và đôn đốc, CCNT ngày một hiệu quả. Có được kết quả này là do các kiến nghị, vướng mắc của DN, HKD luôn được CCT thành phố Chí Linh nhanh chóng tiếp thu, giải quyết hoặc kiến nghị cấp trên tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khách quan cho DN, HKD, giúp DN, HKD từng bước ổn định sản xuất và hoàn thành tốt nghĩa vụ với NSNN. Hàng năm, CCT thành phố Chí Linh còn tổ chức hội nghị thường niên nhằm tuyên dương kịp thời các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong việc thực hiện tốt chính sách thuế.

2.3. Đánh giá chung về quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023

2.3.1. Kết quả đạt được

Một là, công tác lập kế hoạch thu tiền NT đã được căn cứ thông qua việc rà soát hiện trạng NT của các DN, HKD trên địa bàn QL, đồng thời dự kiến các khoản nợ phát sinh và tập trung phân tích tình hình NT của các đơn vị có số tiền NT lớn; căn cứ tiền NT năm trước và tiền NT tại thời điểm lập chỉ tiêu thu tiền

thuế ngày 31/12 hàng năm. Đồng thời căn cứ vào kết quả giao thu tiền NT của Cục Thuế tỉnh Hải Dương, CCT thành phố Chí Linh đã xây dựng kế hoạch thu tiền NT cho từng năm.

Hai là, công tác phân loại NT được CCT thành phố Chí Linh thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định, phân chia NT thành các tiêu chí khác nhau như đối tượng NT, sắc thuế, tính chất NT, đó là cơ sở để có các biện pháp đơn đốc phù hợp, cưỡng chế thu NT kịp thời, hiệu quả.

Ba là, CCT thành phố Chí Linh đã triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuế, hỗ trợ NNT có trọng tâm, trọng điểm, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT gồm: đăng tin, bài trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tin, bài trên website của Cục Thuế tỉnh; tuyên truyền qua phát hành tờ rơi, tờ gấp; gửi thông tin qua email; hỗ trợ tại CQT; hỗ trợ qua điện thoại.

Bốn là, đối với các trường hợp đã thực hiện đơn đốc nhưng vẫn chây ì, không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, CCT thành phố Chí Linh đã tiến hành CCNT theo đúng quy trình quy định, ban hành các văn bản yêu cầu cung cấp thông tin QLN, trích tiền từ tài khoản, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

Năm là, CCT thành phố Chí Linh đã tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên sự biến động của các khoản NT, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện CCNT, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng các đối tượng trốn thuế, chây ì NT.

Nhờ thực hiện tốt công tác QLNT nên trong giai đoạn 2019-2023, CCT luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch thu NT đặt ra, nợ khó thu tỷ trọng ngày một giảm, nợ có khả năng thu tỷ trọng ngày một tăng; Tỷ lệ NT thu hồi/tổng NT ngày một tăng cao. Tỷ lệ NT/số thuế ghi thu của CCT ngày một giảm.

2.3.2. Hạn chế tồn tại và nguyên nhân

*** Hạn chế tồn tại**

Một là, chất lượng giám sát việc kê khai nộp thuế ở một số DN chưa đảm bảo về chất lượng, hiệu quả. Một số trường hợp NT, chây ì thuế chưa có biện

pháp cương quyết. Tình trạng DN vi phạm pháp luật về thuế vẫn còn như: sử dụng, mua bán hóa đơn bất hợp pháp để được khấu trừ thuế, hợp thức chi phí, trốn thuế, khai thiếu thuế vẫn còn xảy ra.

Hai là, công tác tuyên truyền, hỗ trợ, đôn đốc người NT vẫn còn một số hạn chế, chưa kịp thời, đôi khi còn bị động. Công tác đối thoại doanh nghiệp có lúc còn chưa sâu rộng.

Ba là, các biện pháp CCNT áp dụng chưa linh hoạt chủ yếu mới áp dụng tốt biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng và công bố hóa đơn không có giá trị sử dụng. Một số biện pháp cưỡng chế khác thực hiện cưỡng chế không thành công hoặc thành công ít. Không thực hiện được những biện pháp CCNT mạnh như kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản; thu hồi giấy chứng nhận kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề...

Bốn là, công tác báo cáo về số liệu NT từ CQT cấp dưới lên cấp trên tuy được duy trì liên tục nhưng đôi khi số liệu chưa chính xác, vẫn còn hiện tượng nợ ảo hoặc NNT đã nộp tiền vào NSNN nhưng vẫn theo dõi, thống kê trong danh sách NT. Thực tế cho thấy, công tác QLNT mới chỉ dừng lại ở việc thống kê, phân loại nợ, theo dõi tuổi nợ, chưa có sự phân tích, đánh giá... cho nên hiệu quả QLNT của đơn vị chưa cao. Thời gian lập, gửi báo cáo kết quả thu NT nhiều khi vẫn còn chậm thời gian so với quy định.

Năm là, CBT phụ trách QLN thiếu về số lượng, một số ít CBT chưa tích cực, chủ động làm cho chất lượng công tác QLN chưa cao. Sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong QLNT, có lúc vẫn chưa chặt chẽ, thiếu hiệu quả.

** Nguyên nhân hạn chế*

- Về phía NNT

+ Ý thức tuân thủ pháp luật của một số DN, HKD chưa cao. Một số bộ phận NNT đã lợi dụng chính sách thông thoáng của NN về thành lập DN; lợi dụng cơ chế tự khai, tự nộp và chính sách tạo thuận lợi cho các DN tự in hóa đơn để gian lận, chiếm đoạt tiền thuế. Một số DN chây ỳ, không nộp thuế đúng hạn, để nợ thuế kéo dài, khoản tiền phạt chậm nộp tăng lên. Còn có trường hợp kinh doanh

thua lỗ đã tự giải thể, phá sản, bỏ khỏi địa chỉ SXKD, còn NT làm cho tiền NT tăng lên.

+ Số lượng NNT tăng nhanh, nhưng số lượng DN vừa và nhỏ, HKD vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Tuy có tăng nhanh về số lượng, nhưng các DN có vốn đầu tư “mỏng”; năng lực, trình độ, kỹ năng, công nghệ quản lý, quản trị chưa chuyên nghiệp. Việc ứng dụng CNTT chủ yếu tập trung ở các DN lớn. Các DN vừa và nhỏ và HKD chưa ứng dụng nhiều CNTT vào việc quản trị nội bộ và việc kê khai, tính và nộp thuế. Không ít DN chưa có nhiều kinh nghiệm trong SXKD, lựa chọn ngành nghề dẫn đến chưa phù hợp với nhu cầu thị trường, phát sinh nợ thuế mới. Một số NNT tham gia SXKD do nguồn vốn ít chủ yếu là vốn vay ngân hàng, khi tình hình kinh tế khó khăn, kinh doanh thua lỗ, mất khả năng thanh toán, chấm dứt hoạt động kinh doanh, tự giải thể, phá sản, bỏ khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh, không làm thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của Luật DN, Luật Phá sản, CQT đã cưỡng chế đến biện pháp cuối cùng là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng vẫn không thu hồi được NT.

+ Bên cạnh những DN có khó khăn thực sự trong hoạt động SXKD hay vướng mắc trong chính sách vẫn còn có những DN ý thức tuân thủ về thực hiện nghĩa vụ NSNN chưa cao, chây ỳ nợ tiền thuế mặc dù CQT đã thường xuyên đôn đốc cũng như thực hiện các biện pháp cưỡng chế. Hiện nay mức phạt chậm nộp của CQT là 0,03%/ngày/số tiền chậm nộp thuế. So với lãi suất ngân hàng thì mức phạt này thấp hơn. Do vậy, khi tình hình tài chính của DN gặp khó khăn, để xem xét nên nộp thuế trước hay trả nợ ngân hàng trước thì hầu như DN đều chọn cách xử lý nợ cho ngân hàng bởi nếu chậm nộp NT cho CQT thì sẽ bị phát sinh phạt chậm nộp và tiền chậm nộp. Tuy nhiên, nếu chậm trả nợ cho ngân hàng thì DN sẽ gặp khó khăn hơn nhiều như: cưỡng chế tài sản, liệt vào danh sách “nợ xấu” dẫn tới khó có thể tiếp tục vay vốn ngân hàng.

- Về cơ chế, chính sách

+ Nhiều văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính vẫn chưa thống nhất, dẫn đến cách hiểu khác nhau giữa CQT và DN. Đơn cử như trong quá trình thực hiện xác

định trị giá đối với hàng xuất khẩu còn có nhiều cách hiểu khác nhau nên Bộ Tài chính đã ban hành tới hai công văn hướng dẫn việc xác định trị giá hải quan thực hiện theo Luật Hải quan để các DN, cơ quan Hải quan, CQT thống nhất cách hiểu, cách thực hiện. Do cách hiểu khác nhau nên một số DN không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của CQT.

+ Hệ thống pháp luật về Thuế và QLT chưa hoàn thiện, nhiều khoản nợ hiện nay các DN đã bỏ kinh doanh, không còn đối tượng để thu nhưng không đủ điều kiện để xóa nợ.

- Về phía cơ quan thuế

+ Số lượng cán bộ thực hiện công tác QLNT còn thiếu. Một số cán bộ thực hiện công tác QLNT còn chưa tích cực bồi dưỡng chuyên môn, còn tình trạng nể nang, quen biết nên xử lý các trường hợp nợ đọng tiền thuế chưa thực sự kiên quyết.

+ CQT gặp khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết 94/2019 của Quốc hội là trong công tác lập, thẩm định hồ sơ; trình tự thủ tục xử lý nợ và đánh giá tình hình nợ đọng thuế theo luật thuế, như: Hồ sơ của một số NNT (Công ty TNHH một thành viên, DN tư nhân, HKD) không đầy đủ thông tin. Do công tác lưu trữ hồ sơ qua nhiều năm, chuyển đổi qua nhiều giai đoạn, nhiều bộ phận quản lý, nhiều hồ sơ bị thất lạc nên gặp khó khăn trong việc bổ sung hồ sơ, nhiều hồ sơ chỉ có bản phô tô... Dữ liệu lưu trên hệ thống ứng dụng của CQT những năm trước đây không đầy đủ thông tin như: Tên người đại diện, số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, địa chỉ đăng ký kinh doanh... nên công tác rà soát, bổ sung hồ sơ gặp nhiều khó khăn.

+ Việc ứng dụng CNTT trong QLNT chưa thực sự hiệu quả. Phần mềm QLT nói chung và QLNT và CCNT nói riêng đã từng bước được nâng cấp nhưng có những giai đoạn không đáp ứng tốt đòi hỏi thực tiễn và cho đến hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, chưa giúp cho công tác thống kê, phân loại NT, phân loại đối tượng nợ nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

+ Một số cơ quan, đơn vị phối hợp chưa tốt và chưa cung cấp thông tin đối với CQT khi nhận được Quyết định cưỡng chế của Cục Thuế.

2.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh giai đoạn 2019 - 2023

2.4.1. Nguyên nhân chủ quan

- Hạn chế trong công tác phân loại và theo dõi nợ:

+ Việc phân loại nợ chưa chính xác, chậm cập nhật tình trạng hoạt động của người nộp thuế dẫn đến khó kiểm soát và khoanh vùng nợ hiệu quả.

+ Hệ thống cảnh báo sớm nợ xấu chưa phát huy hiệu quả; cán bộ thuế thường xử lý khi đã phát sinh nợ quá hạn lớn.

- Nguồn nhân lực và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu:

+ Cán bộ quản lý nợ thiếu chuyên sâu, công việc kiêm nhiệm nhiều dẫn đến hiệu quả chưa cao.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nợ thuế còn hạn chế, chưa tận dụng tối đa cơ sở dữ liệu điện tử liên thông.

- Công tác cưỡng chế nợ thuế chưa kiên quyết:

+ Một số biện pháp cưỡng chế như trích tiền từ tài khoản, thu hồi giấy phép, hóa đơn... triển khai chưa đồng bộ và kém hiệu lực.

+ Thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa Chi cục Thuế với các cơ quan liên quan như ngân hàng, kho bạc, cơ quan đăng ký kinh doanh.

2.4.2. Nguyên nhân khách quan

- Tác động từ tình hình kinh tế - xã hội:

+ Đại dịch COVID-19 (2020–2022) đã khiến nhiều DN, HKD tại Chí Linh gặp khó khăn, ngừng hoạt động hoặc giải thể, làm gia tăng nợ thuế.

+ Biến động giá cả, nguyên vật liệu, chi phí vận hành tăng khiến một bộ phận doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nghĩa vụ thuế đúng hạn.

- Nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật thuế còn hạn chế:

+ Một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh cố tình chây ỳ, trì hoãn nộp thuế dù vẫn còn năng lực tài chính.

+ Có tình trạng trốn tránh nghĩa vụ thuế thông qua thay đổi địa điểm kinh doanh, giải thể giả tạo, gây khó khăn cho công tác quản lý nợ.

- Hành lang pháp lý và quy định còn bất cập:

+ Một số quy định liên quan đến xử lý nợ đọng, xóa nợ, khoan nợ chưa thực sự rõ ràng hoặc mất nhiều thời gian trong quy trình xét duyệt.

+ Chưa có cơ chế đồng bộ chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế với các tổ chức tín dụng, kho bạc, chính quyền địa phương cấp xã/phường trong việc xác minh tài sản hoặc truy thu nợ.

Kết luận chương 2

Trong chương 2 tác giả đã nêu lên những đặc điểm khái quát về tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Chí Linh có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Mặt khác chương 2 cũng nêu rõ chức năng, nhiệm vụ và khái quát cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý thuế và quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Phân tích, nhận xét, đánh giá về thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Công tác quản lý nợ thuế trong những năm qua, tiến hành phân loại nợ thuế và thực hiện các biện pháp để đôn đốc thu nợ thuế.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý nợ thuế trên địa bàn thành phố Chí Linh, từ đó tác giả sẽ đưa ra những định hướng, mục tiêu và giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh trong chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CHÍ LINH

3.1. Quan điểm, định hướng hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

3.1.1. Quan điểm hoàn thiện quản lý nợ thuế

- Quản lý nợ thuế phải đảm bảo bao quát từng lĩnh vực SXKD và theo từng khoản NT.

Mô hình QLT phải bao quát được đầy đủ ĐTNT, đối tượng chịu thuế trên địa bàn để có thể đảm bảo công tác QLNT được thực hiện kịp thời khi có số NT phát sinh của các chủ thể kinh tế. QLNT đối với khu vực DN và khu vực HKD cần phân định rõ với những biện pháp phù hợp. Bên cạnh đó, công tác QLNT cần đảm bảo quản lý được theo từng khoản NT. Trong những trường hợp khó khăn khách quan bất khả kháng như thiên tai, dịch họa mà DN không có khả năng nộp kịp thời thì cần xem xét để gia hạn nợ và đề xuất những lộ trình trả nợ phù hợp với DN NT. Đối với các khoản nợ đang khiếu nại, chưa đồng tình với mức nộp, cần phải xem xét giải quyết khiếu nại cho ĐTNT kịp thời và sau khi giải quyết khiếu nại thì tổ chức đôn đốc thu vào NSNN.

- Hoàn thiện công tác QLNT theo hướng thực hiện nghiêm minh quy định pháp luật gắn với tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển SXKD.

Mục tiêu của QLT là đảm bảo nguồn thu cho NSNN gắn với tạo điều kiện thúc đẩy phát triển KTXH. QLNT là những chức năng của QLT. Vì thế, hiển nhiên việc hoàn thiện công tác QLNT cũng phải hướng đến thực hiện mục tiêu này. Thêm vào đó, việc tạo điều kiện thuận lợi cho SXKD phát triển cũng là tạo nền tảng kinh tế để NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình cũng như tạo nền tảng để tăng thu cho NSNN trong dài hạn. Vì lẽ đó, thực hiện pháp luật nói chung và quy định pháp luật về QLNT nói riêng cần nghiêm minh để đảm bảo nguyên tắc thượng tôn pháp luật nhưng vẫn phải hoàn thiện quy định pháp luật về QLNT

và tổ chức thực hiện QLNT theo phương châm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển SXKD. Quá trình tổ chức thực hiện QLNT cần xem xét đầy đủ các điều kiện khách quan, khả năng khắc phục khó khăn để tiếp tục tổ chức SXKD của những đối tượng NT để có biện pháp thu NT phù hợp.

- Công tác QLNT cần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả.

Hiện đại hóa là định hướng chung của quá trình cải cách nền hành chính NN trong đó có QLT. Đồng thời, mọi hiệu quả quản lý NN trong đó có QLT phải hướng đến hiệu lực và hiệu quả. Chuyên nghiệp cũng là yêu cầu của mọi hoạt động quản lý. Hoàn thiện công tác QLNT theo hướng chuyên nghiệp sẽ đảm bảo mọi công việc được xử lý đúng chức trách, đúng thẩm quyền, đúng yêu cầu... Đồng thời, thực hiện triển khai hệ thống Thuế điện tử, áp dụng tra cứu thông tin về nghĩa vụ thuế của NNT, số tiền NT, số tiền NT quá thời hạn... qua hệ thống Kho cơ sở dữ liệu, thay vì phải tra cứu trực tiếp từ hệ thống QLT tập trung (TMS). Thông qua hệ thống dữ liệu và báo cáo được tập trung, tổng hợp, người sử dụng có thể nắm bắt thông tin về tình hình QLT của từng CQT trên phạm vi toàn quốc qua nhiều thời kỳ. Qua đó, người sử dụng có cơ sở để báo cáo, trao đổi thông tin với CQT cấp về đối tượng NT hoặc hỗ trợ, phối hợp ra quyết định CCNT và thực hiện CCNT... Quan điểm này đòi hỏi phải phân đầu ứng dụng các phần mềm CNTT hiện đại vào công tác QLNT đảm bảo các khoản NT được phân loại, theo dõi đầy đủ, chính xác và xử lý kịp thời theo tính chất của từng khoản NT; áp dụng hiệu quả các biện pháp, các kỹ năng trong CCNT.

3.1.2. Định hướng quản lý nợ thuế

- Phân đầu hạn chế thấp nhất số nợ mới phát sinh, giảm số nợ cũ. Xử lý nợ đọng thuế, phân đầu tỷ lệ tổng NT đến 31/12/năm so với số TH không quá 5%. Phân đầu giảm số thuế nợ của tháng sau thấp hơn tháng trước.

- Bên cạnh mục tiêu thu hồi nợ còn phải đảm bảo nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của người dân. Triển khai thực hiện đúng Luật QLT, các Luật thuế, quy trình quản lý của ngành Thuế.

- Thực hiện các biện pháp xử lý NT: miễn, giảm, xoá nợ, nộp dần tiền thuế theo quy định của Luật QLT. Thực hiện tốt chương trình phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường kỷ cương - kỷ luật, đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, bố trí đủ nguồn lực, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

- Tập trung nhân lực thực hiện tốt công tác QLNT trên địa bàn thành phố Chí Linh ở tất cả các nội dung: lập kế hoạch QLNT; công tác triển khai thu NT; công tác giám sát, báo cáo kết quả thu NT.

- Thu tối thiểu 80% các khoản nợ thuế đến 90 ngày và trên 90 ngày tại thời điểm 31/12 năm trước; Thực hiện chỉ tiêu thu nợ có khả năng thu đạt tối thiểu 90% so với kế hoạch đề ra; Chỉ tiêu số tiền NT tại thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 5% tổng số thu NSNN trong năm.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đối chiếu để xác định chính xác số đơn vị đang hoạt động, ngừng, nghỉ kinh doanh, bỏ trốn, mất tích để phản ánh đúng trạng thái mã số thuế trong phần mềm QLT. Tăng cường kiểm tra tổ chức, cá nhân không đăng ký kinh doanh nhưng thực tế có kinh doanh để đưa vào diện QLT.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiến trình cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của toàn ngành đã đề ra, phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu trong tiến trình hiện đại hóa ngành thuế.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan pháp luật đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa và chống các hành vi tội phạm trong lĩnh vực thuế, đặc biệt là các hành vi sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế của NN.

- Tổ chức xây dựng chương trình kế hoạch ngay từ đầu năm, sắp xếp, sớm bổ sung nguồn nhân lực cho công tác lập kế hoạch, thanh tra, kiểm tra các khoản NT tính tới 31/12 hàng năm để đánh giá lại tình hình NT thực tế trên địa bàn, đặc biệt chú trọng tới các khoản NT khó thu để đưa ra phương hướng giải quyết trong năm tài chính.

- Triển khai giao nhiệm vụ cụ thể đến từng đội, bộ phận để đảm bảo các CBT nhận thức rõ nhiệm vụ của mình trong năm, bám sát địa bàn được giao, báo cáo tình hình chi tiết từng ĐTNT theo tháng, quý và năm. Đối với các đối tượng NT lớn, CCT cần giao nhiệm vụ cho các CBT có kinh nghiệm và nắm rõ tình hình SXKD của DN, HKD, hạn chế phân công thu nợ lớn và khó thu cho các CBT ít kinh nghiệm.

- Xây dựng lộ trình triển khai TH, tổ chức triển khai giao việc và kiểm soát công việc của từng đội, bộ phận thông qua kết quả hàng tháng, quý để làm cơ sở xét thi đua, phân đấu hoàn thành nhiệm vụ.

- Lập chỉ tiêu thu NT sát thực tế để có kế hoạch triển khai phù hợp, tránh chỉ tiêu quá lớn hoặc quá nhỏ, chênh lệch thực tế quá nhiều.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh

3.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý nợ thuế

a) Mục tiêu của giải pháp

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ thuế:
 - + Tăng khả năng giám sát, phân loại, theo dõi và xử lý nợ thuế kịp thời và chính xác.
 - + Giảm thiểu tình trạng nợ đọng thuế kéo dài và khó thu hồi, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Chí Linh.
- Tăng cường năng lực chuyên môn và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thuế:
 - + Xây dựng một bộ máy quản lý nợ thuế có cơ cấu tổ chức hợp lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đảm bảo chuyên môn hóa và hiệu quả công việc.
 - + Nâng cao trình độ nghiệp vụ, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm của cán bộ trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ thuế.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa trong quản lý nợ:
 - + Triển khai các giải pháp kỹ thuật và công nghệ để tự động hóa quá trình theo dõi, cảnh báo, phân tích và xử lý nợ thuế.
 - + Tạo nền tảng cho việc xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông, minh bạch và thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định hiệu quả hơn.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận và với các cơ quan liên quan:

- + Thiết lập quy trình phối hợp nội bộ giữa các bộ phận kiểm tra, thanh tra, kê khai, kế toán thuế và quản lý nợ một cách hiệu quả.

- + Tăng cường hợp tác với ngân hàng, kho bạc, tòa án, cơ quan công an, và chính quyền địa phương trong công tác xác minh, cưỡng chế và thu hồi nợ thuế.

- Hướng đến xây dựng nền hành chính thuế hiện đại, chuyên nghiệp:

Góp phần cụ thể hóa mục tiêu tổng thể của ngành thuế là xây dựng một nền quản lý thuế hiện đại, công khai, minh bạch và thân thiện, phục vụ người nộp thuế và bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

b) Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

- Rà soát, phân loại và xử lý triệt để các khoản nợ thuế:

- + Thực hiện rà soát toàn bộ các khoản nợ thuế đang tồn đọng, phân loại theo thời gian, đối tượng nợ, khả năng thu hồi và nguyên nhân nợ.

- + Lập danh sách các doanh nghiệp nợ thuế lớn, có khả năng thu hồi cao để ưu tiên xử lý; đồng thời, đối với nợ khó thu cần có biện pháp cưỡng chế hoặc đề xuất xóa nợ theo quy định nếu đủ điều kiện.

- + Cập nhật thường xuyên dữ liệu nợ thuế trên hệ thống quản lý TMS để bảo đảm minh bạch, kịp thời và chính xác trong điều hành.

- Củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý nợ thuế:

- + Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phụ trách quản lý nợ theo hướng chuyên sâu, rõ ràng về nhiệm vụ và trách nhiệm.

- + Bố trí cán bộ có chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong việc theo dõi, đôn đốc và xử lý nợ thuế.

- + Phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực (theo ngành nghề, địa bàn, loại hình doanh nghiệp) để đảm bảo quản lý sát sao, hiệu quả.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin:

- + Sử dụng các phần mềm quản lý nợ thuế như TMS, eTax, kết nối dữ liệu với Kho bạc, ngân hàng và các cơ quan liên quan để hỗ trợ truy xuất thông tin nhanh chóng.

- + Phát triển công cụ phân tích dữ liệu (data analytics) để phát hiện rủi ro nợ thuế, dự báo xu hướng và đưa ra cảnh báo sớm cho cán bộ quản lý.
- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và kiểm tra:
 - + Chủ động phối hợp với UBND cấp xã/phường, Công an kinh tế, Sở KH&ĐT để xác minh thông tin DN bỏ trốn, mất tích hoặc ngừng hoạt động.
 - + Thường xuyên tổ chức kiểm tra nội bộ, thanh tra các trường hợp nợ thuế kéo dài, xác minh nguyên nhân và truy trách nhiệm rõ ràng.
 - + Tăng cường cưỡng chế thuế theo quy định như phong tỏa tài khoản, hóa đơn, cưỡng chế tài sản khi đủ điều kiện pháp lý.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế:
 - + Tổ chức hội nghị đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có nợ thuế, để lắng nghe và tháo gỡ khó khăn.
 - + Triển khai các chiến dịch truyền thông, phổ biến quy định pháp luật mới về quản lý nợ, quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế.
 - + Khuyến khích người nộp thuế chủ động kê khai, nộp thuế đúng hạn, tạo lập văn hóa tuân thủ thuế trong cộng đồng doanh nghiệp.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ cơ quan quản lý cấp trên:
- + Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cần có định hướng cụ thể và kịp thời, hỗ trợ về cơ chế, chính sách cũng như phân bổ nguồn lực phù hợp để thực hiện các giải pháp cải tiến.
- + Tạo hành lang pháp lý đồng bộ để tăng tính chủ động cho Chi cục Thuế trong công tác tổ chức bộ máy và vận hành hệ thống quản lý nợ.
- Nguồn nhân lực đủ về số lượng, vững về chuyên môn:
 - + Bảo đảm tuyển dụng, đào tạo và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý nợ thuế, đặc biệt là những cán bộ có năng lực ứng dụng CNTT và hiểu biết sâu về pháp luật thuế.
 - + Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng phân tích nợ thuế, xử lý nợ kéo dài, cưỡng chế thuế và ứng xử với người nộp thuế.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin:

+ Hệ thống phần mềm quản lý thuế (ETAX, TMS...) cần được nâng cấp đồng bộ, liên thông dữ liệu giữa các phòng ban và với các cơ quan liên quan.

+ Trang bị đầy đủ thiết bị máy móc, mạng internet ổn định và hạ tầng bảo mật thông tin để bảo đảm an toàn dữ liệu và vận hành trơn tru các công cụ quản lý.

- Hợp tác và phối hợp liên ngành hiệu quả:

+ Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa Chi cục Thuế với Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, Cơ quan đăng ký kinh doanh, Công an kinh tế, UBND các phường/xã nhằm nâng cao hiệu quả cưỡng chế nợ thuế và xác minh thông tin doanh nghiệp.

+ Thúc đẩy sự đồng thuận và trách nhiệm trong xử lý các khoản nợ thuế khó đòi, nợ ảo, nợ kéo dài.

- Nâng cao nhận thức và sự hợp tác của người nộp thuế:

+ Tăng cường tuyên truyền, đối thoại để người nộp thuế hiểu rõ nghĩa vụ nộp thuế, hạn chế tình trạng cố tình chây ỳ, trốn thuế.

+ Áp dụng các biện pháp mềm dẻo đi đôi với chế tài cứng rắn, nhằm khuyến khích người nộp thuế hợp tác trong việc xử lý và thanh toán các khoản nợ.

- Kinh phí thực hiện và nguồn ngân sách đảm bảo:

+ Đảm bảo có đủ nguồn tài chính để đầu tư cho công nghệ, đào tạo cán bộ và tổ chức các hoạt động cưỡng chế, kiểm tra, giám sát nợ thuế.

+ Cần có kế hoạch ngân sách rõ ràng, minh bạch và có thể điều chỉnh linh hoạt trong quá trình thực hiện.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

a) Mục tiêu của giải pháp

- Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật thuế:

+ Giúp người nộp thuế (NNT) nắm bắt kịp thời, chính xác các quy định pháp luật về thuế, chính sách mới, thủ tục hành chính thuế.

+ Giảm thiểu tình trạng vi phạm do thiếu thông tin hoặc hiểu sai quy định.

- Tăng cường tính tự giác và tuân thủ pháp luật của người nộp thuế:

- + Khuyến khích NNT thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ, đúng hạn, đúng quy định.
- + Hạn chế tình trạng trốn thuế, nợ thuế hoặc kê khai sai.
- Hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế:
- + Tư vấn, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn thủ tục kê khai, nộp thuế, hoàn thuế...
- + Giúp NNT giảm chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian và công sức khi thực hiện các thủ tục hành chính thuế.
- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa cơ quan thuế và người nộp thuế:
- + Xây dựng hình ảnh cơ quan thuế thân thiện, chuyên nghiệp, hiện đại.
- + Tạo dựng lòng tin và sự hợp tác tích cực từ NNT trong quản lý thuế.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền và hỗ trợ:
- + Ứng dụng công nghệ thông tin để truyền tải thông tin thuế nhanh chóng, dễ tiếp cận (website, mạng xã hội, app, chatbot...).
- + Cải thiện trải nghiệm người dùng khi tương tác với cơ quan thuế qua các kênh trực tuyến.
- Góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước:
- + Khi NNT hiểu và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, nguồn thu cho NSNN sẽ ổn định, bền vững hơn.
- + Giảm chi phí quản lý thuế cho cơ quan thuế nhờ nâng cao hiệu quả hỗ trợ và sự hợp tác từ NNT.

b) Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế, nhằm hướng dẫn các DN, HKD tại xã, huyện TH quy định pháp luật về thuế gắn trực tiếp đến cuộc sống của người dân, tập trung vào những nội dung pháp luật về thuế liên quan đến tình hình vi phạm pháp luật, phù hợp đặc thù ở từng địa bàn. Chú trọng những đợt cao điểm như đầu năm và cuối năm, giúp DN, HKD có thể dự tính doanh thu, quyết toán thuế chính xác và chủ động đối chiếu, so sánh với mức doanh thu mà CQT đưa ra. Phấn đấu 100% cán bộ công chức thuộc hệ thống chính quyền, đoàn thể cơ sở và những người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuế được trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về thuế và các lĩnh vực pháp luật liên quan.

Nếu công tác tuyên truyền, hỗ trợ được thực hiện chất lượng và hiệu quả thì có thể nâng cao hiểu biết, ý thức của NNT, trình độ của CBT, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả QLT, hiệu quả QLNT. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ cần xác định 2 nội dung cơ bản và các biện pháp trong tuyên truyền, hỗ trợ trong nội bộ ngành Thuế và tuyên truyền hỗ trợ đối với DTNT. Cụ thể:

- Tuyên truyền trong nội bộ ngành Thuế: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các điểm mới sửa đổi, bổ sung trong pháp luật thuế cho các CBT để nâng cao nhận thức, vừa có kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu vừa có hiểu biết tổng hợp để có đủ khả năng quản lý, đáp ứng yêu cầu công việc. Trong đó, phải tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBT vừa tinh thông nghiệp vụ, vừa có kỹ sư phạm.

Đồng thời, quán triệt đến toàn thể CBT đổi mới phong cách, thái độ làm việc, thay đổi tư thế làm việc một cách chuyên nghiệp hơn, để đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác QLT trong thời kỳ mới. Cũng cố, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật về kinh tế nói chung và về công tác thuế nói riêng, để mỗi CBT là một tuyên truyền viên giỏi, có khả năng giải thích, giải đáp những thắc mắc về pháp luật thuế, thuyết phục DTNT thực hiện tốt nghĩa vụ của họ.

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật thuế, các cuộc thi CBT giỏi để khuyến khích tinh thần tự nâng cao trình độ hiểu biết, nghiệp vụ chuyên môn. Đồng thời, cũng tạo được tinh thần học hỏi, hăng say, sáng tạo trong công tác QLT. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả đường dây nóng, hộp thư điện tử giải đáp các vướng mắc về thuế cho DN, HKD, cá nhân.

- Tuyên truyền cho người dân, DN, cộng đồng xã hội: Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến các chính sách văn bản mới và yêu cầu người dân, DN tham gia. Chú trọng công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức như: tập huấn, đối thoại, tư vấn trực tiếp, tư vấn qua điện thoại hoặc trả lời bằng công văn; phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xuất bản các ấn phẩm dưới dạng các câu hỏi nhỏ, các tình huống cụ thể.

Áp dụng CNTT vào thiết lập website “Hộ kinh doanh” để các hộ dân dễ dàng tiếp cận, trao đổi các vấn đề về thuế. Tổ chức các buổi đối thoại với các DN

để giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật thuế. Những buổi đối thoại này vô cùng quan trọng, không chỉ giúp DN giải quyết được những vướng mắc mà còn giúp CQT hiểu được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của DN để có thể điều chỉnh công tác quản lý hiệu quả nhất.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

Đội ngũ cán bộ thuế có chuyên môn vững vàng, am hiểu pháp luật thuế và có kỹ năng truyền đạt, tư vấn.

Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác tuyên truyền – hỗ trợ, đảm bảo có sự phân công rõ ràng.

Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, tư vấn, sử dụng công nghệ số cho cán bộ làm công tác hỗ trợ.

Trang bị đầy đủ máy tính, máy in, đường truyền internet tốc độ cao, thiết bị trình chiếu để phục vụ công tác tập huấn, truyền thông.

Thiết lập và vận hành hiệu quả các kênh tương tác trực tuyến như: website, fanpage, Zalo OA, email hỗ trợ, hệ thống chatbot...

Cán bộ được đào tạo thành thạo kỹ năng sử dụng các phần mềm, công cụ truyền thông số (Zoom, Canva, Google Forms...).

3.2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý thuế

a) Mục tiêu của giải pháp

- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Đảm bảo cán bộ quản lý thuế có kiến thức sâu rộng, cập nhật kịp thời các quy định, chính sách thuế mới.
 - + Phát triển kỹ năng phân tích, xử lý các tình huống phức tạp trong quản lý thuế.
- Cải thiện kỹ năng giao tiếp và tư vấn
 - + Giúp cán bộ có khả năng truyền đạt, giải thích rõ ràng các chính sách, thủ tục thuế cho người nộp thuế.
- + Nâng cao kỹ năng hỗ trợ, tư vấn, tạo dựng mối quan hệ tin cậy với người NT.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin:
 - + Đào tạo cán bộ sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm quản lý thuế điện tử hiện đại.

+ Nâng cao khả năng xử lý dữ liệu, ứng dụng phân tích để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Thúc đẩy đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ:

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ trung thực, tận tâm, có ý thức phục vụ, tuân thủ quy định pháp luật.

+ Giảm thiểu tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động quản lý thuế.

b) Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Bổ sung thêm cán bộ cho Đội Kiểm tra QLN và CCNT vì hiện nay số lượng cán bộ QLN là rất ít so với khối lượng công việc yêu cầu. Cần lựa chọn cán bộ nhanh nhẹn, khả năng nắm bắt và sử dụng phần mềm nhanh. Tiếp tục chương trình xây dựng và củng cố lực lượng với những nội dung công việc như: tăng cường công tác chấn chỉnh kỷ cương kỷ luật trong ngành thuế, cùng với đó xây dựng môi trường làm việc, điều kiện làm việc để cán bộ yên tâm công tác, phát huy hết năng lực trong thực thi công vụ.

Để công tác quản lý nợ thuế được thực hiện tốt thì con người luôn là trung tâm, là yếu tố quan trọng nhất. Nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ CBT sẽ có tác động tích cực tới toàn bộ công tác QLT nói chung và QLNT nói riêng. Cụ thể như sau:

- Tập trung đào tạo kỹ năng cho CBT, chỉ đạo các phòng tăng cường đào tạo cán bộ tại chỗ, đào tạo theo hướng cầm tay chỉ việc. Nghiên cứu triển khai mô hình thảo luận, trao đổi các nội dung công việc chuyên môn, kinh nghiệm công tác, kinh nghiệm xử lý trong các đơn vị.

- Xây dựng phương án để tiến hành kiểm tra kiến thức cán bộ công chức. Đồng thời, nâng tỉ lệ tuyển dụng các ngạch công chức có trình độ đào tạo sau đại học để đẩy mạnh việc đáp ứng đúng số công chức đã được Tổng cục Thuế duyệt.

- Đào tạo nâng cao trình độ sử dụng máy tính và khai thác thông tin trên mạng cho đội ngũ CBT, đảm bảo đạt 100% CBT có thể sử dụng thành thạo ứng dụng vào công tác nghiệp vụ, 90% người sử dụng có thể làm việc trên môi trường mạng. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống thông tin về NNT; nâng cao kỹ năng sử dụng, quản lý, khai thác các nguồn thông tin về NNT.

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức của CBT. Để thực hiện tốt công tác quản lý thu thuế, chống thất thu thuế, việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức của CBT là vô cùng cần thiết và quan trọng. Do đặc thù công việc thường xuyên phải giải quyết vấn đề lợi ích kinh tế giữa NNT với NN, để TH hành vi gian lận thuế được trót lọt, không bị phát hiện, NNT có thể mua chuộc, cám dỗ, san sẻ lợi ích vật chất cho CBT. Vì vậy, nếu bản lĩnh, phẩm chất đạo đức CBT không tốt sẽ dễ dẫn đến vi phạm pháp luật hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm để lọt hành vi vi phạm pháp luật, gây thất thu NSNN.

- Rà soát và phân loại lại toàn bộ đội ngũ CBT QLNT và CCNT. Tổ chức kiểm tra và đánh giá trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận của từng CBT để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nâng cao và đào tạo lại.

- Đề cao vấn đề chất lượng CBT ngay từ khâu tuyển dụng. Nếu chúng ta làm tốt khâu tuyển dụng, lựa chọn được những CBT có trình độ chuyên môn, tư cách đạo đức thì sẽ giảm được chi phí đào tạo về sau, đồng thời hiệu quả quản lý cũng cao hơn.

Bên cạnh đó, phải thường xuyên nâng cao trình độ hiểu biết của CBT, trình độ chuyên môn, tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong cho CBT. Kết hợp với các trường Đại học, trường Cao đẳng, trường đào tạo bồi dưỡng ngành Tài chính để đào tạo cán bộ công chức QLT trong thời đại mới, đáp ứng các công tác QLNT phức tạp như hiện nay, tránh được những sai sót của CBT trong quá trình quản lý.

- Cần đặc biệt quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBT. Đây là tiền đề để xây dựng đội ngũ CBT trung thành với sự nghiệp đổi mới của Đảng; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, kiên quyết đấu tranh chống hành vi tham nhũng, tiêu cực, không sa ngã trước cám dỗ vật chất.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

Đảm bảo đủ số lượng cán bộ quản lý thuế theo quy định, có trình độ chuyên môn phù hợp.

Cán bộ có ý thức tự học, chủ động cập nhật kiến thức, sẵn sàng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Có chương trình đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng bài bản, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đổi mới chính sách thuế.

Hệ thống đào tạo đa dạng, kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến, giúp cán bộ dễ dàng tiếp cận.

Hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin được cập nhật, tích hợp và vận hành ổn định.

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, tạo động lực để cán bộ phát huy năng lực.

3.2.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong công tác quản lý nợ thuế

a) Mục tiêu của giải pháp

- Nâng cao hiệu quả quản lý và thu hồi nợ thuế:
 - + Đảm bảo các bộ phận phối hợp chặt chẽ trong việc phát hiện, giám sát và xử lý nợ thuế kịp thời, chính xác.
 - + Giảm tỷ lệ nợ thuế tồn đọng, tăng thu ngân sách nhà nước.
- Tối ưu hóa quy trình làm việc và trao đổi thông tin:
 - + Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin minh bạch, nhanh chóng giữa các phòng ban, Chi cục Thuế và các cơ quan liên quan.
 - + Hạn chế sai sót, trùng lặp trong công tác quản lý nợ thuế.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm từng bộ phận trong quản lý nợ thuế:
 - + Tăng cường sự phối hợp giữa phòng nghiệp vụ, bộ phận thanh tra, cưỡng chế, kế toán và các đơn vị liên quan.
 - + Đảm bảo mỗi bộ phận thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, phối hợp nhịp nhàng.
- Nâng cao khả năng xử lý các trường hợp nợ thuế phức tạp:
 - + Tăng cường phối hợp trong việc thu thập thông tin, phân tích, đánh giá khả năng thu hồi nợ.
 - + Xây dựng phương án cưỡng chế, xử lý nợ hiệu quả, đúng pháp luật.

b) Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Để thực hiện biện pháp này, cần đổi mới, hoàn thiện Quy chế phối hợp công tác, trao đổi thông tin giữa CQT với các cơ quan trong ngành Tài chính, các cơ quan có liên quan, nhất là đối với Cục Thuế tỉnh; theo nguyên tắc:

Thứ nhất, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, việc phối hợp phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hoặc đột xuất theo yêu cầu công việc giữa đơn vị trong ngành và UBND các cấp.

Thứ ba, việc phối hợp không trái với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo sự quản lý NN được thống nhất và thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN.

Thứ tư, các cơ quan chức năng liên quan có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các nội dung, tài liệu cần thiết và phối hợp giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính trong phạm vi thời gian quy định.

Thứ năm, những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp công tác phải được bàn bạc để thống nhất giải quyết.

Thứ sáu, các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế của NNT, theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Kết quả xử lý phải được thông báo theo quy định của pháp luật về công khai thông tin và bảo vệ bí mật NN.

Đồng thời, xác định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan có liên quan trong Quy chế phối hợp; cụ thể:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương để Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin, tình trạng hoạt động của DN; tiếp nhận thông tin, ghi chú cảnh báo trên Hệ thống thông tin đăng ký DN quốc gia đối với các đối tượng nợ đọng thuế lớn, chây ỳ, quá hạn kéo dài theo đề nghị của CCT, Cục Thuế tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với KBNN thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương trong công tác thu hồi nợ đọng thuế, thu thuế đối với hoạt động xây dựng cơ bản trên địa bàn theo quy định. Yêu cầu KBNN thực hiện các lệnh thu NS do CQT phát hành, cung cấp thông tin của NNT theo yêu cầu của CCT, Cục Thuế tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Ngân hàng NN tỉnh Hải Dương để Ngân hàng NN tỉnh chỉ đạo các chi nhánh NHTM, tổ chức tín dụng trên địa bàn phối hợp với CQT trong công tác thu nộp thuế; thực hiện các lệnh thu NSNN do CQT phát hành và cung cấp thông tin về NNT theo yêu cầu của CQT theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương để trao đổi thông tin, kiểm tra, điều tra làm rõ hành vi trốn thuế, lừa đảo, gian lận thuế, chiếm dụng tiền thuế, các loại tội phạm núp bóng DN và có các biện pháp xử lý kịp thời theo quy định để thu hồi nợ đọng thuế.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương, các cơ quan truyền thông, báo chí tỉnh Hải Dương trong công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật, chính sách về thuế và thực hiện công khai thông tin những trường hợp nợ đọng lớn, chây ỳ, quá hạn kéo dài.

- Phối hợp với UBND các huyện trên địa bàn trong công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn pháp luật, chính sách về thuế và quản lý, khai thác nguồn thu NS, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về thuế, công khai thông tin những trường hợp nợ đọng lớn, chây ỳ, quá hạn kéo dài trên địa bàn trong phạm vi địa bàn quản lý.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

Cơ cấu tổ chức rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các phòng ban, bộ phận liên quan trong quản lý nợ thuế.

Đội ngũ cán bộ có chuyên môn, kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm tốt, ý thức trách nhiệm cao.

Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp, quy trình làm việc chặt chẽ, minh bạch giữa các phòng ban, bộ phận.

Có sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên từ lãnh đạo Chi cục Thuế để đảm bảo thực hiện hiệu quả phối hợp.

Áp dụng phần mềm quản lý nợ thuế hiện đại hỗ trợ việc giám sát, báo cáo, phân tích nợ thuế.

Cơ chế xử lý, cưỡng chế nợ thuế được thực thi nghiêm minh, có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan liên quan.

3.2.5. Hoàn thiện công tác đơn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

a) Mục tiêu của giải pháp

- Tăng cường hiệu quả thu hồi nợ thuế:
 - + Nâng cao tỷ lệ thu hồi các khoản nợ thuế tồn đọng, giảm thiểu nợ quá hạn.
 - + Đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước được duy trì và phát triển ổn định.
- Hoàn thiện quy trình đơn đốc và cưỡng chế nợ thuế:
 - + Xây dựng quy trình đơn đốc, cưỡng chế khoa học, minh bạch, phù hợp với pháp luật.
 - + Rút ngắn thời gian xử lý nợ, giảm thủ tục hành chính phức tạp.
- Tăng cường trách nhiệm và phối hợp giữa các bộ phận:
 - + Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các phòng ban, bộ phận trong công tác đơn đốc và cưỡng chế nợ.
 - + Phân công rõ ràng trách nhiệm, tạo sự đồng thuận và kỷ luật trong thực hiện nhiệm vụ.
- Cải thiện công tác quản lý và giám sát:
 - + Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát tiến độ đơn đốc, cưỡng chế nợ thuế.
 - + Nâng cao chất lượng báo cáo, đánh giá tình hình nợ và hiệu quả công tác thu hồi.
- Tạo môi trường công bằng, minh bạch trong thực thi pháp luật thuế:
 - + Thực hiện cưỡng chế nợ thuế đúng pháp luật, công bằng, nhằm bảo vệ quyền lợi Nhà nước và người nộp thuế tuân thủ.
 - + Nâng cao uy tín, niềm tin của xã hội đối với cơ quan thuế

b) Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

**** Công tác đơn đốc NT***

Để tăng cường công tác QLNT, trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ các biện pháp đơn đốc thu hồi nợ sau:

- CCT căn cứ kế hoạch, địa bàn, hàng tháng rà soát và giao cụ thể chỉ tiêu thu NT tới từng đơn vị, cá nhân. Trên cơ sở kế hoạch, chỉ tiêu của CCT, các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện các nội dung liên

quan đến công tác đơn đốc thu nợ. Tăng cường hơn việc đối thoại, nắm bắt kịp thời khó khăn để tháo gỡ cho DN, HKD để các DN, HKD được hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện nghĩa vụ thuế với NN.

- CCT tiếp tục tổ chức rà soát tổng thể dữ liệu NT kịp thời điều chỉnh xử lý dứt điểm các khoản nợ chờ điều chỉnh, nợ chờ chờ xử lý; không tính tiền chậm nộp, giải quyết, xử lý dứt điểm các khoản nợ đang xử lý, đang chờ điều chỉnh trên địa bàn, không để nợ đang chờ điều chỉnh, nợ đang xử lý kéo dài mà không có lý do. Kiểm soát chặt chẽ việc phân loại nợ, phản ánh đúng bản chất của khoản TTN, phân tích nguyên nhân nợ của từng ĐTNT để có biện pháp đơn đốc thu nợ hiệu quả. Theo dõi, giám sát chặt chẽ các khoản NT, hàng tháng thông báo danh sách các DN nợ lớn yêu cầu các CBT tổ chức rà soát, đơn đốc, thực hiện CCNT theo quy định của Luật QLT.

Tại các đội liên xã, thành lập Tổ công tác đơn đốc nợ đọng thuế, thành phần gồm: CBT phụ trách địa bàn; cán bộ công chức phụ trách thu của UBND huyện, xã, công an phụ trách khu vực cùng tổ trật tự đô thị. Tổ công tác tăng cường đến tại các cơ sở kinh doanh còn nợ đọng thuế trực tiếp làm việc với chủ cơ sở kinh doanh, vận động đơn đốc và lắng nghe những thắc mắc của HKD về mức thuế, phương thức nộp thuế, các chính sách thuế,... để giải đáp những vướng mắc mà HKD nêu ra; hướng dẫn HKD các cách thức tìm hiểu về chính sách thuế thông qua các kênh như đường dây nóng của Tổng cục Thuế, trực tiếp đến bộ phận tiếp dân của CQT, tìm hiểu các luật về thuế trên các phương tiện truyền thông như loa truyền thanh của UBND xã, mạng internet,... nhằm đơn đốc, vận động các HKD nộp vào NSNN kịp thời.

Thường xuyên nắm bắt tình hình SXKD của các DN NT; thu thập thông tin phản hồi của NNT để xác định chính xác nguyên nhân NT, từ đó có biện pháp đơn đốc phù hợp với từng trường hợp cụ thể, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định pháp luật, tháo gỡ khó khăn cho DN. Trường hợp vượt thẩm quyền, phải chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế, biểu dương các DN chấp hành tốt pháp luật thuế, phê phán những trường hợp cố tình vi phạm, công khai thông tin nợ đọng thuế đúng quy định hiện hành. Bên cạnh đó, CQT phải kịp thời rà soát, cảnh báo NNT kê khai không đúng, chưa đủ, điều chỉnh kịp thời các trường hợp NNT kê khai sai, nộp không đúng mục, tiểu mục; thực hiện đơn đốc thu theo sát số phát sinh, không để làm tăng nợ đến 90 ngày.

Lãnh đạo CCT phải tập trung chỉ đạo, áp dụng cương quyết, triệt để các biện pháp đơn đốc và công khai thông tin NT cụ thể đối với từng DN, NNT trên địa bàn để thu hồi kịp thời số tiền nợ đọng vào NSNN, không để phát sinh nợ mới.

** Công tác CCNT*

Xác định công tác CCNT có vai trò quan trọng, góp phần tăng thu cho NSNN, trong thời gian qua, công tác CCNT đã được Bộ Tài chính và ngành Thuế đặc biệt quan tâm, không chỉ bởi để đáp ứng được nguồn thu cho NSNN, mà quan trọng hơn là để chấn chỉnh và làm chuyển biến nhận thức về việc chấp hành chế độ chính sách pháp luật của NNT trên địa bàn. Hàng năm, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế luôn chỉ đạo các Cục Thuế, các CCT thường xuyên thực hiện rà soát, đối chiếu các khoản nợ để phân tích, phân loại và QLNT, mạnh dạn áp dụng các biện pháp xử phạt do chậm nộp tiền thuế, tăng cường triển khai cưỡng chế và thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật QLT... Ngoài kết hợp các biện pháp đơn đốc thu hồi nợ nêu trên, CCT cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

- Thường xuyên rà soát, đối chiếu các khoản nợ thuế, giúp cho CQT và NNT không mất nhiều thời gian trong việc rà soát, đối chiếu để xác định số liệu NT chính xác và điều chỉnh tiền chậm nộp do sai sót trong quá trình kê khai làm cơ sở cho công tác CCNT kịp thời, chính xác.

- Tăng cường thu thập thông tin để nắm bắt kịp thời, chính xác thông tin về NNT ngoài việc áp dụng hiệu quả “ứng dụng TPR” (là ứng dụng phân tích thông tin rủi ro đối với NNT) được quản lý tập trung tại Tổng cục Thuế (thông tin, dữ liệu đối với NNT được tổng hợp từ hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính, kết quả

thanh tra kiểm tra, tình hình tuân thủ pháp luật thuế và các thông tin khác có liên quan của NNT). CCT tăng cường thu thập từ các nguồn thông tin bên ngoài tại trụ sở NNT, từ các nguồn thông tin trên báo chí, kết quả điều tra thống kê và chia sẻ dữ liệu với của các ban, ngành (đặc biệt là Cục Thống kê).

- Kiên quyết áp dụng biện pháp mạnh trong CCNT, các trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tại nhiều tổ chức tín dụng, KBNN khác nhau thì CCT căn cứ số lượng tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng, KBNN ban hành quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản đối với một tài khoản hoặc nhiều tài khoản, đồng thời yêu cầu tổ chức tín dụng, KBNN phong tỏa tài khoản đối với các tài khoản còn lại của NNT tương ứng với số tiền bị cưỡng chế trong trường hợp cần thiết. Trường hợp CCT không áp dụng được biện pháp trích tiền từ tài khoản hoặc đã áp dụng nhưng không thu đủ TTN mà có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thì CCT có văn bản đề nghị Cơ quan Hải quan áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đối với biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề: trong thời gian từ ngày CCT có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan đăng ký kinh doanh đến ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có quyết định thu hồi hoặc có văn bản về việc không thu hồi thì CCT có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo hiệu quả công tác QLT.

- CCT quyết liệt triển khai các biện pháp thu hồi nợ, CCNT; giám sát chặt chẽ việc thực hiện CCNT. Tổ chức rà soát tổng thể dữ liệu NT kịp thời và cương quyết TH các biện pháp CCNT theo đúng quy định của pháp luật, như: phong tỏa tài khoản, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, thu hồi giấy đăng ký kinh doanh; công khai thông tin NT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

Đội ngũ cán bộ đơn đốc, cưỡng chế được đào tạo chuyên sâu, có kỹ năng nghiệp vụ và pháp lý tốt.

Phân công rõ ràng trách nhiệm từng cá nhân, bộ phận trong quy trình đơn đốc và cưỡng chế nợ thuế.

Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình đơn đốc và cưỡng chế phù hợp, rõ ràng, minh bạch.

Cơ chế giám sát, đánh giá, khen thưởng và xử lý vi phạm trong công tác thu hồi nợ thuế.

Quy trình phối hợp liên ngành trong cưỡng chế nợ thuế được thiết lập và vận hành hiệu quả.

Ứng dụng hệ thống quản lý thuế điện tử, phần mềm giám sát nợ thuế và đơn đốc tự động.

Hệ thống dữ liệu thông tin về nợ thuế phải được cập nhật chính xác, liên tục và dễ dàng truy cập.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác hợp hành, trao đổi, phối hợp liên ngành đầy đủ, hiện đại.

Cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật, hướng dẫn thi hành liên quan đến đơn đốc và cưỡng chế nợ thuế.

Có cơ chế xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế, chống thất thu ngân sách

3.2.6. Hoàn thiện công tác kiểm tra giám sát, báo cáo kết quả thu nợ thuế

a) Mục tiêu thực hiện giải pháp

- Nâng cao hiệu quả kiểm tra và giám sát thu nợ thuế:
- + Đảm bảo việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, kịp thời, chính xác, góp phần giảm thiểu rủi ro và thất thoát thuế.
- + Phát hiện sớm các tồn tại, sai phạm trong công tác thu nợ để xử lý kịp thời.
- Hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát:
- + Xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát đồng bộ, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật.
- + Tăng cường tính hệ thống và chuẩn hóa công tác kiểm tra giám sát.
- Nâng cao chất lượng và độ tin cậy của báo cáo kết quả thu nợ:
- + Đảm bảo các báo cáo thu nợ được lập đầy đủ, chính xác, kịp thời và có tính phản ánh thực tế cao.

- + Cung cấp thông tin phục vụ quản lý, ra quyết định và đánh giá hiệu quả công tác thu hồi nợ thuế.

- Tăng cường trách nhiệm và phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát:

- + Phân công rõ trách nhiệm giữa các phòng ban, cán bộ liên quan trong công tác kiểm tra và báo cáo.

- + Thúc đẩy sự phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, giám sát và báo cáo:

- + Sử dụng các phần mềm, hệ thống quản lý thuế hiện đại để theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thu nợ chính xác, nhanh chóng.

- + Tăng cường phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ phát hiện các rủi ro, điểm bất thường trong thu nợ thuế.

b) Nội dung, cách thức thực hiện

- CCT cần chỉ đạo quyết liệt và triển khai có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; đơn giản hóa thủ tục hành chính theo các quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT trong công tác thanh tra, kiểm tra. Chú trọng công tác chuẩn bị thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT, theo đó triển khai phân tích chuyên sâu để lựa chọn các nội dung trọng tâm cần thanh tra, kiểm tra; Yêu cầu NNT cung cấp các thông tin theo quy định qua hòm thư điện tử (trừ các thông tin, tài liệu mà NNT đã gửi đến CQT)... để đảm bảo rút ngắn thời gian thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT, công tác thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho NNT, tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về thuế nói chung và chính sách pháp luật thanh tra, kiểm tra nói riêng.

- Tăng cường triển khai thanh tra, kiểm tra NNT có dấu hiệu rủi ro cao về thuế. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán và chấp hành chính sách thuế đối với các DN thuộc ngành nghề, lĩnh vực có khả năng có số thu lớn. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và công bố công khai

trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với NNT có hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, chiếm đoạt tiền hoàn thuế.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn, trao đổi nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế. Nâng cao năng lực và kỹ năng cho công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế trong việc phát hiện phương thức, thủ đoạn, hành vi gian lận mới đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Triển khai việc sát hạch kiến thức và kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế đối với công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra.

- Đẩy nhanh công tác tổng hợp số liệu, hiệu chỉnh số liệu để công tác lập, gửi báo cáo kết quả thu NT được thực hiện theo đúng thời gian quy định. Bởi nếu công tác tổng hợp số liệu, hiệu chỉnh số liệu bị kéo dài sẽ dẫn đến công tác lập báo cáo kết quả thu NT kéo dài, công tác lập báo cáo bị kéo dài dẫn đến công tác gửi báo cáo bị chậm thời gian so với quy định.

c) Điều kiện thực hiện giải pháp

Phân công rõ ràng, trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, bộ phận liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo.

Quy trình kiểm tra, giám sát được xây dựng và chuẩn hóa, đảm bảo tính khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật.

Cơ chế giám sát, đánh giá kết quả công tác kiểm tra và báo cáo được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc.

Chính sách khuyến khích và xử lý vi phạm liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát được áp dụng rõ ràng.

Hệ thống phần mềm quản lý thuế và quản lý nợ thuế hiện đại, tích hợp chức năng kiểm tra, giám sát và báo cáo tự động.

Dữ liệu thuế được cập nhật liên tục, chính xác, thuận tiện cho việc phân tích và tổng hợp báo cáo.

Cơ sở vật chất hiện đại, phòng làm việc, phòng họp, trang thiết bị máy móc đầy đủ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo.

Có sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời từ cấp trên trong việc tổ chức và triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, trong chương 3 tác giả đã định hướng, mục tiêu và đề xuất giải pháp hoàn thiện nợ thuế nói chung và giải pháp quản lý nợ thuế nói riêng tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

Từ những giải pháp mang tính đồng bộ và có tính khả thi, thể hiện trên tất cả các mặt như hoàn thiện về pháp luật, nghiệp vụ, về cơ cấu tổ chức, về kỹ thuật quản lý, về con người... giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Tuy nhiên, khả năng tìm hiểu cũng như kinh nghiệm nghiên cứu của tác giả còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót, mặt khác những giải pháp nêu trên chỉ mang tính chủ quan của tác giả.

KẾT LUẬN

Quản lý nợ thuế là một trong những chức năng quan trọng và xuyên suốt trong hệ thống quản lý thuế. Những thành quả đạt được trong công tác quản lý nợ thuế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý thuế, từ đó góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý nợ thuế, Chi cục Thuế thành phố Chí Linh trong những năm qua đã có những chuyển biến tích cực nhờ việc lắng nghe, chia sẻ khó khăn với NNT để từ đó có những giải pháp thu hiệu quả. Tuy nhiên, quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Vì vậy, việc tìm ra giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế là hết sức cần thiết và cần được nghiên cứu, đánh giá một cách nghiêm túc, toàn diện.

Đề tài đã phân tích những vấn đề lý luận nền tảng cơ bản như: khái niệm, vai trò của quản lý nợ thuế; phân loại nợ thuế; các tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế.

Với mục tiêu đề xuất những ý kiến đóng góp hoàn thiện những lý luận cơ bản, chính sách về quản lý nợ thuế và đề ra những giải pháp nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, đề án đã tập trung làm rõ: lý luận về quản lý nợ thuế, trên cơ sở yêu cầu và mục tiêu của quản lý nợ thuế, nghiên cứu kinh nghiệm công tác quản lý nợ thuế ở một số Chi cục Thuế các tỉnh khác để có thể áp dụng đối với Chi cục Thuế thành phố Chí Linh. Thông qua việc đi sâu vào nghiên cứu thực trạng công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân của những tồn tại trong quản lý nợ thuế, phân tích những kết quả đạt được cũng như tồn tại hạn chế để từ đó đề xuất giải pháp cơ bản, đồng bộ có tính khả thi nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Chí Linh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài Chính (2019), *Quyết định số 110/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/01/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục thuế khu vực trực thuộc Cục thuế tỉnh, thành phố, Hà Nội.*
- [2] Chi cục Thuế TP Chí Linh (2019-2023), *Báo cáo tình hình Quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 của CCT TP Chí Linh.*
- [3] Dương Đăng Chinh - Phạm Văn Khoan (2009), *Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.
- [4] Nguyễn Cúc (2010), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế*, Đại học Thương Mại
- [5] Nguyễn Thị Thùy Dương (2016), *Chính sách Thuế và Quản lý thuế*, sách chuyên khảo, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [6] Quang Hiệp (2014), *Phát triển nhìn từ Thuế*, Tạp chí thuế số 3/2014.
- [7] Ma Văn Huy (2020), *Quản lý nợ thuế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Thái Nguyên.
- [8] Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiệu (2009), *Giáo trình Thuế*, NXB Tài chính.
- [9] Bùi Văn Nam và các cộng sự (2019), *Nghiên cứu xây dựng chiến lược cải cách quản lý thuế Việt Nam đến năm 2030*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính.
- [10] Nguyễn Thị Kim Ngân (2019), *Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cường chế nợ thuế tại Cục thuế tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Thái Nguyên.
- [11] Quốc hội (2019), *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019*, Hà Nội.
- [12] Tổng Cục thuế (2019), *Quyết định số 245/QĐ-TCT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc Chi cục thuế ngày 25/3/2019*, Hà Nội.
- [13] Lê Xuân Trường (2010), *Giáo trình Thuế Nhà nước*, NXB Tài chính.
- [14] Trần Việt Tuấn (2021), *Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cường chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Học viện Tài chính.

- [15] Nguyễn Hữu An (2019), *Hoàn thiện công tác quản lý thu nợ thuế tại Cục thuế huyện Đông Hà*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Huế.
- [16] Trần Việt Tuấn (2021), *Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Trường Học viện Tài chính.
- [17] Nguyễn Văn Hùng (2021), *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế thành phố Nha Trang*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Nha Trang.
- [18] Nguyễn Thị Hồng Nhung (2022), *Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
19. Website Cổng thông tin điện tử tỉnh Hải Dương: <http://haiduong.gov.vn>
20. Website Tổng cục thuế - Bộ Tài chính: <http://www.gdt.gov.vn/>
21. Website Thuế Nhà nước: <http://tapchithue.com.vn/>